

DỰ TOÁN CHI TIẾT: XÂY DỰNG I
(Kèm theo Quyết định số 29/

STT	Nội dung	Ký hiệu	Cách tính
I	Chi phí thiết bị	Gt	
1	Chi phí thiết bị phần cứng	Gtb	Báo giá thị trường
2	Chi phí xây dựng Hệ thống thông tin OCOP và nông đặc sản của tỉnh	Gpm	Lập dự toán
3	Chi phí tạo lập dữ liệu đầu kỳ	Gsh	Lập dự toán
4	Chi phí đào tạo	Gdt	Lập dự toán
II	CHI PHÍ QUẢN LÝ (Gql)	Gql	
1	Chi phí quản lý		$2,809\% \times (Gpm+Gsh+Gdt) + 2,644\% \times Gtb$
III	CHI PHÍ TƯ VẤN (Gtv)	Gtv	
3.1	Chi phí lập đề cương và dự toán chi tiết		Báo giá thị trường
3.2	Chi phí lập hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu		$2 \times 0,1\% \times (Gt)$
3.3	Chi phí thẩm định E-HSMT, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu		$2 \times 0,05\% \times (Gt)$
3.4	Chi phí giám sát		
IV	CHI PHÍ KHÁC CÓ LIÊN QUAN (Gk)	Gk	
4.1	Chi phí kiểm thử		Lập dự toán
4.2	Chi phí thuê dịch vụ máy chủ ảo		Báo giá thị trường
4.3	Chi phí đăng thông tin đấu thầu, thông báo mời thầu		
4.4	Chi phí thẩm định giá		Báo giá thị trường
V	CHI PHÍ DỰ PHÒNG	Gdp	
	TỔNG CỘNG	TMĐT	Gt+Gql+Gtv+Gk+Gdp

Bảng chữ: Ba tỷ, chín trăm tám mươi

HỆ THỐNG THÔNG TIN OCOP VÀ NÔNG SẢN CỦA TỈNH
 9/QĐ-UBND ngày 06/02/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Thành tiền trước thuế	Thuế VAT	Chi phí sau thuế	Phân kỳ đầu tư	
			2023	2024
3.364.528.000	0	3.449.958.000	0	3.449.958.000
77.663.636	7.766.364	85.430.000	0	85.430.000
3.324.578.000	0	3.324.578.000	0	3.324.578.000
27.200.000	0	27.200.000	0	27.200.000
12.750.000	0	12.750.000	0	12.750.000
89.600.334	7.168.027	96.768.361	0	96.768.361
89.600.334	7.168.027	96.768.361	0	96.768.361
82.218.000	6.577.000	88.796.000	77.895.000	10.901.000
72.124.657	5.769.973	77.894.630	77.894.630	0
6.729.056	538.324	7.267.380	0	7.267.380
3.364.528	269.162	3.633.690	0	3.633.690
0	0	0	0	0
337.812.091	7.424.909	345.237.000	32.000.000	313.237.000
263.563.000	0	263.563.000	0	263.563.000
44.858.182	4.485.818	49.344.000	0	49.344.000
300.000	30.000	330.000	0	330.000
29.090.909	2.909.091	32.000.000	32.000.000	0
	0	0	0	0
3.874.158.425	21.169.936	3.980.759.361	109.895.000	3.870.864.361

ri triệu, bảy trăm năm mươi chín nghìn, ba trăm sáu mươi một đồng./.

Đơn vị tính: đồng

GHI CHÚ
PL1
PL2
PL3
PL4
Quyết định số 1688/QĐ-BTTTT ngày 11/10/2019
Hợp đồng trọn gói
Nghị định số 63/2014/NĐ-CP
Nghị định số 63/2014/NĐ-CP
Đơn vị tự thực hiện
PL5
PL1
Thông tư liên tịch số 07/2015/TTLT- BKHĐT-BTC ngày 08/09/2015
Hợp đồng trọn gói

TT	Tên sản phẩm
A	SẢN PHẨM ĐẠT 04 SAO (21 sản phẩm)
I	Huyện Đình Lập
1	Trà Ô Long
2	Chè Bát tiên
3	Chè Ngọc Thúy
II	Huyện Chi Lăng
4	Na Chi Lăng
5	Na Chi Lăng
6	Na Chi Lăng
7	Hoa hồi khô
8	Tinh dầu hồi
9	Na Chi Lăng
III	Huyện Văn Lãng
10	Hồng Vành Khuyên
11	Hồng Vành Khuyên
IV	Thành phố Lạng Sơn
12	Vịt quay Hồng Xiêm
13	Mật ong ngũ gia bì
14	Ngõng hoa cải
V	Huyện Hữu Lũng
15	Rượu men lá Mỏ Heo
16	Na Chi Lăng
VI	Huyện Văn Quan
17	Tinh dầu hồi Văn Quan
VI	Huyện Bắc Sơn
18	Quýt vàng Bắc Sơn
19	Gạo nếp cái hoa vàng
VI	Huyện Tràng Định
20	Quy linh cao
21	Thạch đen dạng bột
B	SẢN PHẨM ĐẠT 03 SAO (73 sản phẩm)
I	Thành phố Lạng Sơn
1	Mật ong hương rừng Xứ Lạng
2	Hạt dẻ tươi An Sơn
3	Bánh dày truyền thống Mai Pha
4	Bánh ngải truyền thống Mai Pha
II	Huyện Lộc Bình
5	Khoai lang Lộc Bình
6	Bánh phở khô đặc biệt Hoàng Quyên
7	Bánh phở tươi đặc biệt Hoàng Quyên
8	Chanh rừng Mẫu Sơn

9	Ô mai chanh rừng Mẫu Sơn
10	Gà 6 ngón Mẫu Sơn Lộc Bình
11	Khau nhục Trần Sinh
III	Huyện Đình Lập
12	Bún ngô Thuận Anh
13	Vịt cổ xanh Đình Lập
14	Gà Đình Lập
15	Măng tây xanh Cương Tân
IV	Huyện Chi Lăng
16	Cao khô Vạn Linh (mỳ gạo)
17	Tinh bột nghệ hữu cơ Hồng Nhung
18	Rau Bò khai
19	Mật ong Vân Thủy
20	Lạp sườn xông khói ăn liền Bích Trâm
21	Lạp sườn tươi Bích Trâm
22	Lạp sườn tươi
23	Măng ớt Hải Yêu
24	Khau nhục Bà Phin
25	Bánh Khẩu Sli Quế
26	Trà diếp cá Lụa Vy
27	Cao khô Vạn Linh
V	Huyện Tràng Định
28	Gạo bao thai hồng
29	Thạch đen Hồng Nhung
30	Gạo nếp Ong vàng
31	Trứng vịt đầu xanh
32	Bí xanh thơm
33	Bánh Khảo gia truyền Tất Liên
VI	Huyện Văn Quan
34	Rượu men lá Hữu Lễ
35	Miến dong Tràng Phái
36	Cao khô Chợ Bãi
37	Trám đen Đồng Giáp
38	Mật ong rừng Liên Hội
VII	Huyện Bình Gia
39	Chè dưới tán Hôi
40	Thạch đen Bình Gia
41	Rau cải bắp
42	Rau cải làn
43	Miến dong Minh Khai
44	Quả Thanh Long ruột trắng Bình Gia
45	Quả Thanh Long ruột Đỏ Bình Gia
46	Quả mắc mật khô Tuệ Linh Bình Gia
VIII	Huyện Hữu Lũng
47	Nem nướng Khôi Loan
48	Na Chi Lăng
49	Na Chi Lăng
50	Măng Bát Độ (măng khô)

51	Măng Bát Độ (măng chua)
52	Mật ong hoa rừng Hòa Sơn
53	Bánh chưng cẩm Hồng Lý
54	Na Chi Lăng
IX	Huyện Văn Lãng
55	Rượu Hội Hoan
56	Thạch Chu Hạnh
57	Lạp sườn Phong Liên
58	Dầu lạc Linh Khôi
59	Gạo Nhật J02
60	Mật ong tự nhiên Phai Nà
61	Bún gác Lệ Tri
X	Huyện Cao Lộc
62	Hồng không hạt Bảo Lâm
63	Rau cải làn
64	Rau cải ngồng hoa vàng
65	Hồng không hạt Bảo Lâm
66	Rượu men lá người Dao
67	Macadamia Hoàng Liên
68	Vịt quay Nguyên Xinh
69	Hạt dẻ tươi
XI	Huyện Bắc Sơn
70	Bánh Chưng đen Bắc Sơn
71	Rượu men lá suối Mỏ Mắm
72	Dầu lạc Tuấn Hưng BS
73	Lạp sườn Kinh Sa

Tên cơ sở sản xuất
Công ty Cổ phần chè Thái Bình Lạng Sơn
Công ty Cổ phần chè Thái Bình Lạng Sơn
Công ty Cổ phần chè Thái Bình Lạng Sơn
HTX dịch vụ và sản xuất NN Đồng Mỏ
Tổ hội sản xuất Na theo tiêu chuẩn VietGAP xã Chi Lăng
Hợp tác xã Dịch vụ và PTNN Đồng Tiến xã Y Tịch
Công ty TNHH chế biến và xuất khẩu nông lâm sản Lạng Sơn
Công ty TNHH chế biến và xuất khẩu nông lâm sản Lạng Sơn
Hợp tác xã dịch vụ và sản xuất nông nghiệp Đồng Bành, thị trấn Chi Lăng
HTX sản xuất kinh doanh Hồng Vành Khuyên Nà Mỏ
Hợp tác xã Hoàng Việt
Hộ kinh doanh nhà hàng Hồng Xiêm
HTX sản xuất và dịch vụ NN Quảng Hồng
HTX nông nghiệp công nghệ cao và phát triển Lạng Sơn
Cơ sở sản xuất rượu Mỏ Heo
HTX sản xuất, kinh doanh dịch vụ nông, lâm nghiệp xã Cai Kinh
Hộ kinh doanh Nông Văn Tú
HTX nông nghiệp Nam Hồng
HTX Sản xuất - Kinh doanh tổng hợp xã Bắc Sơn
Công ty TNHH SX và ĐT XNK Đức Quý
Công ty TNHH SX và ĐT XNK Đức Quý
Hợp tác xã sản xuất và dịch vụ nông nghiệp Quảng Hồng
Hợp tác xã nông nghiệp An Sơn
Hợp tác xã bánh truyền thống Mai Pha
Hợp tác xã bánh truyền thống Mai Pha
Công ty TNHH MTV Nông nghiệp VIGIA
Hộ kinh doanh Vi Xuân Hoàng
Hộ kinh doanh Vi Xuân Hoàng
HTX nông trang sinh thái Mẫu Sơn

Hợp tác xã nông trang sinh thái Mẫu Sơn
Hợp tác xã Thành Lộc
Hộ sản xuất kinh doanh Trần Sinh
Hộ kinh doanh Bế Thị Lan Anh
HTX nông nghiệp Bắc Lãng
Hợp tác xã nông nghiệp Bắc Lãng
Hộ sản xuất kinh doanh Đặng Văn Cương
Tổ hợp tác phụ nữ sản xuất Cao khô Vạn Linh
Xưởng chế biến nông sản hữu cơ gừng, nghệ Hồng Nhung
Hợp tác xã Nông nghiệp thôn Lũng Cút
HTX nuôi ong mật Vân Thủy
Hộ sản xuất, kinh doanh Hàn Thị Hạnh
Hộ sản xuất, kinh doanh Hàn Thị Hạnh
Hợp tác xã nông sản huyện Chi Lăng
Hộ sản xuất, kinh doanh Lưu Thị Yêu
Hợp tác xã nông sản huyện Chi Lăng
Công ty TNHH chế biến và XK nông lâm sản Lạng Sơn
Hợp tác xã chế biến nông sản Lua Vy
Hợp tác xã phụ nữ sản xuất cao khô Vạn Linh
Hợp tác xã Nông sản sạch Tràng Định
Hộ kinh doanh Hà Thị Tuyết Nhung
HTX nông sản sạch Tràng Định
Hợp tác xã Quốc Khánh
Hợp tác xã nông nghiệp Đề Thám
Hộ sản xuất kinh doanh Đồng Tất Liên
Hộ sản xuất rượu Nông Thị Chi
Công ty Cổ phần và đầu tư phát triển Ba Sơn
HTX Cao khô Chợ Bãi
Hộ sản xuất kinh doanh Tôn Văn Trường
HTX sản xuất và dịch vụ nông nghiệp Liên Hội
Hợp tác xã Chè dưới tán Hối
Hộ Kinh doanh Vi Văn Trung
THT rau sạch Thị trấn Bình Gia
THT rau sạch Thị trấn Bình Gia
Hộ kinh doanh Hứa Văn Thu
Tổ hợp tác Thanh Long Bình Gia
Tổ hợp tác Thanh Long Bình Gia
Hộ sản xuất kinh doanh Trần Văn Hùng
Hộ kinh doanh Mai Thị Loan
Hợp tác xã Dịch vụ dịch vụ nông nghiệp Hòa Lạc
Hợp tác xã Dịch vụ Yên Sơn
HTX sản xuất và cung ứng dịch vụ nông nghiệp xã Quyết Thắng

HTX sản xuất và cung ứng dịch vụ nông nghiệp xã Quyết Thắng
Hợp tác xã sản xuất dịch vụ nông, lâm nghiệp xã Hòa Sơn
Hộ sản xuất kinh doanh Vi Thị Hồng Lý
HTX DV, sản xuất nông, lâm nghiệp, cây ăn quả xã Yên Vượng
Hợp tác xã Thảo Lâm
Hộ kinh doanh Chu Thị Hạnh
Hộ sản xuất, kinh doanh Nguyễn Thị Liên
Hộ sản xuất, kinh doanh Dương Thị Liên
Hợp tác xã Nông nghiệp
Hợp tác xã nuôi ong lấy mật Phai Nà
Hộ sản xuất kinh doanh Trương Kiến Tri
THT sản xuất Hồng không hạt Bảo Lâm xã Hải Yến
HTX rau củ quả sạch Gia Cát
HTX rau củ quả sạch Gia Cát
Hợp tác xã sản xuất cây củ quả sạch Hòa Cư
Hợp tác xã nông nghiệp Công Sơn
Công ty TNHH MTV Hoàng Liên MC
Hộ sản xuất kinh doanh Vũ Giang Cường
Hợp tác xã Nông sản Thanh Lò
HTX sản xuất - kinh doanh tổng hợp xã Bắc Sơn
Hộ kinh doanh Dương Công Hành
Hợp tác xã nông nghiệp Tuấn Hưng
Hợp tác xã nông nghiệp dịch vụ chăn nuôi Hợp Tiến

Người đại diện	Số điện thoại
Trần Thanh Nghiêm	02053.848.193
Trần Thanh Nghiêm	02053.848.193
Trần Thanh Nghiêm	02053.848.193
Đàm Thị Ngọc Thúy	0363.845.282
Đoàn Tuấn Hậu	0386.151.518
Lương Hiệu Nghiêm	0368.463.424
Phạm Thị Giang	0988.888.036
Phạm Thị Giang	0988.888.036
Hứa Quốc Công	0385.554.113
Hoàng Văn Hậu	0344.885.866
Hoàng Văn Hưng	0356.960.825
Nguyễn Thị Hồng Xiêm	0913.323.631
Hoàng Văn Cương	0946.587.135
Chu Thị Nhị	0913.299.928
Vũ Văn Tùng	0917.987.866
Hoàng Văn Oánh	01234.619.240
Nông Văn Tú	0972.580.434
Đặng Văn Lương	0376.151.271
Dương Mạnh Thắng	0845.030.366
Hà Viết Quý	0833.193.888
Hà Viết Quý	0833.193.888
Hoàng Văn Cương	0946.587.135
Nguyễn Trung Hiếu	0986.738.803
Đinh Thị Yến	0816.366.388
Đinh Thị Yến	0816.366.388
Vi Văn Đức	0915.097.225
Vi Xuân Hoàng	0983.976.556
Vi Xuân Hoàng	0983.976.556
Hoàng Phúc Thắng	0982.667.671

Hoàng Phúc Thắng	0975.058.792
Lý Minh Hiếu	0337.690.286
	0913.298.214
Bé Thị Lan Anh	0975.218.872
Đinh Gia Vĩnh	0949.345.537
Đinh Gia Vĩnh	0949.345.537
Đặng Văn Cường	0356.566.399
Triệu Thị Sơn	0352.230.278
Hoàng Hồng Nhung	0989.047.624
Lưu Anh Tuấn	0357.291.335
Hoàng Văn Phước	0985.100.406
Hà Thị Hạnh	0915.997.523
Hà Thị Hạnh	0915.997.523
Nguyễn Thị Lý	0915.483.800
Lưu Thị Yêu	0975.365.069
Nguyễn Thị Lý	0915.483.800
Phạm Thị Giang	0988.888.036
Vi Thị Lựa	0989.661.958
Triệu Thị Chuyên	0394.711.498
Hoàng Trung Nghĩa	0977.968.968
Hà Thị Tuyết Nhung	0374.821.642
Hoàng Văn Hải	0983.679.656
Phạm Thị Huệ	0346.050.300
Hoàng Trung Tình	0326.871.811
Đông Tất Liên	0979.979.889
Nông Thị Chỉ	0944.539.988
Đàm Văn Phúc	0947.608.877
Lý Anh Tuấn	0965.083.856
Tôn Văn Trường	0358.562.756
Luân Văn Tâm	0963.911.129
Lê Tiến Lâm	0977.243.888
Vi Văn Trung	0382.992.114
Lương Thị Phú	0389.316.545
Lương Thị Phú	0389.316.545
Hứa Văn Thu	0346.061.372
Hoàng Đình Uyên	0359.990.064
Hoàng Đình Uyên	0359.990.064
Trần Văn Hùng	0987.564.244
Mai Thị Loan	0985.039.454
Lý Văn Đại	0978.561.617
Nông Viết Đại	0337.686.000
Triệu Văn Quỳnh	0386.669.191

Triệu Văn Quỳnh	0386.669.191
Nguyễn Ngọc Trai	0365.939.051
	0358.376.638
	0914.694.931
Lý Thị Hiền	0986.167.864
Chu Thị Hạnh	0383.553.153
Nguyễn Thị Liên	0989.819.131
Dương Thị Liên	0363.478.286
Nông Thế Hiệu	0374.694.151
	0338.117.091
	0987.478.555
Lộc Văn Hoàng	0972.886.469
Hoàng Văn Thuận	0816.807.668
Hoàng Văn Thuận	0816.807.668
Lã Văn Lâm	0815.445.785
Triệu Sáng Suấn	0983.488.163
Nguyễn Mạnh Hùng	0985.001.888
	0888.322.777
	0398.027.196
Dương Mạnh Thắng	0845.030.366
Dương Công Hành	0368.942.082
Hoàng Văn Ôn	0949.281.658
Phạm Bá Tinh	0389.657.662

Địa chỉ	Ghi chú
Khu 3, thị trấn Nông	
Khu 3, thị trấn Nông	
Khu Đoàn Kết, TT Nông	
Thị trấn Đồng Mô	
Xã Chi Lăng	
Thôn Giáp Thượng 2, xã	
Thôn Lạng Giai A, xã	
Thôn Lạng Giai A, xã	
Thôn Minh Hòa, thị trấn	
Thôn Nà Mò, xã Tân Mỹ	
Thôn Pò Nheo, xã Hoàng	
Số 2A, đường Phai Vệ,	
Thôn Quảng Hồng, xã	
Thôn Bình Cầm, xã Mai	
Thôn Đồng Heo, xã Đồng Tân	03 nâng lên 4 sao
Xã Cai Kinh	
Thôn Nà Háy, xã Bình	
Thôn Hồng Phong 4, xã	
Thôn Đông Đăng I, xã	
Thôn Khuổi Sớ, xã Kim	
Thôn Khuổi Sớ, xã Kim	
Thôn Quảng Hồng, xã	
Thôn Quảng Trung 3, xã	
Thôn Khòn Khuyên, xã	
Thôn Khòn Khuyên, xã	
Khu cầu 20, xã Đồng	
Thôn Háng Cáu, xã	
Thôn Háng Cáu, xã	
Thôn Bó Pằm, xã Mẫu	

Thôn Bó Pằm, xã Mẫu	
Thôn Nà Vàng, xã Thống	
Thôn Bình Chương 1, xã	
Thôn Nà Pèo, xã Bắc	
Thôn Nà Pèo, xã Bắc	
Thôn Tà Hón, xã Đình	
Thôn Đông Thành, xã	
Thôn Làng Hăng I, xã	
Thôn Lũng Cút, thị trấn	
Thôn Phước, xã Vân	
Số 25, đường Thân Công	
Số 25, đường Thân Công	
Thôn Than Muội, thị trấn	
Khu Đoàn Kết, thị trấn	
Thôn Than Muội, thị trấn	
Thôn Lạng Giai A, xã	
Thôn Làng Hăng, xã	
Thôn Đông Thành, xã	
Số nhà 03, Phố Xá Cái,	
Khu I, thị trấn Thất Khê	
Khu III, thị trấn Thất	
Thôn Bản Phạc, xã Quốc	
Thôn Pác Luồng, xã Đè	
Thôn Nà Nghiêu, xã Đại	
Thôn Đon Chợ, xã Hữu	
Thôn Còn Chuông, Xã	
Xã Yên Phúc	
Thôn Trung Giáp, xã	
Thôn Việt Yên, xã Liên	
Thôn Khau Phụ, thị trấn	
Thôn Nà Pái, xã Tân Văn	
Thôn Ngã tư, TT Bình	
Thôn Ngã tư, TT Bình	
Thôn Pàn Pẻn, xã Minh	
Thôn Nà Vước, xã Tân	
Thôn Nà Vước, xã Tân	
Khối phố Cam Thủy, thị	
Thôn Rừng Dong, xã	
Thôn Rừng Cắm Chằm	
Thôn Trục Bậy, xã Yên	
Thôn Kép II, xã Quyết	

Thôn Kép II, xã Quyết	
Thôn Quyết Tiên, xã Hòa	
Thôn Bản Miếng, xã Hội	
Khu 1, thị trấn Na Sầm	
Khu 5, thị trấn Na Sầm	
Khu 1, thị trấn Na Sầm	
Thôn Nhân Hòa, xã	
Xã Hải Yến	
Thôn Bắc Đông II, xã	
Thôn Bắc Đông II, xã	
Thôn Bản Lành, xã Hòa	
Thôn Cốc Tranh, xã	
Xóm Bản Khuân,	
Xã Bắc Quỳnh	
Thôn Hoan Trung, xã	
Số 111, khối phố Trần	
Thôn Vĩnh Thuận, thị	

PHÂN LOẠI CÁC HTX THEO NG

Số liệu đến ngày 3

STT	Tên hợp tác xã (những HTX đánh dấu * là các HTX ngừng hoạt động sản xuất kinh doanh)	Trụ sở giao dịch	Điện thoại
I	Huyện Bắc Sơn (63 HTX)		
1	HTX Như Ý	Tiểu khu Trần Đăng Ninh, TT Bắc Sơn, h. Bắc Sơn	3837121
2	HTX Mỏ Hao *	Thôn Mỏ Hao, xã Bắc Sơn (Bắc Quỳnh), huyện Bắc Sơn	0948519663
3	HTX TM Bắc Sơn	Số 57, tiểu khu Hoàng Văn Thụ, TT Bắc Sơn, h. Bắc Sơn	
4	HTX Minh Đức	Tiểu khu Lê Hồng Phong, Thị trấn Bắc Sơn	0917856766 0987361189
5	HTX KDTH&DV TM Siền Hợp	Thôn Trảng Sơn, xã Vũ Lăng, huyện Bắc Sơn	01239491111
6	HTX Tam Hoa	Xã Hưng Vũ, h. Bắc Sơn	
7	HTX Sơn Trang	Thôn Long Hưng, xã Long Đồng, h. Bắc Sơn	0945058425
8	HTX Cường Thịnh	Thôn Làng Gà I, xã Trấn Yên, huyện Bắc Sơn	01635683423
9	HTX Toàn Thắng	Thôn Ngả Hai, xã Vũ Lễ, h. Bắc Sơn	0976382204
10	HTX Lê Hồng Phong	Số 55, TK Lê Hồng Phong, TT Bắc Sơn	01678501532
11	HTX trồng rừng chăn nuôi Sơn Lâm *	Bản Khuông, xã Vạn Thủy, h. Bắc Sơn	01695555144
12	HTX Khuôn Ngần	Thôn Khuôn Ngần, xã Đồng Ý, huyện Bắc Sơn	01668639510
13	HTX TS Lân Vực	Bản Roọng, xã Đồng Ý, huyện Bắc Sơn	01659821416
14	HTX DVTS Hương Cốc	Thôn Hương Cốc 1, xã Chiến Thắng, huyện Bắc Sơn	0986572611
15	HTX thủy sản Nà Tân	Thôn Nà Tân, xã Vũ Sơn, huyện Bắc Sơn	0855843166
16	HTX CB gỗ Hoà Thuận *	Thôn Nà Nhì, xã Đồng Ý, huyện Bắc Sơn	01685207116 01277888051
17	HTX NLN Nà Nhì *	Thôn Nà Nhì, xã Đồng Ý, huyện Bắc Sơn	01694517511
18	HTX TH xã Bắc Sơn	Thôn Bắc Sơn 2, xã Bắc Sơn (Bắc Quỳnh), huyện Bắc Sơn	01665625672

19	HTX nông nghiệp Xanh *	Thôn Làng Huyền, xã Trấn Yên, huyện Bắc Sơn	0966880136
20	HTX Tân Lập *	Thôn Nà Nâm, xã Tân Lập, huyện Bắc Sơn	0912147979
21	HTX nông nghiệp Nam Hồng	Thôn Hồng Phong 4, xã Chiến Thắng, Bắc Sơn	0167615271
22	HTX cây ăn quả Vũ Sơn	Thôn Nà Quế, xã Vũ Sơn, huyện Bắc Sơn	1687352747
23	HTX DVTM vận tải hành khách Nhật Minh	Khu Trần Phú, TT Bắc Sơn, huyện Bắc Sơn	0913165398
24	HTX vận tải Trung Thành	TK Vĩnh Thuận, TT Bắc Sơn, huyện Bắc Sơn	0945822521
25	HTX DVXD công trình Thanh Tinh *	Khu Trần Phú, TT Bắc Sơn, huyện Bắc Sơn	0253837236 0913396623
26	HTX DVTH Quỳnh Sơn	Thôn Tân Sơn, xã Quỳnh Sơn (Bắc Quỳnh), huyện Bắc Sơn	0946050322
27	HTX Bảo Long Vũ Sơn	Thôn Nà Pán 2, xã Vũ Sơn, huyện Bắc Sơn	0985358999
28	HTX nông nghiệp Tiến Hợp *	Nà Hó, xã Hữu Vĩnh (TT Bắc Sơn), huyện Bắc Sơn	01664114842
29	HTX Toàn Thắng Nhất Tiến	Thôn Làng Đáy, xã Nhất Tiến, huyện Bắc Sơn	01642769350
30	HTX Vũ Thắng Bắc Sơn	Thôn Vũ Thắng A, xã Tân Tri, huyện Bắc Sơn	0911685986
31	HTX Phương Thịnh	Thôn Pá Lét, xã Nhất Tiến, huyện Bắc Sơn	01645081439
32	HTX phát triển nông lâm Đông Bắc	Thôn Bó Tát, xã Tân Hương, huyện Bắc Sơn	0968236555
33	HTX Toàn Phát	Thôn Quang Thái, xã Vũ Lễ, huyện Bắc Sơn	0974529538
34	HTX SXKDDVTH xã Đồng Ý	Thôn Khau Ràng, xã Đồng Ý, huyện Bắc Sơn	0979856213
35	HTX Phúc Hưng	Thôn Nà Nâm, xã Tân Lập, huyện Bắc Sơn	0832105466
36	HTX nông lâm thủy sản Bắc Sơn	Số 137, Trần Đăng Ninh, TT Bắc Sơn, H Bắc Sơn	0388652494
37	HTX nông nghiệp Minh Huân	Thôn An Ninh Minh Quang, xã Long Đông, huyện Bắc Sơn	0397710781
38	HTX nông nghiệp dịch vụ Hoàng Phát	Thôn An Ninh 1, xã Long Đông, huyện Bắc Sơn	0364723100
39	HTX nông sản hữu cơ Bắc Sơn	Thôn Tiên Hội, xã Hưng Vũ, huyện Bắc Sơn	0866031389
40	HTX NNDVCN Hợp Tiến	Thôn Vĩnh Thuận, TT Bắc Sơn, huyện Bắc Sơn	0389657662
41	HTX chăn nuôi nông nghiệp dịch vụ Tân Phát	Thôn Tiến Hợp 2, thị trấn Bắc Sơn, huyện Bắc Sơn	0912192265

42	HTX trồng Quế Khuổi Cay	Xóm Khuổi Cay, Bản Khuông, xã Vạn Thủy, H. Bắc Sơn	0384266703
43	HTX Lâm Thuyết	Bản Soong, xã Vạn Thủy, huyện Bắc Sơn	0911136196
44	HTX Bình Huy Luân	Bản Khuông, xã Vạn Thủy, huyện Bắc Sơn	0976640210
45	HTX nông nghiệp Anh Thuận	Thôn Lân Páng, xã Đồng Ý, huyện Bắc Sơn	0333354602
46	HTX NNDV&TM Đại Phát	Thôn Hữu Vĩnh 2, TT Bắc Sơn, huyện Bắc Sơn	0326345127
47	HTX DVNN Tân Hương, Bắc Sơn	Thôn Đon Úy, xã Tân Hương, huyện Bắc Sơn	0982800143
48	HTX đoàn kết Nam Hương	Thôn Nam Hương, xã Tân Hương, huyện Bắc Sơn	0368463310
49	HTX DVNNSX Chiêu Vũ	Thôn Áng Nộc, xã Chiêu Vũ, huyện Bắc Sơn	0393745118
50	HTX DVNLN Tân Thành	Thôn Tân Vũ, xã Tân Thành, huyện Bắc Sơn	0879834999
51	HTX NLTS Tiến Đạt	Thôn Lân Dạ, xã Đồng Ý, huyện Bắc Sơn	0963263961
52	HTX SX&DVNN Vũ Lăng	Thôn Liên Lạc, xã Vũ Lăng, huyện Bắc Sơn	0848999833
53	HTX trồng rừng Hiền Long	Thôn Nà Ghéo, xã Đồng Ý, huyện Bắc Sơn	0362090388
54	HTX NLTS Hoàng Đạt	Thôn Long Hưng, xã Long Đống, huyện Bắc Sơn	0838038998
55	HTX NLN Tân Tri	Thôn Yên Mỹ, xã Tân Tri, huyện Bắc Sơn	0366284692
56	HTX DVNN Yên Thành Bắc Sơn	Thôn Yên Thành, xã Tân Thành, huyện Bắc Sơn	0356728424
57	HTX nông nghiệp Nhất Hoà	Thôn Gia Hoà 1, xã Nhất Hoà, huyện Bắc Sơn	
58	HTX SX & KPTH Tiến Dũng	Thôn Trí Yên, xã Bắc Quỳnh, huyện Bắc Sơn	0982321686
59	HTX nông nghiệp Tuấn Hưng	Số 111, Trần Phú, TT Bắc Sơn, huyện Bắc Sơn	0912664523
60	HTX Nguyên An Bắc Sơn	SN 140, khối phố Trần Đăng Ninh, TT Bắc Sơn	0974266862
61	HTX Trung Đoàn	KP Trần Phú, TT Bắc Sơn, huyện Bắc Sơn	0969728000
62	HTX SX & KPTH Hoàng Mai	Thôn Pò Đôn, xã Tân Tri, huyện Bắc Sơn	0912466958
63	HTX Hưng Thịnh CC	Thôn Minh Tiến, xã Vũ Lễ, huyện Bắc Sơn	0988617817
II	Huyện Bình Gia (27 HTX)		

1	HTX DVVT NL Số 1	Khu II, TT Bình Gia, huyện Bình Gia	0949026866
2	HTX Mây Tre đan	Thôn Nà Mèo, xã Hoà Bình, huyện Bình Gia	0849665333
3	HTX Cốc Thông *	Văn phòng Hội Phụ nữ Tô Hiệu, TT Bình Gia, H. Bình Gia	01648812125
4	HTX Chè dưới tán Hối	Nhà văn hóa thôn Khau Phụ, TT Bình Gia, huyện Bình Gia	0977243888
5	HTX nuôi trâu Vĩnh Yên	Nhà văn hoá xã Vĩnh Yên, huyện Bình Gia	01644606341
6	HTX SX & DV NL Nghiệp	Nhà VH thôn Cốc Mặn, xã Mông Ân, huyện Bình Gia	0984168415
7	HTX nắm Xứ Lạng *	Số 01, ngõ 123, đường 19/4, khối 3, TT Bình Gia	0377665888
8	HTX NLN thôn Kéo Coong	Nhà VH thôn Kéo Coong, xã Tân Văn, huyện Bình Gia	0973864984
9	HTX nông nghiệp Kéo Hin - Bản Pjoà	Thôn Bản Pjoà, xã Bình La, huyện Bình Gia	0348814001
10	HTX nông lâm nghiệp Văn Mịch	Thôn Nà Ven, xã Hồng Phong, huyện Bình Gia	0854428222
11	HTX Tô Hiệu	Thôn Pác Nàng, xã Tô Hiệu (TT Bình Gia), huyện Bình Gia	
12	HTX SXKD NLN xã Hồng Thái	Bản Huân, xã Hồng Thái, huyện Bình Gia	0347707569
13	HTX SX&DVNN An Hồng Bình Gia	Thôn Nà Pàn, xã Hoa Thám, huyện Bình Gia	
14	HTX DV&TM Lâm Thịnh Phát	Bản Pin, xã Hoa Thám, huyện Bình Gia	0353338838
15	HTX SXDVNLN Liên Hợp	Nhà Văn hoá bản Phân, xã Hoàng Văn Thụ, H Bình Gia	0362071011
16	HTX SX&DVNLN Thiện Long	Thôn Bắc Hoá, xã Thiện Long, huyện Bình Gia	0973603466
17	HTX nông nghiệp miền Bắc	Thôn Khuổi Ngành, xã Quý Hoà, huyện Bình Gia	0948210459
18	HTX SX&DVNN quế thạch Tân Hoà	Thôn Tân Tiến, xã Tân Hoà, huyện Bình Gia	0334566273
19	HTX chăn nuôi Lộc Phát	Thôn Lân Luông, xã Thiện Hoà, huyện Bình Gia	0373308543
20	HTX SXKDDV xã Hồng Phong	Thôn Vằng Phya, xã Hồng Phong, huyện Bình Gia	0356320668
21	HTX DVTM Tuân Nhâm	Thôn ngã 4, xã Tô Hiệu (TT Bình Gia), huyện Bình Gia	0912710210
22	HTX hồi quế thạch Bình Gia	Phô Ngọc Trí, TT Bình Gia, huyện Bình Gia	0974934166
23	HTX SX&DV Tâm Thái	Thôn Thuận Như 1, xã Hoàng Văn Thụ, huyện Bình Gia	0986696497

24	HTX hoa Hôi hữu cơ Bình Gia	Ngã tư, thị trấn Bình Gia, huyện Bình Gia	0366901655
25	HTX trang trại tổng hợp Bình Gia	Khối phố Ngọc Quyển, TT Bình Gia, huyện Bình Gia	0913006715
26	HTX NLN phụ nữ Thôn Nà Pái	Thôn Nà Pái, xã Tân Văn, huyện Bình Gia	0977235150
27	HTX Nam Hoà *	Thôn Ba Biền, xã Thiện Hoà, huyện Bình Gia	
III	Huyện Cao Lộc (51 HTX)		
1	HTX Thành Lộc (tên cũ HTX Thái Sơn)	Thôn Cổ Lương, xã Gia Cát, H. Cao Lộc	0983933866
2	HTX XD&CB lâm sản 17/10	Ngã 3, thôn Yên Thành, xã Yên Trạch, h Cao Lộc	01682111012
3	HTX Hợp Thịnh	Thôn Phai Luông, xã Hợp Thành, huyện Cao Lộc	3861245 0913299928
4	HTX rau củ quả sạch Gia Cát	Thôn Bắc Đông II, xã Gia Cát, huyện Cao Lộc	0913005059
5	HTX SX rau an toàn Tân Liên	Thôn Nà Hán, xã Tân Liên, huyện Cao Lộc	01628525399
6	HTX nông sản sạch Kim Dung	Tô 1, khối 10, thị trấn Cao Lộc, huyện Cao Lộc	0982218235
7	HTX DVNN Tân Thành *	Thôn Sài Hồ, xã Tân Thành, huyện Cao Lộc	0366792371
8	HTX Yên Phát *	Thôn Yên Thủy 2, xã Yên Trạch, huyện Cao Lộc	0912110389
9	HTX môi trường xanh Hoà Phát	Thôn Còn Kéo, xã Bảo Lâm, huyện Cao Lộc	0983323559
10	HTX Hợp Nhất Tân Liên	Thôn An Rinh II, xã Tân Liên, huyện Cao Lộc	0869331846
11	HTX NL Phú Xá	Thôn Thâm Mỏ, xã Phú Xá, huyện Cao Lộc	0915347843
12	HTX SXKDDVNN Xuất Lễ	Thôn Bản Rành, xã Xuất Lễ, huyện Cao Lộc	0971333385
13	HTX nông nghiệp sạch Phát Huy	Bản Đầy, xã Thạch Đạn, huyện Cao Lộc	0976575888
14	HTX Hải Yên	Thôn Nà Tèn, xã Hải Yên, huyện Cao Lộc	0966933355
15	HTX Ngũ Phúc-Mẫu Sơn	Số B21, N16, khối 5, TT Cao Lộc, huyện Cao Lộc	0916086434
16	HTX DVNN Tâm Hiệp	Thôn Còn Quyên, xã Thạch Đạn, huyện Cao Lộc	0963038151
17	HTX sản xuất cây củ quả sạch Hoà Cư	Thôn Bản Lành, xã Hoà Cư, huyện Cao Lộc	0815445785
18	HTX Hoàng Đạt Gia Cát	Thôn Bắc Đông II, xã Gia Cát, huyện Cao Lộc	0982177668

19	HTX DVNN Tam Lung	Thôn Nhất Tâm, xã Thụy Hùng, huyện Cao Lộc	0329808091
20	HTX nông nghiệp Hồng Phong	Thôn Cồn Khoang-Pá Pài, xã Hồng Phong, huyện Cao Lộc	0984026076
21	HTX nông sản Thanh Loà	Thôn Co Khuất, xã Thanh Loà, huyện Cao Lộc	0398027196
22	HTX NLN hữu cơ Xuân Long	Thôn Long Giang, xã Xuân Long, huyện Cao Lộc	0369144868
23	HTX Đại Tín Gia Cát	Thôn Bắc Đông II, xã Gia Cát, huyện Cao Lộc	0976106196
24	HTX người mù và khuyết tật Lạng Sơn	Khối 9, TT Cao Lộc, huyện Cao Lộc	0962833268
25	HTX nông lâm Hải Yên	Thôn Nà Tền, xã Hải Yên, huyện Cao Lộc	0397736982
26	HTX Thành Công	Thôn Trong Là, xã Tân Liên, huyện Cao Lộc	0985365568
27	HTX nông nghiệp Tân Thành	Thôn Tổng Han, xã Tân Thành, huyện Cao Lộc	0975758051
28	HTX DVNN Thanh Loà *	Thôn Nà Pheo, xã Thanh Loà, huyện Cao Lộc	0945999611
29	HTX nông nghiệp Song Giáp	Bản Mới, xã Bình Trung, huyện Cao Lộc	0833484312
30	HTX Đoàn Kết	Nhà VH thôn Lộc Hồ, xã Phú Xá, huyện Cao Lộc	0129512666
31	HTX 27/7 Bông Lau	Mỏ Đá Lũng Tém, xã Hồng Phong, huyện Cao Lộc	0904251686 0904000131
32	HTX Thống Nhất *	Km14+600, quốc lộ 1A, TT Cao Lộc	01629754111
33	HTX Ánh Dương	SN 17, tổ 1, khối 8, TT Cao Lộc	0912247071
34	HTX Ngọc Sơn	Thôn Tàu Lìn, xã Xuất Lễ, huyện Cao Lộc	0398818938
35	HTX nông nghiệp Công Sơn	Thôn Cốc Tranh, xã Công Sơn, huyện Cao Lộc	0983488163
36	HTX nông nghiệp Lộc Yên	Bản Héc, xã Lộc Yên, huyện Cao Lộc	0973283866
37	HTX SX, CBNLS Hoà Hợp	Thôn Phai Luông, xã Hợp Thành, huyện Cao Lộc	0983758676
38	HTX Anh Em	Thôn Bản Vàng, xã Cao Lâu, huyện Cao Lộc	0889929688
39	HTX nông nghiệp xã Phú Xá	Thôn Thâm Mò, xã Phú Xá, huyện Cao Lộc	0949269856
40	HTX SXKD nông sản Mẫu Sơn	Thôn Co Loi, xã Mẫu Sơn, huyện Cao Lộc	0374937703
41	HTX Hữu Nghị	Số 38, đường Bắc Sơn, khu Ga TT Đồng Đăng, H. Cao Lộc	3851398 0983277963

42	HTX DVTM Đoàn Kết	Thôn Pò Nhung, xã Bảo Lâm, huyện Cao Lộc	0253850621
43	HTX Đồng Tâm	Sân vận động, TT Đồng Đăng, huyện Cao Lộc	0988423999
44	HTX chế biến nông sản hữu cơ Lạng Sơn	Thôn Sài Hồ, xã Tân Thành, huyện Cao Lộc	0849198888
45	HTX DV vận tải 10/6 *	CK Hữu Nghị, TT Đồng Đăng	0913277790
46	HTX vận tải An Bình	Km 14+500, QL 1A, TT Cao Lộc, h Cao Lộc	398168 01673075852
47	HTX VT Hoàng Đồng	Tổ 1, khối 6, thị trấn Cao Lộc, huyện Cao Lộc	3861963
48	HTX VT Cao Lộc	Số 98, tổ 5, khối 6, thị trấn Cao Lộc, H.Cao Lộc	0912211837
49	HTX vận tải Lạng Sơn *	Tổ 5 khối 10, TT Cao Lộc	0968039286
50	HTX VDVT Ba Sơn	Thôn Bản Ranh, xã Xuất Lễ, huyện Cao Lộc	0962218519
51	HTX DVVT Bình Minh	D3, N20, khối 6, TT Cao Lộc, huyện Cao Lộc	0346656984
IV	Huyện Chi Lăng (45 HTX)		
1	HTX dịch vụ giống cây trồng Chi Lăng	Làng Nong, xã Thượng Cường, huyện Chi Lăng	01669718454
2	HTX DV&PTNN Đoàn Kết	Thôn Đông Ngâu, xã Chi Lăng, huyện Chi Lăng	0974681676
3	HTX Phượng Hoàng	Thôn Quán Thanh, xã Chi Lăng	0986899647
4	HTX chăn nuôi gà Vạn Linh	Thôn Nà Lập, xã Vạn Linh, huyện Chi Lăng	0985546918
5	HTX nuôi ong mật Vân Thủy	Thôn Nà Pát, xã Vân Thủy, huyện Chi Lăng	0985100406
6	HTX DV& SXNN Đồng Mỏ	Số 82, khu Ga Bắc, TT Đồng Mỏ, H Chi Lăng	0363845282
7	HTX nông sản huyện Chi Lăng	Thôn Than Muội, xã Quang Lang (TT Đồng Mỏ), huyện Chi Lăng	0915483800
8	HTX DV&SX nông nghiệp xã Mai Sao	Thôn Nà Lốc, xã Mai Sao, huyện Chi Lăng	0985651362
9	HTX SX DVNN xã Hoà Bình	Thôn Ba Nàng, xã Hoà Bình, huyện Chi Lăng	01653975277
10	HTX nông nghiệp thôn Lũng Cút	Thôn Lũng Cút, TT Đồng Mỏ, huyện Chi Lăng	01657291335
11	HTX DVNN xã Gia Lộc	Thôn Đông Pâu, xã Gia Lộc, huyện Chi Lăng	0369097124
12	HTX chăn nuôi thỏ Ngọc Thạch	Thôn Mạn Đường B, xã Mai Sao, huyện Chi Lăng	0964426000

13	HTX SX & DVNN Lâm Sơn	Thôn Làng Bu, xã Lâm Sơn, huyện Chi Lăng	0968832555
14	HTX DV&PTNN Đồng Tiến	Thôn Giáp Thượng 2, xã Y Tịch, huyện Chi Lăng	0368463424
15	HTX SX & DVNLN Vân An	Thôn Trung Tâm, xã Vân An, huyện Chi Lăng	0866897816
16	HTX dịch vụ & TM nông nghiệp Bằng Mạc	Thôn Nà Pe, xã Bằng Mạc, huyện Chi Lăng	0982259530
17	HTX DV và chăn nuôi ngựa Bạch Hữu Kiên	Thôn Co Hương, xã Hữu Kiên, huyện Chi Lăng	0975094128
18	HTX NN Hồng Nhung - Quan Sơn	Thôn Làng Hăng, xã Quan Sơn, huyện Chi Lăng	0972716518
19	HTX mật ong hoa rừng Lâm Sơn	Thôn Làng Bu, xã Lâm Sơn, huyện Chi Lăng	0363436378
20	HTX Chiến Thắng	Thôn Làng Bu, xã Lâm Sơn, huyện Chi Lăng	0345416632
21	HTX nông sản Quan Sơn	Thôn Đồng Ghè, xã Quan Sơn, huyện Chi Lăng	0979354502
22	HTX DV&SX NLN Chiến Thắng	Thôn Nà Lâm, xã Chiến Thắng, huyện Chi Lăng	0986633466
23	HTX hoa Hội Chi Lăng	Số 73, đường Đại Huệ, khu Ga Bắc, TT Đồng Mỏ, huyện Chi	0988733292
24	HTX sản xuất nông nghiệp Nhân Lý	Thôn Làng Giai A, xã Nhân Lý, huyện Chi Lăng	0972728127
25	HTX DV&SXNN Đồng Bành	Thôn Minh Hoà, TT Chi Lăng, huyện Chi Lăng	0385554113
26	HTX CN trồng cây ăn quả Vạn Linh	Thôn Lũng Na, xã Vạn Linh, huyện Chi Lăng	0972466849
27	HTX SX&DVNN xã Bằng Hữu	Thôn Làng Tuồng, xã Bằng Hữu, huyện Chi Lăng	0354176563
28	HTX SX&DVNLN xã Bắc Thủy	Thôn Khuổi Kháo, xã Bắc Thủy, huyện Chi Lăng	0975094412
29	HTX cây Gai Xanh-Chăn nuôi Mỏ Cây	Thôn Mỏ Cây, xã Vạn Linh, huyện Chi Lăng	0981135286
30	HTX CN & trồng cây ăn quả Gia Lộc	Thôn Lũng Mát, xã Gia Lộc, huyện Chi Lăng	0868040966
31	HTX nuôi ong lấy mật Bắc Thủy	Thôn Háng Cút, xã Bắc Thủy, huyện Chi Lăng	0333462931
32	HTX nông nghiệp Đại Phúc Nghĩa	Thôn Hà Nam, xã Lâm Sơn, huyện Chi Lăng	0868526333
33	HTX Nà Nhi	Thôn Nà Nhi, xã Chiến Thắng, huyện Chi Lăng	0987701748
34	HTX chế biến nông sản Lụa Vy	Thôn Làng Hăng, xã Quan Sơn, huyện Chi Lăng	0989661958
35	HTX Phú Tài Nhân Lý *	Thôn Làng Giai B, xã Nhân Lý, huyện Chi Lăng	0974017417

36	HTX SX&DV NLN Liên Sơn	Thôn Hợp Đường, xã Liên Sơn, huyện Chi Lăng	0366137552
37	HTX TMDV NLN Quang Huy	Thôn Đồng Hoá Minh Khai, xã Chi Lăng, H. Chi Lăng	0964596222
38	HTX SX cao khô Vạn Linh	Thôn Đông Thành, xã Vạn Linh, huyện Chi Lăng	0394711498
39	HTX Tú Lưu	Thôn Bình Trung, xã Vân An, huyện Chi Lăng	0378557512
40	HTX Hoà Bình	Số 30, TT Đồng Mỏ, huyện Chi Lăng	0253720868 0983277839
41	HTX thanh niên Chi Lăng	Khu Hữu Nghị, TT Đồng Mỏ, huyện Chi Lăng	0915269116
42	HTX Thống Nhất	Số 72, T2 Đồng Mỏ, huyện Chi Lăng	3820508 0913950866
43	HTX TN Vạn Linh	Thôn xã Đán, xã Vạn Linh, huyện Chi Lăng	01688495418
44	HTX VT Đồng Mỏ	Khu Thống Nhất I, TT Đồng Mỏ, huyện Chi Lăng	
45	HTX Toàn Thắng *	Khu ga bắc, TT Đồng Mỏ, huyện Chi Lăng	0913299981
V	Huyện Đình Lập (16 HTX)		
1	HTX DVNLN Phong Vân	Thôn Kéo Khuê, xã Đình Lập, huyện Đình Lập	0984783748
2	HTX Thiên Phú	Thôn Quang Hoà, xã Cường Lợi, H Đình Lập	0987969955
3	HTX SX&DV Khiêm Tím *	Thôn Khuổi Sâu, xã Bắc Xa, huyện Đình Lập	01686614063
4	HTX Ngọc Lan	Thôn Bản Phục, xã Kiên Mộc, huyện Đình Lập	01654007666
5	HTX Liên Hợp *	Thôn Khe Mò, xã Bắc Lãng, huyện Đình Lập	0343565582
6	HTX nông nghiệp Thành Đạt	Thôn Nà Háng, xã Châu Sơn, huyện Đình Lập	0356461640
7	HTX nông nghiệp Bắc Lãng	Thôn Nà Pèò, xã Bắc Lãng, huyện Đình Lập	0949345537
8	HTX Mộc Lưu Thạch	Thôn Nà Lừa, xã Bính Xá, huyện Đình Lập	0972671088
9	HTX NLN Tiến Minh	Bản Mực, xã Kiên Mộc, huyện Đình Lập	0979487830
10	HTX NLN Thanh Bình	Thôn Bản Chất, xã Bính Xá, huyện Đình Lập	0967107109
11	HTX chế biến lâm sản Phúc Lâm	Thôn Khe Dăm, xã Lâm Ca, huyện Đình Lập	0393806343
12	HTX rượu men lá Khe Đa	Thôn Khe Đa 1, xã Thái Bình, huyện Đình Lập	0356952058

13	HTX Anh Huy *	Thôn Còn Đuông, xã Đình Lập, huyện Đình Lập	0967814668
14	HTX Sơn Tùng *	Khu 8, thị trấn Đình Lập	0915580413
15	HTX XD Hoàng Duy	Số 98, khu 3, TT Đình Lập, huyện Đình Lập	3846175
16	HTX dịch vụ Huy Hùng	Thôn Nà Vàng, xã Bính Xá, huyện Đình Lập	0989563959
VI	Huyện Hữu Lũng (40 HTX)		
1	HTX NN Tân Mỹ	Khu Tân Mỹ I, TT Hữu Lũng, huyện Hữu Lũng	01697772555
2	HTX Tân Lập	Thôn Đá Mài, xã Tân Lập (Thiện Tân), h. Hữu Lũng	0869621816
3	HTX SXDVNN Yên Thịnh	Lê Văn Bảy, thôn Làng, xã Yên Thịnh, H. Hữu Lũng	01229381563
4	HTX nông, lâm sản Bến Lường	DNTN An Lộc, thôn Bến Lường, xã Minh Sơn, HL	0989318331
5	HTX SX DVNN&MT xã Tân Thành	UBND xã Tân Thành, huyện Hữu Lũng	0913636076
6	HTX cung ứng DVNN Quyết Thắng *	Thôn Kép II, xã Quyết Thắng, huyện Hữu Lũng	0978481269
7	HTX Cây ăn quả DVNN Cửu Long	Thôn Đồng La I, xã Yên Bình, huyện Hữu Lũng	0942337172
8	HTX DVNN Vân Nham	Thôn Phong, xã Vân Nham, huyện Hữu Lũng	0965107422
9	HTX SXKD rau, củ, quả xã Đông Tân *	Nhà văn hoá xã Đông Tân, huyện Hữu Lũng	0915166323
10	HTX sản xuất cây ăn quả thôn Tự Nhiên	Nhà văn hoá thôn Tự Nhiên, xã Nhật Tiến	0912127841
11	HTX sản xuất cây ăn quả thôn Đồng Bé	Nhà văn hoá thôn Đồng Bé, xã Minh Tiến	0976243075
12	HTX Đào cảnh xã Minh Hoà	Thôn Keo, xã Minh Hoà, huyện Hữu Lũng	01238916395
13	HTX nông lâm nghiệp xã Kai Kinh	Nhà thuê thôn Bà Nàng, xã Kai Kinh, Hữu Lũng	01234619240
14	HTX nông lâm nghiệp xã Yên Vượng	UBND xã Yên Vượng, huyện Hữu Lũng	0914694931
15	HTX Kim Chòi	Thôn Kim Chòi, xã Đông Tân, huyện Hữu Lũng	0968318338
16	HTX DVNN Yên Sơn	Thôn Trục Bấy, xã Yên Sơn, huyện Hữu Lũng	0337686000
17	HTX DVNN Hoà Lạc	Thôn rừng cấm Chăm Non, xã Hoà Lạc, huyện Hữu Lũng	0978561617
18	HTX DVLN xã Hoà Thắng	Thôn Voi Xô, xã Hoà Thắng, huyện Hữu Lũng	0332170469

19	HTX NLN Nhật Tiến	Thôn Tân Nhiên, xã Nhật Tiến, huyện Hữu Lũng	0987509178
20	HTX NN Hồ Sơn	Thôn Tân Hoà, xã Hồ Sơn, huyện Hữu Lũng	0388202010
21	HTX nông sản Hữu Lũng	Thôn Ngọc Thành, xã Đồng Tân, huyện Hữu Lũng	0913069455
22	HTX SXDVNLN xã Hoà Sơn	Thôn Quyết Tiến, xã Hoà Sơn, huyện Hữu Lũng	0365939051
23	HTX DVNN Hữu Liên	Thôn Đoàn Kết, xã Hữu Liên, huyện Hữu Lũng	0963035626
24	HTX trồng cây ăn quả xã Minh Hoà	Thôn Chùa, xã Minh Hoà, huyện Hữu Lũng	0988833971
25	HTX vua muện Hoà Bình *	Nhà VH thôn Đồng Hương, xã Hoà Bình, H. Hữu Lũng	0395915686
26	HTX nông lâm nghiệp xã Sơn Hà	Thôn Ngòi Na, xã Sơn Hà, huyện Hữu Lũng	0372909018
27	HTX du lịch nông nghiệp Xứ Lạng	Thôn Ngọc Thành, xã Đồng Tân, huyện Hữu Lũng	0982816258
28	HTX Bình Minh	Thôn Vĩnh Yên, xã Hoà Bình, huyện Hữu Lũng	0399831646
29	HTX Đồng Tiến	Thôn Lân Luông, xã Đồng Tiến, huyện Hữu Lũng	0962660055
30	HTX nông sản xã Yên Sơn	Thôn Bãi Danh, xã Yên Sơn, huyện Hữu Lũng	0862791131
31	HTX DV SX NLNTS Cẩm Sơn	Thôn Thủy Sản, xã Hoà Lạc, huyện Hữu Lũng	3824394 0988203726
32	HTX thủy sản Cẩm Sơn xã Hoà Lạc	Thôn Đông Thủy, xã Hoà Lạc, huyện Hữu Lũng	0985575064
33	HTX khai thác SXKDVL Na Hoa *	Xóm Na Hoa, xã Sơn Hà, huyện Hữu Lũng	0915035746
34	HTX DVTH Hoa Mai	Thôn En, xã Sơn Hà, huyện Hữu Lũng	0983137828
35	HTX gỗ mỹ nghệ Thịnh Phát *	Thôn Đoàn Kết, xã Thanh Sơn, huyện Hữu Lũng	0967569499
36	HTX VietNam Napro	Thôn Kép I, xã Quyết Thắng, huyện Hữu Lũng	0931500199
37	HTX Xây dựng & Môi trường *	Khu An Ninh, T2 Hữu Lũng	0912245710
38	HTX Triệu Gia	Thôn Ao Đầu, xã Sơn Hà, huyện Hữu Lũng	0325210222
39	HTX DVVT, VLXV, VSMT xã Vân Nham	Thôn Phong, xã Vân Nham, huyện Hữu Lũng	0984799563
40	HTX SXTM&DV Hùng Vương	Thôn Cã Ngoài, xã Minh Sơn, huyện Hữu Lũng	0963568785
VII	Huyện Lộc Bình (36 HTX)		

1	HTX NLN Nà Pán *	Thôn Nà Pán, xã Nhượng Bạ (Thống Nhất), huyện Lộc Bình	0984133455 01648497281
2	HTX Thủy Bình *	Thôn Khòn Miệng, xã Đồng Bục, h Lộc Bình	0913279767
3	HTX DVNN Đồng Bục *	xã Đồng Bục, h Lộc Bình	0919252288
4	HTX nông nghiệp Hữu Khánh *	Thôn Bản Rý, xã Hữu Khánh, huyện Lộc Bình	01664538861
5	HTX nông nghiệp Yên Khoái *	Thôn Bản Khoai, xã Yên Khoái, huyện Lộc Bình	01669396398
6	HTX nông nghiệp Xuân Mãn *	Thôn Nà Hai, xã Xuân Mãn (Khánh Xuân), huyện Lộc Bình	0353510103
7	HTX nông nghiệp Phai Sen	Thôn Phai Sen, Xã Tú Đoạn, huyện Lộc Bình	0987055856
8	HTX SXDVTM Vân Mộng *	Thôn Ôn Cự 1, xã Vân Mộng, huyện Lộc Bình	0986580766
9	HTX SXKDDV Na Dương	Khu 6, thị trấn Na Dương, huyện Lộc Bình	0362688266
10	HTX nông trang sinh thái Mẫu Sơn	Thôn Bó Pảm, xã Mẫu Sơn, huyện Lộc Bình	0982667671
11	HTX DVNN Tú Đoạn	Thôn Dinh Chùa, xã Tú Đoạn, huyện Lộc Bình	0388650804
12	HTX nông nghiệp Tú Mịch	Thôn Nà Van, xã Tú Mịch, huyện Lộc Bình	0376539021
13	HTX DV NLN Khuất Xá	Bản Chu A, xã Khuất Xá, huyện Lộc Bình	0374598624
14	HTX nông nghiệp Tâm Phúc	Bản Tàu, xã Tú Đoạn, huyện Lộc Bình	0385184883
15	HTX Thành Lộc	Thôn Nà Vang, xã Thống Nhất, huyện Lộc Bình	0337690286
16	HTX chăn nuôi ngựa Hữu Lân	Thôn Vinh Tiên, xã Hữu Lân, huyện Lộc Bình	0327954765
17	HTX TMDV Thanh Bình	Số 87, khu Hoà Bình, TT Lộc Bình, huyện Lộc Bình	0916388428
18	HTX Nông Gia	Thôn Kéo Bè, xã Thống Nhất, huyện Lộc Bình	0982813758
19	HTX DVNN Chộc Pháo	Thôn Chộc Pháo, xã Đông Quan, huyện Lộc Bình	0384809245
20	HTX TMDV NLN Đồng Bục Lộc Bình	Thôn Khòn Chu, xã Đồng Bục, huyện Lộc Bình	0379111422
21	HTX Trường An	Thôn Bản Lầy, xã Khánh Xuân, huyện Lộc Bình	0984387698
22	HTX NLN Khánh Xuân	Thôn Nà Lùng, xã Khánh Xuân, huyện Lộc Bình	0355330025
23	HTX NLN Tam Gia	Thôn Còn Tuồng, xã Tam Gia, huyện Lộc Bình	0984106856

24	HTX Hà Thành	Thôn Lái Ngoà, xã Khuất Xá, huyện Lộc Bình	0949264599
25	HTX NLN xanh Lộc Bình	Thôn Kéo Mật, xã Khánh Xuân, huyện Lộc Bình	0923993285
26	HTX trà hoa vàng Ái Quốc	Thôn Đoàn Kết, xã Ái Quốc, huyện Lộc Bình	0358596187
27	HTX TM & DVNLN Lộc Bình	Thôn Bản Quán, xã Tú Đoạn, huyện Lộc Bình	0985017282
28	HTX NLN Tĩnh Bắc	Thôn Bó Luồng, xã Tĩnh Bắc, huyện Lộc Bình	0336672868
29	HTX NN thuận tự nhiên Lộc Bình	Thôn bản Chu A, xã Khuất Xá, huyện Lộc Bình	0977225488
30	HTX nông nghiệp bản Càng	Thôn bản Càng, xã Khuất Xá, huyện Lộc Bình	0333150547
31	HTX nông nghiệp Sàn Viên *	Thôn Khòn Cháo, xã Sàn Viên, huyện Lộc Bình	0975530119
32	HTX Tiến Đạt	Số 24, khu Bản Kho, TT Lộc Bình, h. Lộc Bình	3840961 0977523888
33	HTX Sơn Ngọc Việt	Cửa khẩu Chi Ma, xã Yên Khoái, huyện Lộc Bình	0979953888
34	HTX DV ăn uống Na Dương	Khu 4, thị trấn Na Dương, huyện Lộc Bình	0368049686
35	HTX Đại Tiến	Số 74, phố Hoà Bình, TT Lộc Bình, h. Lộc Bình	3840418 0983643612
36	HTX Thành Công	Số 20, phố Hoà Bình, TT Lộc Bình, H Lộc Bình	0253719719 0913299388
VIII	Huyện Văn Lãng (37 HTX)		
1	HTX Thanh Tân	Thôn Nà Lặng, xã Tân Mỹ, huyện Văn Lãng	
2	HTX Nông Nghiệp	Nhà VH thôn Quyết Thắng, xã Hoàng Văn Thụ	
3	HTX Tổng Kịt	Thôn Tổng Kịt, xã Trùng Quán (Bắc Hùng), huyện Văn Lãng	01676759026
4	HTX Nà Chà - Kéo Van	Thôn Nà Chà, xã Tân Lang (TT Na Sầm), huyện Văn Lãng	0913277031
5	HTX nông nghiệp Hoà Cường	Thôn Nà Pia, xã Tân Việt (Bắc Hùng), huyện Văn Lãng	0983149125
6	HTX SX rau an toàn Nà Chà	Thôn Nà Chà, xã Tân Lang (TT Na Sầm), huyện Văn Lãng	01698028915
7	HTX hồng Vành Khuyên	Thôn Nà Mò, xã Tân Mỹ, huyện Văn Lãng	01695344099
8	HTX NLNDVDLTM Hà Giang	Thôn Khơ Đa, xã Tân Mỹ, huyện Văn Lãng	0973542688
9	HTX nông nghiệp Nam La *	Bản Van, xã Nam La (Hội Hoan), huyện Văn Lãng	0978390686

10	HTX Tân Tác	Bản Cấn, xã Tân Tác, huyện Văn Lãng	0949023188
11	HTX Quốc Tuấn	Thôn Nà Kéo, xã Tân Mỹ, huyện Văn Lãng	0347535999
12	HTX Hoàng Việt	Nhà VH thôn Pò Pheo, xã Hoàng Việt, H Văn Lãng	0356960825
13	HTX nông nghiệp Bắc Việt	Thôn Nà Chi, xã Bắc Việt, huyện Văn Lãng	0395539683
14	HTX dược liệu Trùng Khánh	Thôn Mạnh Trên, xã Trùng Khánh, huyện Văn Lãng	0865617463
15	HTX giống cây trồng Toàn Thắng	Thôn Nà Mò, xã Tân Mỹ, huyện Văn Lãng	0978608857
16	HTX Bản Thầu	Bản Thầu, xã Tân Thanh, huyện Văn Lãng	0912334485
17	HTX nuôi Ong Phai Nà	Thôn Phai Nà, xã Gia Miễn, huyện Văn Lãng	0338117091
18	HTX hoa, cây cảnh Nà Tênh	Thôn Nà Tênh, xã Hoàng Việt, huyện Văn Lãng	0365470996
19	HTX Thắng Lợi LS	Đồi Tây, khu 1, TT Na Sâm, huyện Văn Lãng	0983278955
20	HTX Hoàng Long Lạng Sơn	Bản Cấn, xã Tân Tác, huyện Văn Lãng	0338711246
21	HTX nuôi ong mật Bắc Việt	Thôn Liên Hợp, xã Bắc Việt, huyện Văn Lãng	0976468851
22	HTX hồng Vành Khuyên và VTNN Quyết Tiến	Thôn Quyết Tiến, xã Tân Mỹ, huyện Văn Lãng	0979724037
23	HTX NLN xã Thanh Long	Thôn Đâng Vàng, xã Thanh Long, huyện Văn Lãng	0366138471
24	HTX nuôi ong hương rừng Tân Thanh	Thôn Bản Đuộc, xã Tân Thanh, huyện Văn Lãng	0343441399
25	HTX Bách Vy	Khu 4, Thị trấn Na Sâm, huyện Văn Lãng	0917223223
26	HTX rượu men lá Nặm Táu	Thôn Thông Nhất, xã Thành Hoà, huyện Văn Lãng	0366138471
27	HTX Thảo Lâm	Thôn Bản Miếng, xã Hội Hoan, huyện Văn Lãng	0986167864
28	HTX Thành Đạt	Khu II, mốc 15, cửa khẩu Tân Thanh, h. Văn Lãng	3888334
29	HTX Thống Nhất	Mốc 16, xã Tân Mỹ, huyện Văn Lãng	01634439162 0982658262
30	HTX Tân Tiến	Mốc 16, Cốc Nam, xã Tân Mỹ, huyện Văn Lãng	3850252
31	HTX thủy sản Nà Pàn	Thôn Nà Pàn, xã Hoàng Văn Thu, H Văn Lãng	0945916540
32	HTX thủy sản Nà Pia *	Thôn Bó Mịn, xã Tân Việt (Bắc Hùng), huyện Văn Lãng	

33	HTX thuỷ sản Thác Xăng Bắc La	Thôn Nà Sòm, xã Bắc La, huyện Văn Lãng	01657972519
34	HTX Nông Nghiệp	Thôn Nà Ếc, xã Nhạc Kỳ, huyện Văn Lãng	0942398488
35	HTX chế biến thuỷ sản Bắc La	Thôn Nà Sòm, xã Bắc La, huyện Văn Lãng	0352102886
36	HTX dịch vụ Dũng Anh Lạng Sơn	Thôn Cốc Nam, xã Tân Mỹ, huyện Văn Lãng	0977227256
	HTX TMDV Hoàng Khiếu *	Chợ Hội Hoan, xã Hội Hoan, huyện Văn Lãng	
IX	Huyện Văn Quan (33 HTX)		
1	HTX TMTN Trần Ninh	Thôn Nà Chả, xã Trần Ninh, huyện Văn Quan	0253870316 0949219609
2	HTX Yên Thành *	Thôn Bắc, xã Yên Phúc, huyện Văn Quan	01675698116
3	HTX Bình Minh	Xã Tân Đoàn, h. Văn Quan	01645959764
4	HTX Tân Minh	Nhà Văn hóa Tân Minh, TT Văn Quan	01699395418
5	HTX Toàn Sáng	SN137, Chợ Bãi 2, xã Yên Phúc, huyện Văn Quan	0972 053 689
6	HTX Phương Đông	Thôn Khòn Pá, xã Tân Đoàn, h. Văn Quan	0946874595
7	HTX Minh Dương	Thôn Cườm Trên, xã Xuân Mai (Bình Phúc), huyện Văn Quan	1664762638
8	HTX DVCN Thu Hiền	Thôn Nà Súng, xã Vĩnh Lại (Điềm He), huyện Văn Quan	0976471025
9	HTX TM công bằng Văn Quan *	Thôn Đông B, xã Yên Phúc, huyện Văn Quan	0985555559
10	HTX Văn Quan Xanh	Phố Tân Thanh I, TT Văn Quan, huyện Văn Quan	0253830289
11	HTX chăn nuôi Lũng Khoang	Bản Dạ, xã Xuân Mai (Bình Phúc), huyện Văn Quan	0913257541
12	HTX Xuân Mai	Bản Coóng, xã Xuân Mai (TT Văn Quan), huyện Văn Quan	0988102226
13	HTX KDTH xây dựng, TM-DV	Thôn Nà Chuông, xã Tri Lễ, huyện Văn Quan	0974316162
14	HTX Liên Minh Phát	Thôn Khòn Cái, xã Liên Hội, huyện Văn Quan	0985166299
15	HTX Bình An	Thôn Trung Thượng, xã Hoà Bình, huyện Văn Quan	0388648415
16	HTX NLS Quang Huy *	Thôn Còn Riêng, xã Trảng Phái, Văn Quan	0396214392
17	HTX cao khô chợ Bãi	Thôn Chợ Bãi 1, xã Yên Phúc, huyện Văn Quan	0965083856

18	HTX Hà Phát Khánh Khê	Bản Khính, xã Khánh Khê, huyện Văn Quan	0983073145
19	HTX quản lý chợ Điềm He	Phố Điềm He 1, xã Điềm He, huyện Văn Quan	
20	HTX Hoàng Gia	Thôn Nà Đảo, xã Khánh Khê, huyện Văn Quan	0978713889
21	HTX nông sản sạch Văn Quan	Thôn Lũng Cái, xã Tú Xuyên, huyện Văn Quan	0989122220
22	HTX NLN Thảo Nguyên *	Thôn Nà Chanh, xã Tràng Phái, huyện Văn Quan	0948866128
23	HTX Tràng Các	Thôn Nà Rẹ, xã Tràng Các, huyện Văn Quan	0389785666
24	HTX SXDVNN Liên Hội	Thôn Khòn Coọng, xã Liên Hội, huyện Văn Quan	0357201773
25	HTX rau sạch an toàn Phai Xả	Thôn Phai Xả, xã An Sơn, huyện Văn Quan	0375776588
26	HTX Trân Quý	Phố Tân Thanh, TT Văn Quan, huyện Văn Quan	0382339275
27	HTX Thuận Phát - Tràng Phái	Thôn Phai Làng, xã Tràng Phái, huyện Văn Quan	0835707108
28	HTX DVTH An Sơn	Thôn Ích Hữu, xã An Sơn, huyện Văn Quan	0812833693
29	HTX DV hồi Hữu cơ Văn Quan	Bản Cườm, xã Bình Phúc, huyện Văn Quan	
30	HTX TH Tiến Đạt Điềm He	Thôn Phú Nhuận, xã Điềm He, huyện Văn Quan	02053830289
31	HTX DVNLN Tri Lễ	Thôn Lũng Phúc, xã Tri Lễ, huyện Văn Quan	0865934476
32	HTX nông sản Văn Quan	Thôn chợ Bãi 2, xã Yên Phúc, huyện Văn Quan	0974431986
33	HTX du lịch Hữu Lễ-Hữu Liên	Thôn Đon Chợ, xã Hữu Lễ, huyện Văn Quan	0396272222
X	Huyện Tràng Định (58 HTX)		
1	HTX Phúc Tiến *	T. Nà Mè, xã Tri Phương, huyện Tràng Định	3887520
2	HTX Đại Tiến *	Xóm Bản Mạ, xã Đại Đồng, huyện Tràng Định	3883428
3	HTX chế biến LS 1/5	Bản Trại, xã Kháng Chiến, huyện Tràng Định	
4	HTX Bình Nghi *	Thôn Nà Mẩn, xã Đào Viên, huyện Tràng Định	01636683121
5	HTX DVNN Công nghệ và Môi trường	Thôn Cáp Kề, xã Đại Đồng, huyện Tràng Định	0974312028
6	HTX NLN Đại Đồng	Thôn Phiêng Luông, xã Đại Đồng, huyện Tràng Định	0332127001 - 0972785998

7	HTX SX & DVNLS Yên Anh	Nà Nghiêu, khu III, thị trấn Thất Khê, huyện Tràng Định	0977610736
8	HTX SX & DVNLS Hoàng Kim	SN36, đường Hoàng Văn Thụ, khu IV, TT Thất Khê, huyện	0963116938
9	HTX SXDV nông nghiệp Bích Phương	Thôn Nà Nọng, xã Đề Thám, huyện Tràng Định	0396184228
10	HTX Thanh Phương *	Bản Búp, xã Tri Phương, huyện Tràng Định	01667295075
11	HTX Nông CN & DV Thất Khê *	Thị trấn Thất Khê, Huyện Tràng Định	0988118469
12	HTX cây ăn quả thôn Tàng Chang	Thôn Tàng Chang, xã Tri Phương, huyện Tràng Định	082482838
13	HTX Duy Hưng	Thôn Kéo Quang, xã Chi Lăng, huyện Tràng Định	0963723388
14	HTX nông sản sạch Tràng Định	SN3, phố Xã Cái, TT Thất Khê, huyện Tràng Định	0983679656
15	HTX Mu Hoom *	Khu 2, thị trấn Thất Khê, huyện Tràng Định	0986163721
16	HTX NLS Cao Minh	Thôn Văng Can, xã Cao Minh, huyện Tràng Định	01689264365
17	HTX NLN Đồng Phát * (tên cũ HTX Hữu Hiệu)	Thôn Pác Bó, xã Chí Minh, huyện Tràng Định	0971874585
18	HTX SXDVTM Nguyễn Gia	Thôn Pò Bó, xã Hùng Sơn, huyện Tràng Định	0972405444
19	HTX Lâm nghiệp Khau Cà *	Thôn Khau Cà, xã Đề Thám, huyện Tràng Định	01233465451
20	HTX NLN Kim Đồng	Thôn Nà Thà, xã Kim Đồng, huyện Tràng Định	0388737923
21	HTX Bình Nguyên	Thôn 1, xã Tân Tiến, huyện Tràng Định	0388767985
22	HTX Trồng Lê Nà Khau	Thôn Nà Khau, xã Đội Cấn, huyện Tràng Định	0977475213
23	HTX SX rượu Men lá	Xã Vĩnh Tiến, huyện Tràng Định	0382656040
24	HTX NLS Tuấn Vũ	Nà Bắc, xã Đoàn Kết, huyện Tràng Định	0947620850
25	HTX nông nghiệp xã Khánh Long	Khuổi Khín, xã Khánh Long, huyện Tràng Định	0364764496 0834893597
26	HTX nuôi Ong	Thôn 4, xã Tân Minh, huyện Tràng Định	
27	HTX Tuấn Phương	Thôn Nà Cạn, xã Đại Đồng, huyện Tràng Định	0854536896
28	HTX Thành Đạt Tràng Định	Khắc Deng, xã Đại Đồng, huyện Tràng Định	0988849555
29	HTX NN & DVTM Nhất Phương	Khuổi Khín, xã Trung Thành, huyện Tràng Định	0913517159

30	HTX thạch đen Otradi Tràng Định	Hang Đông, xã Chi Lăng, huyện Tràng Định	0983469636
31	HTX thạch đen Hồng Nhung	Số 154, khu I, thị trấn Thất Khe, huyện Tràng Định	0374821642
32	HTX nông nghiệp sạch TLG	Thôn Nà Pục, xã Đại Đồng, huyện Tràng Định	0373430880
33	HTX SXDVNN và Môi Trường	Bản Chang, xã Đội Cấn, huyện Tràng Định	0354172750
34	HTX NLN & DV Phú Quý	Bản Cáu, xã Đề Thám, huyện Tràng Định	0983917477
35	HTX NLN Trí Nhất	Thôn Pác Luông, xã Đề Thám, huyện Tràng Định	0332946190
36	HTX NLS Tân Yên	Thôn Nà Đeng, xã Tân Yên, huyện Tràng Định	0345109997
37	HTX nông nghiệp và TM Quốc Việt	Thôn Pò Lan, xã Quốc Việt, huyện Tràng Định	0396759411
38	HTX NLN Tràng Định	Nà Nghiêu, xã Đại Đồng, huyện Tràng Định	0886346888
39	HTX nông nghiệp Đề Thám	Thôn Pác Luông, xã Đề Thám, huyện Tràng Định	0326871811
40	HTX NLN Việt Anh	Khu I, TT Thất Khê, huyện Trảng Định	0976380666
41	HTX SX & DVNLS Đề Thám	Thôn Nà Nọng, xã Đề Thám, huyện Tràng Định	0916479692
42	HTX kinh doanh Diệu Huynh	Thôn Long Thịnh, xã Quốc Khánh, huyện Tràng Định	0981788829
43	HTX SXDVNLS Bản Quyền Tràng Định	Thôn Nà Pài, xã Đề Thám, huyện Tràng Định	0969113655
44	HTX DV nuôi trồng và sinh thái Khuổi Sao	Thôn Khuổi Sao, xã Chi Lăng, huyện Tràng Định	0385557567
45	HTX Quốc Khánh	Bản Phạc, xã Quốc Khánh, huyện Tràng Định	0346050300
46	HTX NLN Quốc Việt	Thôn Cốc Muống, xã Quốc Việt, huyện Tràng Định	0335012183
47	HTX DVNN Tân Tiến	Áng Mò, xã Tân Tiến, huyện Tràng Định	0359340298
48	HTX chăn nuôi NLN Quốc Việt	Bản Slào, xã Quốc Việt, huyện Tràng Định	0348658455
49	HTX SXDVNN Trường Hạ	Bản Slào, xã Quốc Việt, huyện Tràng Định	0355309260
50	HTX Đông Bắc Đào Viên	Thôn 3, xã Đào Viên, huyện Tràng Định	0333014386
51	HTX dịch vụ NLN Bình Độ	Bình Độ, xã Quốc Việt, huyện Tràng Định	0988381655
52	HTX SX & Chế biến Áng Mò	Thôn 1, xã Tân Tiến, huyện Tràng Định	0984915044

53	HTX An Phú Chí Minh	Lũng Phầy, Khuổi Nà, xã Chí Minh, huyện Trảng Định	0366129262
54	HTX SXCB dược liệu Trảng Định	Hang Đường, xã Kim Đồng, huyện Trảng Định	0399203818
55	HTX chăn nuôi Chi Lăng Trảng Định	Khảo Bàn, xã Chi Lăng, huyện Trảng Định	0977458559
56	HTX NN sinh thái Cường Hưng	Khu 4, TT Thất Khê, huyện Trảng Định	0985812692
57	HTX SXDVNN Thất Khê Food	Nà Nghiêu, xã Đại Đồng, huyện Trảng Định	0827613338
58	HTX nuôi cá lồng	Thôn Bóc Bao, xã Hùng Việt, huyện Trảng Định	0816128497
XI	Thành phố Lạng Sơn (60 HTX)		
1	HTX Chiến Thắng *	Số 200, đường Bà Triệu, P. Hoàng Văn Thụ, TPLS	
2	HTX NN Nà Chuông	Nhà văn hoá Nà Chuông I, xã Mai Pha, TP Lạng Sơn	01687968360 0973584817
3	HTX SX & DV nông nghiệp Thịnh Phương	Thôn Mai Thành, xã Mai Pha, TP Lạng Sơn	01686978038 0936919099
4	HTX NN An Sơn	Thôn Quang Trung II, xã Quảng Lạc, TP Lạng Sơn	0914581618
5	HTX NN Rọ Phái	Thôn Rọ Phái, xã Mai Pha, TP Lạng Sơn	0985376955 0945357988
6	HTX sản xuất rau an toàn 12 thành viên *	Thôn Rọ Phái, xã Mai Pha, TP Lạng Sơn	01669603047
7	HTX DVNN Hoàng Tân	Số 742, Trần Đăng Ninh, Thôn Hoàng Tân, xã Hoàng Đồng, TPLS	0972996959
8	HTX SX & DVNN Nà Sèn	Thôn Nà Sèn, xã Hoàng Đồng, TPLS	01664879150
9	HTX Hoàng Vũ	Số 12/1, Nguyễn Đình Chiểu, Đông Kinh, TPLS	0983972866
10	HTX DVNN Chi Mạc	Thôn Chi Mạc, xã Hoàng Đồng, TPLS	01652095751
11	HTX SXDVNN Bình Cầm *	Thôn Bình Cầm, xã Mai Pha, TPLS	01653040780
12	HTX SX & DVNN Đồng Tâm *	Thôn Nà Chuông I, xã Mai Pha, TP Lạng Sơn	0974943686
13	HTX SX và DVNN Pò Đưa	Thôn Pò Đưa, xã Mai Pha, TP Lạng Sơn	01273118289
14	HTX nông nghiệp công nghệ cao & phát triển Lạng Sơn	Thôn Bình Cầm, xã Mai Pha, TP Lạng Sơn	0912116189 0913299928
15	HTX Thành Công *	Thôn Quang Trung II, xã Quảng Lạc, TP Lạng Sơn	01649945553
16	HTX SX & DVNN Quảng Hồng	Thôn Quảng Hồng, xã Quảng Lạc, TP Lạng Sơn	01238188262

17	HTX Nhân Đức	Thôn Nà Chuông 1, xã Mai Pha, TP Lạng Sơn	01646051576
18	HTX SXKD Trường Lộc	Số 204, đường Bắc Sơn, TP Lạng Sơn	0963197339
19	HTX Tâm Phú Cường *	Số 38A, ngõ 2, Lê Hồng Phong, P. Tam Thanh	0985233339
20	HTX thanh niên Xứ Lạng	Số 2, ngõ 5, đường Trần Hưng Đạo, P Chi Lăng	0913359689
21	HTX Nà Trang	Thôn Tông Huông, xã Hoàng Đồng, TPLS	01648493371
22	HTX Hoa Đào Bản Cao	Thôn Quảng Hồng 1, xã Quảng Lạc, TPLS	01275428059
23	HTX nông nghiệp Vạn An	Thôn Quảng Tiến 1, xã Quảng Lạc, TP Lạng Sơn	0355460096
24	HTX Thiện Linh	Ngõ 314, đường Trần Quang Khải, P Chi Lăng, TP Lạng Sơn	0913278918
25	HTX An Hồng	Thôn Quảng Hồng 2, xã Quảng Lạc, TPLS	0916158818
26	HTX SX&CBNLS Quảng Lạc	Thôn Quảng Hồng 2, xã Quảng Lạc, TPLS	0912618188
27	HTX nông nghiệp Thành Công	Số 80/1, Lê Đại Hành, P Vĩnh Trại, TP Lạng Sơn	0918090688
28	HTX SX & DVNLN Yên Dũng	Thôn Khòn Khuyên, xã Mai Pha, TP Lạng Sơn	0974849391
29	HTX SX & DVNLN Phú An Phát	Số 387, đường Trần Đăng Ninh, phường Tam Thanh	0913093628
30	HTX đảo nho Q Cua	Thôn Hoàng Tâm, xã Hoàng Đồng, TP Lạng Sơn	0988258181
31	HTX NLN Hoàng Trung	Thôn Hoàng Trung, xã Hoàng Đồng, TP Lạng Sơn	0368886263
32	HTX NLN Quảng Lạc	Thôn Hoàng Trung 3, xã Hoàng Đồng, TP Lạng Sơn	0982985394
33	HTX Dâu Tây Lạng Sơn	Số 197, đường Lê Lai, phường Hoàng Văn Thụ, TPLS	0335737999
34	HTX nông nghiệp Mai Pha Land	Thôn Nà Chuông, xã Mai Pha, thành phố Lạng Sơn	0383563339
35	HTX nông nghiệp Sơn Dương	Thôn Hoàng Trung, xã Hoàng Đồng, TP Lạng Sơn	0977602888
36	HTX Việt Trung	Số 11, ngõ 166, Nguyễn Phi Khanh, Tam Thanh, TPLS	0983128598
37	HTX Mộc Hoàn Sơn	Số 98/15B, Tông Đản, phường Hoàng Văn Thụ, TPLS	0968175928
38	HTX nông nghiệp xanh Lạng Sơn	Số 3, đường Đặng Văn Ngữ, phường Vĩnh Trại, TPLS	0949221055
39	HTX hoa Lan Mai Pha	Thôn Khòn Phở, xã Mai Pha, TP Lạng Sơn	0986692693

40	HTX nông nghiệp Thuận Tự Nhiên	Khu tái định cư Mai Pha, thành phố Lạng Sơn	0977225488
41	HTX nông nghiệp và DV Quảng Lạc	Thôn Quảng Trung 2, xã Quảng Lạc, TP Lạng Sơn	0965861186
42	HTX SX&DVNN Nam Phú	Thôn Chi Mạc, xã Hoàng Đồng, TP Lạng Sơn	0988729996
43	HTX DVNN Tâm An Lạng Sơn	Thôn Rọ Phái, xã Mai Pha, TP Lạng Sơn	0966929966
44	HTX bánh truyền thống Mai Pha	Thôn Khòn Khuyên, xã Mai Pha, TP Lạng Sơn	
45	HTX SX & DVNN An Bình	Thôn Quảng Hồng, xã Quảng Lạc, TPLS	0918338886
46	HTX SX&DVNN Mai Pha Lạng Sơn	Thôn Nà Chuông, xã Mai Pha, TP Lạng Sơn	0986890518
47	HTX DVNN Tâm An Lạng Sơn	Thôn Rọ Phái, xã Mai Pha, TP Lạng Sơn	0966929966
48	HTX Lộc Phát *	Thôn Trung Cấp, xã Mai Pha, TP Lạng Sơn	1649697317
49	HTX Chợ Đại Phúc *	Số 16, đường Trần Nhật Duật, TP Lạng Sơn	0961269618
50	HTX Đồng Tiến	Số 40, đường Lê Lợi, P. Vĩnh Trại, TP Lạng Sơn	3716016 0913556054
51	HTX Thăng Lợi	Thôn Phai Trần, xã Hoàng Đồng, TP Lạng Sơn	0972449336
52	HTX Kỳ Hoa	Thôn Phai Duốc, xã Mai Pha, TP Lạng Sơn	0828161993
53	HTX Phương Bắc	Số 8, Trần Đăng Ninh, P. Vĩnh Trại, TP Lạng Sơn	3873029 0983851636
54	HTX VT Thành Long *	Số 30B, ngõ 1, đường Ngô Quyền, TP Lạng Sơn	0976999599
55	HTX VT Đoàn Kết	Số 9, đường Ngô Quyền, P Vĩnh Trại, TP Lạng Sơn	L: 0968951388 P: 0968595369
56	HTX DVVT Duy Long	Số 61, đường Hùng Vương, P. Chi Lăng, TP Lạng Sơn	0253718856 0913285820
57	HTX DVVT Đông Kinh *	Số 28, đường Nguyễn Du, Đông Kinh, TPLS	0945356666
58	HTX DVVT Vinh Gia	Số 45, ngõ 1, Lê Đại Hành, Vĩnh Trại, TPLS	0986560666
59	HTX GTVT Toàn Cầu *	429A, đường Trần Đăng Ninh, TP Lạng Sơn	0945260884
60	HTX DVVT Giang Sơn *	Số 9, đường Bông Lau, Hoàng Văn Thụ, TPLS	0912192764

Ghi chú: Có 466 HTX (Trong đó: Có 402 HTX đ.

8							2.000.000
20							500.000
14							1.000.000
37							1.200.000
					14		5.000.000
					12		1.000.000
			7				1.500.000
			10				800.000
			10				8.000.000
15							1.000.000
			7				1.000.000
			7				1.500.000
9							1.000.000
7							2.000.000
8							1.500.000
8							1.000.000
7							1.000.000
11							3.000.000
9							5.000.000
9							5.000.000
9							1.000.000
10							5.000.000
7							998.000

23							5.000.000
16							3.000.000
16							4.000.000
8							5.000.000
11							5.000.000
26							6.500.000
9							3.000.000
13							3.900.000
15							5.000.000
20							2.000.000
17							3.900.000
13							6.000.000
7							3.000.000
10							200.000
7							2.000.000
8							2.850.000
		8					1.120.000
		7					2.100.000
		7					1.000.000
		7					1.500.000
		8					2.000.000
		8					5.000.000
281	10	30	18	0		339	94.154.600

		7				700.000
		8				50.000
103						20.600
18						36.000
8						336.000
7						14.000
7						120.000
10						50.000
7						630.000
7						2.000.000
9						3.000.000
14						3.000.000
7						38.000.000
9						1.200.000
12						1.550.000
11						1.800.000
9						25.000.000
7						1.000.000
8						1.150.000
	10					328.000
			11			2.000.000
			7			3.500.000
		8				2.000.000

9							4.100.000
8							2.000.000
11							550.000
		7					20.000
286	9	88	88	0	83	554	119.653.413
			7				1.000.000
16							2.690.000
20							20.000.000
41							500.000
11							500.000
8							500.000
10							50.000
5							1.100.000
7							1.000.000
7							350.000
7							1.500.000
8							250.000
8							1.500.000
15							1.000.000
5							10.000.000
7							1.500.000
15							360.000
8							1.800.000

7						80.000
7						350.000
7						190.000
9						5.000.000
10						1.600.000
8						1.130.000
17						1.000.000
7						200.000
8						300.000
8						400.000
	9					265.000
			9			1.800.000
		7				6.000.000
		7				500.000
		7				500.000
		7				10.000.000
		9				1.800.000
		12				1.000.000
		10				2.000.000
		7				2.300.000
		8				320.000
		7				1.800.000
			6			1.100.000

			8				350.000
			50				650.000
			8				300.000
					18		4.200.000
					12		10.000.000
					28		17.318.413
					7		200.000
					11		200.000
		7					1.000.000
					7		200.000
461		53	19	23	7	563	70.596.436
9							9.000
8							400.000
16							80.000
12							72.000
23							370.000
30							1.472.000
7							150.000
22							729.718
20							500.000
18							600.000
18							619.000
9							120.000

141

45

280

7							5.000.000
21							515.718
11							120.000
8							50.000
9							120.000
8							150.000
16							285.000
8							8.000.000
9							600.000
8							100.000
9							3.000.000
14							242.000
44							530.000
22							220.000
8							200.000
10							130.000
7							1.200.000
16							3.050.000
16							220.000
9							8.000.000
9							200.000
			7				380.000
			8				2.000.000

		14					250.000
		7					500.000
		10					50.000
		7					800.000
			10				20.000.000
			9				550.000
				7			5.100.000
				8			1.500.000
					7		2.400.000
				8			12.000
85		23	7	14	0	129	46.135.000
7							500.000
12							5.000.000
7							5.000.000
7							800.000
11							750.000
8							1.285.000
8							1.500.000
8							300.000
7							1.200.000
10							2.500.000
		9					20.000.000
		7					1.000.000

		7					1.500.000
				7			800.000
				7			2.000.000
			7				2.000.000
390	47	40	66		7	550	53.219.300
	24						50.000
7							34.000
14							300.000
11							300.000
			30				300.000
11							350.000
9							2.000.000
7							200.000
7							50.000
20							300.000
30							53.000
14							700.000
7							50.000
7							50.000
8							5.000.000
13							300.000
54							100.000
12							1.000.000

10							5.000.000
8							80.000
8							3.000.000
9							80.000
11							165.000
17							85.000
8							240.000
47							300.000
7							1.050.000
7							3.000.000
18							270.000
9							181.000
	16						350.000
	7						350.000
		15					3.400.000
		7					1.000.000
		9					400.000
		9					1.000.000
			22				131.300
			7				1.000.000
					7		1.000.000
			7				20.000.000
657	12		28	23		720	52.884.540

388							98.200
9							340.000
7							1.500.000
16							50.000
15							47.000
15							50.000
10							100.000
8							1.000.000
7							7.500.000
20							220.000
7							100.000
7							41.000
7							41.000
8							50.000
7							500.000
9							780.000
7							3.000.000
7							100.000
16							50.000
9							8.000.000
11							50.000
7							20.000
8							20.000

7							500.000
7							400.000
8							150.000
7							500.000
9							100.000
7							2.000.000
7							41.000
	12						60.000
			8				1.100.000
			8				19.000.000
			12				60.000
				12			346.340
				11			4.970.000
228	56	20	43			347	22.811.600
10							30.000
14							41.000
12							75.000
7							1.360.000
7							3.827.000
12							60.000
7							200.000
19							1.500.000
7							350.000

7						1.000.000
7						1.500.000
9						132.000
7						350.000
7						140.000
7						500.000
7						500.000
8						160.000
7						63.000
7						1.000.000
7						800.000
16						160.000
15						600.000
7						84.000
8						80.000
7						229.600
		8				96.000
		12				120.000
			7			6.000.000
			8			100.000
			13			100.000
	10					50.000
	21					24.000

	11						132.000
	7						192.000
	7						56.000
			7				1.000.000
			8				200.000
270	48	40	56			414	50.229.800
45							1.000.000
8							1.000.000
	28						56.000
	20						245.800
7							300.000
11							1.000.000
8							240.000
16							2.000.000
10							1.000.000
			7				2.100.000
7							5.000.000
		17					1.450.000
		7					1.400.000
			7				5.000.000
41							30.000
7							550.000
		16					1.600.000

			7				2.000.000
			9				2.450.000
			8				5.000.000
7							5.000.000
12							1.000.000
15							340.000
10							50.000
9							18.000
10							500.000
10							2.200.000
7							1.000.000
12							1.000.000
10							1.000.000
8							1.000.000
			8				3.000.000
			10				700.000
417	24	102	57			600	251.393.000
		13					225.000
		15					190.000
		13					1.500.000
			8				1.000.000
			9				500.000
			8				26.000.000

			8				9.820.000
			8				9.820.000
			9				9.000.000
		7					150.000
7							268.000
15							75.000
7							2.000.000
14							1.000.000
7							3.000.000
7							75.000
7							1.000.000
7							20.000.000
27							140.000
17							172.000
7							1.000.000
10							65.000
		17					37.000
7							700.000
11							131.000
25							240.000
		7					120.000
		7					1.000.000
		7					1.000.000

		7					1.800.000
		9					2.000.000
8							1.500.000
9							1.500.000
15							1.500.000
7							400.000
8							75.000
8							625.000
31							68.000.000
24							1.000.000
9							2.000.000
17							3.240.000
8							1.500.000
7							9.000.000
7							2.000.000
8							800.000
8							625.000
8							300.000
7							1.000.000
7							1.400.000
10							350.000
8							800.000
7							50.000.000

7							700.000
7							300.000
7							600.000
	7						5.000.000
			7				3.000.000
	17						150.000
500		35	89	13	113	750	68.679.882
			37				255.500
45							8.800
10							2.000.000
14							560.000
29							18.000
10							5.000
8							16.000
9							45.000
7							700.000
8							10.000
14							50.000
8							500.000
33							32.000
15							4.000.000
15							75.000
8							8.000

7							8.000
7							7.000.000
		10					200.000
7							500.000
41							41.000
15							15.000
8							262.000
7							1.500.000
7							100.000
		7					1.400.000
8							100.000
18							400.000
8							2.000.000
7							1.000.000
7							1.400.000
7							35.000
8							800.000
8							100.000
7							1.000.000
7							1.500.000
10							1.000.000
9							1.200.000
10							1.000.000

7						1.000.000
7						2.000.000
9						3.000.000
7						1.000.000
		9				9.000
		9				1.600.000
9						60.000
7						1.000.000
8						500.000
			7			3.600.000
			28			1.013.960
			9			10.000.000
			8			5.000.000
				13		179.622
					7	100.000
					62	460.000
					13	13.000
					10	3.600.000
					7	100.000
					7	1.800.000
					7	1.800.000

trạng hoạt động, 64 HTX ngừng hoạt động)

ĐỀ XUẤT ĐẦU TƯ TRANG THIẾT BỊ CHO THƯ VIỆN TỈNH, THƯ VIỆN
Tên phần mềm: Xây dựng hệ thống thông tin OCOP và nông đặc s

STT	Danh mục thiết bị	Thông số kỹ thuật	ĐVT	SL
I	Thiết bị Công nghệ thông tin			
1	Máy tính để bàn (Phục vụ cho cán bộ quản lý chi cục vận hành phần mềm)	1. CPU: Intel Core i5 2. Ram: Ram 8GB 3. Ổ cứng: SSD 256GB 4. Màn hình: Màn hình 21.5 inch	Bộ	2
2	Máy tính xách tay (Phục vụ cho cán bộ chi cục đi thị trường đào tạo, triển khai các HTX, doanh nghiệp)	1. CPU: Intel Core i5 2. Ram: RAM 16GB 3. Ổ cứng: 512GB SSD 4. Màn hình: Màn hình 14.0inch	Chiếc	3
II	Thuê dịch vụ máy chủ ảo			
1	Máy chủ ảo cài đặt web/web api.	- Vi xử lý (CPU): 04 core, tốc độ 2.0 Ghz - Bộ nhớ trong (RAM): 32 GB - Ổ cứng SSD: 300 GB SSD	Năm	1
2	Máy chủ ảo cài đặt Cơ sở dữ liệu	- Vi xử lý (CPU): 04 core, tốc độ 2.0 Ghz - Bộ nhớ trong (RAM): 16 GB - Ổ cứng SSD: 500 GB SSD	Năm	1
TỔNG				
THUẾ VAT 10%				
TỔNG CỘNG				

Ghi chú: Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển tại tỉnh Lạng Sơn, chi phí lắp đặt, cài đặt, bảo hành

HUYỆN/TP TỈNH LẠNG SƠN

sản của tỉnh

Đơn giá	Thành tiền
	77.663.636
14.300.000	28.600.000
16.354.545	49.063.636
	44.858.182
20.247.273	20.247.273
24.610.909	24.610.909
	122.521.818
	12.252.182
	134.774.000

12 tháng và các loại thuế theo quy

BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ PHẦN MỀM

Tên phần mềm: Xây dựng hệ thống thông tin OCOP và nông đặc sản của tỉnh

STT	Khoản mục chi phí	Cách tính	Giá trị	Ký hiệu
1	Giá trị phần mềm	$1,4 \times E \times P \times H$	1.900.845.309	G
2	Chi phí chung	$G \times 65\%$	1.235.549.451	C
3	Thu nhập chịu thuế tính trước	$(G+C) \times 6\%$	188.183.686	TL
4	Chi phí phần mềm	$G + C + TL$	3.324.578.445	GPM
	TỔNG (Làm tròn)	GPM	3.324.578.000	

CHUYỂN ĐỔI YÊU CẦU CHỨC NĂNG SANG TRƯỜNG HỢP SỬ DỤNG (USE-CASE)

Tên phần mềm: Xây dựng hệ thống thông tin OCOP và nông đặc sản của tỉnh

STT	Tên Use-case	Tên tác nhân chính	Tên tác nhân phụ	Mô tả trường hợp sử dụng	Phân loại
A	Phân hệ Quản lý hệ thống thông tin OCOP và nông đặc sản				
I	Chức năng dành cho chủ thể tham gia OCOP				
1	Quản lý đăng ký tài khoản dành cho chủ thể OCOP				
		CT		Chủ thể tham gia OCOP khai báo và đăng ký tài khoản truy cập vào hệ thống	
				Hệ thống tự động gửi mã OTP xác thực thông tin tài khoản qua gmail của chủ thể đăng ký	
				Chủ thể OCOP xác thực đăng ký tài khoản bằng mã OTP	
				Chủ thể OCOP có thể sử dụng chức năng quên mật khẩu	Trung bình
2	Quản lý đăng nhập hệ thống	CT			
				Chủ thể OCOP có thể đăng nhập vào hệ thống/đăng xuất khỏi hệ thống	
				Chủ thể OCOP có thể đổi mật khẩu tài khoản truy cập	
				Chủ thể OCOP xem chi tiết thông tin tài khoản	Đơn giản
3	Quản lý Hồ sơ sản phẩm đăng ký tham gia đánh giá sản phẩm OCOP	CT			
				Chủ thể OCOP có thể thêm mới thông tin Hồ sơ sản phẩm đăng ký tham gia đánh giá sản phẩm OCOP	
				Chủ thể OCOP có thể đính kèm tài liệu vào Hồ sơ sản phẩm đăng ký tham gia đánh giá sản phẩm OCOP	
				Chủ thể OCOP có thể gửi phiếu đăng ký tham gia OCOP	
				Chủ thể OCOP có thể sửa thông tin Hồ sơ sản phẩm đăng ký tham gia đánh giá sản phẩm OCOP	

				Chủ thể OCOP có thể kiểm tra trạng thái Hồ sơ sản phẩm đăng ký tham gia đánh giá sản phẩm OCOP	Trung bình
4	Quản lý sản phẩm của chủ thể OCOP	CT			
				Chủ thể OCOP có thể thêm mới sản phẩm: mã sản phẩm, tên sản phẩm, có thể bán/mua, loại sản phẩm, nhóm sản phẩm, đơn vị tính, đơn vị tính mua hàng, giá cơ sở, thuế suất, ghi chú	
				Chủ thể OCOP có thể cập nhật sản phẩm	
				Chủ thể OCOP có thể xoá sản phẩm	
				Chủ thể OCOP có thể xem danh sách sản phẩm	Trung bình
5	Quản lý danh sách biến thể của sản phẩm của chủ thể OCOP	CT			
				Chủ thể OCOP có thể khai báo các thuộc tính (đặc tính riêng phân biệt các phiên bản) của sản phẩm: Thêm hoặc xóa bỏ các loại thuộc tính như khối lượng, màu sắc, kích thước, vật liệu, hình dạng..., thêm hoặc chỉnh sửa các giá trị thuộc tính cho từng loại thuộc tính như khối lượng, màu sắc, kích thước, hình dạng.	
				Hệ thống sinh ra các biến thể (phiên bản) của sản phẩm theo thuộc tính đã khai báo: Gắn sản phẩm với loại thuộc tính và giá trị thuộc tính để tạo biến thể, Tự sinh tên đầy đủ của biến thể theo từng giá trị thuộc tính: Mã biến thể, tên biến thể, loại sản phẩm, tên đầy đủ, loại sản phẩm, nhóm sản phẩm, đơn vị tính, đơn vị tính mua hàng, giá cơ sở, thuế suất, ghi chú, giá trị các loại thuộc tính của biến thể (màu sắc biến thể, khối lượng biến thể, kích thước biến thể...)	
				Chủ thể OCOP có thể thay đổi thông tin cho biến thể: Thay đổi giá trị thuộc tính biến thể	
				Chủ thể OCOP có thể tìm kiếm biến thể	Trung bình
6	Quản lý sinh mã QR code để truy xuất thông tin sản phẩm OCOP	CT			
				Chủ thể OCOP thực hiện tạo và sinh mã QR code theo thông tin sản phẩm đã được phê duyệt	

				Chủ thể OCOP có thể thực hiện xuất danh sách mã QR Code để thực hiện in, và cập nhật trạng thái lên hệ thống	
				Chủ thể OCOP có thể thu hồi mã QR truy xuất đã sinh	
				Chủ thể OCOP, cán bộ quản lý có thể đặt trạng thái cảnh báo và thu hồi lên mã QR truy xuất nguồn gốc	
				Chủ thể OCOP, cán bộ quản lý có thể xem các báo cáo tình trạng sử dụng, số lượng QR code.	Trung bình
II	Quản lý phê duyệt đăng ký tham gia OCOP				
1	Quản lý trang chủ OCOP	CBH, CBT			
				Cán bộ quản lý có thể xem tổng số chủ thể yêu cầu tham gia OCOP	
				Cán bộ quản lý có thể xem tổng số yêu cầu phê duyệt hồ sơ sản phẩm tham gia đánh giá OCOP	
				Cán bộ quản lý có thể xem tổng số sản phẩm OCOP	
				Cán bộ quản lý có thể xem tổng số chủ thể OCOP	Trung bình
2	Quản lý hội đồng đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP	QTHT			
				Quản trị hệ thống xem danh sách hội đồng đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP được tạo	
				Quản trị hệ thống xem chi tiết thông tin hội đồng đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP	
				Quản trị hệ thống thêm mới thông tin hội đồng đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP	
				Quản trị hệ thống thêm chuyên gia đánh giá vào hội đồng đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP	
				Quản trị hệ thống bỏ chuyên gia đánh giá ra khỏi hội đồng đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP	Trung bình
3	Quản lý phê duyệt chủ thể OCOP	CBH			
				Cán bộ huyện, quận, thị xã, thành phố tiếp nhận hồ sơ doanh nghiệp/chủ thể OCOP chờ đăng ký	
				Cán bộ huyện, quận, thị xã, thành phố xem danh sách doanh nghiệp/chủ thể OCOP chờ đăng ký	

				Cán bộ huyện, quận, thị xã, thành phố xem chi tiết hồ sơ doanh nghiệp/chủ thể OCOP chờ đăng ký	
				Cán bộ huyện, quận, thị xã, thành phố tìm kiếm thông tin doanh nghiệp/chủ thể OCOP chờ đăng ký	
				Cán bộ huyện, quận, thị xã, thành phố phê duyệt/từ chối hồ sơ đăng ký doanh nghiệp/chủ thể OCOP	Trung bình
4	Quản lý phê duyệt Hồ sơ sản phẩm đăng ký tham gia đánh giá sản phẩm OCOP cấp xã, phường, thị trấn	CBH			
				Cán bộ huyện, quận, thị xã, thành phố xem danh sách Hồ sơ sản phẩm đăng ký tham gia đánh giá sản phẩm OCOP	
				Cán bộ huyện, quận, thị xã, thành phố xem chi tiết thông tin Hồ sơ sản phẩm đăng ký tham gia đánh giá sản phẩm OCOP	
				Cán bộ huyện, quận, thị xã, thành phố tìm kiếm Hồ sơ sản phẩm đăng ký tham gia đánh giá sản phẩm OCOP	
				Cán bộ huyện, quận, thị xã, thành phố phê duyệt/từ chối Hồ sơ sản phẩm đăng ký tham gia đánh giá sản phẩm OCOP	Trung bình
5	Quản lý đánh giá, phân hạng, sản phẩm OCOP tại huyện, quận, thị xã, thành phố	CBH			
				Cán bộ huyện, quận, thị xã, thành phố xem danh sách sản phẩm tham gia chương trình OCOP	
				Cán bộ huyện, quận, thị xã, thành phố đánh giá sản phẩm tham gia chương trình OCOP	
				Cán bộ huyện, quận, thị xã phê duyệt kết quả đánh giá hồ sơ sản phẩm đạt 3 sao	
				Cán bộ huyện, quận, thị xã, thành phố chuyển hồ sơ sản phẩm đạt (từ 4 sao trở lên) lên cấp tỉnh	Trung bình
6	Quản lý đánh giá, phân hạng, sản phẩm OCOP tại cấp tỉnh	CBH			
				Cán bộ cấp tỉnh tiếp nhận danh sách sản phẩm tham gia chương trình OCOP do cấp huyện đề xuất	
				Cán bộ cấp tỉnh đánh giá sản phẩm tham gia chương trình OCOP	

				Cán bộ cấp tỉnh trả lại hồ sơ sản phẩm cho cấp huyện với những sản phẩm không đạt, yêu cầu hoàn thiện hồ sơ	
				Cán bộ tỉnh phê duyệt kết quả đánh giá hồ sơ sản phẩm đạt 4 sao	
				Cán bộ cấp tỉnh chuyển hồ sơ sản phẩm đề xuất là OCOP cấp quốc gia lên cấp Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	
				Cán bộ cấp tỉnh tiếp nhận hồ sơ sản phẩm không hợp lệ do Cấp TW yêu cầu hoàn thiện hồ sơ	Trung bình
III	Quản lý lưu trữ hồ sơ chủ thể tham gia OCOP				
1	Quản lý hồ sơ lưu trữ thông tin về chủ thể tham gia OCOP	QTHT, CBH, CBT			
				Quản lý menu cây thư mục thông tin về chủ thể tham gia OCOP dạng treeview, xem danh sách thư mục hồ sơ lưu trữ theo dạng gridview, sắp xếp thứ tự bản ghi theo ngày tạo/kích cỡ tệp. Thao tác các chức năng thuận tiện với contextmenu như phân quyền truy cập hồ sơ lưu trữ, Cập nhật metadata, Sao chép đường dẫn hoặc quét QR code để địa chỉ truy cập đến thư mục hồ sơ, Xóa bản ghi thư mục lưu trữ, Chức năng tải lại để đồng bộ dữ liệu thư mục hồ sơ lưu trữ mới nhất.	
				Quản lý thông tin mô tả chi tiết hồ sơ thông tin về chủ thể tham gia OCOP. Thông tin chủ sở hữu, Thông tin danh sách người dùng và quyền truy cập tương ứng (quyền quản lý/xem/sửa/xóa/di chuyển), Thông tin tên thư mục hồ sơ lưu trữ, Thông tin ngày tạo/Ngày cập nhật cuối/Người cập nhật cuối, Thông tin mô tả, thông tin nhãn phân loại thư mục hồ sơ lưu trữ	
				Cập nhật thông tin mô tả (metadata) cho từng loại hồ sơ lưu trữ thông tin về chủ thể tham gia OCOP	
				Tải lên một hoặc nhiều thư mục hồ sơ lưu trữ thông tin về chủ thể tham gia OCOP, đăng ký kinh doanh của Doanh nghiệp, Quy trình ISO trong chế biến sản xuất, tài liệu liên quan đến nhật ký vận chuyển,...	

				Sao chép đường dẫn truy cập và hiển thị QR code đường dẫn thư mục hồ sơ lưu trữ thông tin chủ thể tham gia OCOP	
				Đổi tên/ Cập nhật thông tin mô tả thư mục hồ sơ lưu trữ/ tài liệu chủ thể tham gia OCOP	
				Thiết lập cho phép hiển thị công khai hoặc cho phép tìm kiếm thông tin thư mục hồ sơ lưu trữ/ tài liệu chủ thể tham gia OCOP	
				Di chuyển thư mục hồ sơ lưu trữ thông tin chủ thể tham gia OCOP đến địa chỉ thư mục hồ sơ khác	
				Tìm kiếm/gán nhãn/thiết lập màu sắc/thêm nhanh nhãn/cập nhật tên nhãn phân loại hồ sơ lưu trữ thông tin chủ thể tham gia OCOP	
				Xóa một hoặc nhiều hồ sơ lưu trữ thông tin chủ thể tham gia OCOP cùng 1 lúc	Phức tạp
2	Quản lý tài liệu cần lưu trữ về chủ thể tham gia OCOP	QTHT, CBH, CBT			
				Quản lý xem danh sách tài liệu lưu trữ theo dạng gridview, sắp xếp thứ tự bản ghi theo ngày tạo/kích cỡ tệp. Thao tác các chức năng thuận tiện với contextmenu như phân quyền tài liệu lưu trữ, Cập nhật metadata, Sao chép đường dẫn hoặc quét QR code để truy cập đến thư mục hồ sơ khác, Xóa bản ghi File, Chức năng tải lại để đồng bộ dữ liệu tài liệu lưu trữ mới nhất.	
				Quản lý thông tin mô tả chi tiết tài liệu lưu trữ về Doanh nghiệp/ Sản phẩm/ Cơ sở sản xuất/Cơ sở chế biến/Vận chuyển...: Thông tin chủ sở hữu, Thông tin danh sách người dùng và quyền truy cập tương ứng (quyền quản lý/xem/sửa/xóa/di chuyển), Thông tin tên thư mục hồ sơ lưu trữ, Thông tin ngày tạo/Ngày cập nhật cuối/Người cập nhật cuối, Thông tin mô tả, thông tin nhãn phân loại tài liệu	
				Quản trị có thể cập nhật thông tin mô tả (metadata) cho từng loại tài liệu lưu trữ thông tin về chủ thể tham gia OCOP	
				Quản trị có thể tải lên một hoặc nhiều tài liệu liên quan lưu trữ hồ sơ thông tin về chủ thể tham gia OCOP...: đăng ký kinh doanh của chủ thể tham gia OCOP	

				Sao chép đường dẫn truy cập và hiển thị QR code đường dẫn địa chỉ thư mục tài liệu lưu trữ thông tin chủ thẻ tham gia OCOP	
				Đổi tên/ Cập nhật thông tin mô tả tài liệu hồ sơ lưu trữ/ tài liệu chủ thẻ tham gia OCOP	
				Thiết lập cho phép hiển thị công khai hoặc cho phép tìm kiếm thông tin tài liệu lưu trữ/ tài liệu chủ thẻ tham gia OCOP	
				Di chuyển tài liệu lưu trữ thông tin chủ thẻ tham gia OCOP đến địa chỉ thư mục hồ sơ khác	
				Tìm kiếm/gán nhãn/thiết lập màu sắc/thêm nhanh nhãn/cập nhật tên nhãn phân loại tài liệu lưu trữ thông tin chủ thẻ tham gia OCOP	
				Xóa một hoặc nhiều tài liệu lưu trữ thông tin chủ thẻ tham gia OCOP cùng 1 lúc	Phức tạp
3	Quản lý xem trước (preview) tập tin/tài liệu điện tử về chủ thẻ/sản phẩm tham gia OCOP	QTHT, CBH, CBT			
				Xem trước (preview) tập tin/tài liệu điện tử về chủ thẻ/sản phẩm tham gia OCOP theo các định dạng file document (doc,docx)	
				Xem trước (preview) tập tin/tài liệu điện tử về chủ thẻ/sản phẩm tham gia OCOP theo các định dạng file spread sheet (xlsx, xls)	
				Xem trước (preview) tập tin/tài liệu điện tử về chủ thẻ/sản phẩm tham gia OCOP theo các định dạng file Portable Document Format (PDF)	
				Xem trước (preview) tập tin/tài liệu điện tử về chủ thẻ/sản phẩm tham gia OCOP theo các định dạng file Image (JPEG, JPG, PNG)	Trung bình
4	Quản lý phân quyền truy cập khai thác thông tin hồ sơ/tài liệu lưu trữ về chủ thẻ tham gia OCOP tới người dùng/nhóm người dùng trong hệ thống	QTHT, CBH, CBT			

				Quản trị hệ có thể phân quyền xem thông tin hồ sơ/tài liệu lưu trữ về chủ thể tham gia OCOP tới người dùng/ nhóm người dùng trong hệ thống	
				Quản trị hệ có thể phân quyền Sửa thông tin hồ sơ/tài liệu lưu trữ về chủ thể tham gia OCOP tới người dùng/ nhóm người dùng trong hệ thống	
				Quản trị hệ có thể phân quyền Di chuyển thông tin hồ sơ/tài liệu lưu trữ về chủ thể tham gia OCOP tới người dùng/ nhóm người dùng trong hệ thống	
				Quản trị hệ có thể phân quyền Xóa thông tin hồ sơ/tài liệu lưu trữ về chủ thể tham gia OCOP tới người dùng/ nhóm người dùng trong hệ thống	
				Quản trị hệ có thể phân quyền quản lý thông tin hồ sơ/tài liệu lưu trữ về chủ thể tham gia OCOP tới người dùng/ nhóm người dùng trong hệ thống	
				Quản trị hệ có thể chuyển quyền sở hữu hồ sơ/tài liệu lưu trữ về chủ thể tham gia OCOP tới người dùng/ nhóm người dùng trong hệ thống	Trung bình
5	Quản lý tìm kiếm hồ sơ/tài liệu lưu trữ	QTHT, CBH, CBT			
				Quản lý tìm kiếm theo thuộc tính mô tả (metadata) của hồ sơ, tài liệu của chủ thể tham gia OCOP	
				Quản lý tìm kiếm nâng cao hồ sơ, tài liệu của chủ thể tham gia OCOP theo tên chủ thể	
				Quản lý tìm kiếm nâng cao hồ sơ, tài liệu của chủ thể tham gia OCOP theo loại tài liệu (loại file image/word/excel/text/slide/pdf/audio/video...)	
				Quản lý tìm kiếm theo nhãn hồ sơ, tài liệu của chủ thể tham gia OCOP	
				Quản lý tìm kiếm theo ngày tải lên của hồ sơ, tài liệu	
				Cho phép tìm kiếm toàn văn theo nội dung hồ sơ, tài liệu	Trung bình
6	Quản lý danh mục nhãn hồ sơ/tài liệu lưu trữ	QTHT, CBH, CBT			
				Cán bộ quản lý có thể Xem danh sách tham số nhãn tài liệu	

				Cán bộ quản lý có thể thêm mới tham số nhân tài liệu	
				Cán bộ quản lý có thể xóa tham số nhân tài liệu	
				Cán bộ quản lý có thể xem tham số nhân tài liệu	
				Cán bộ quản lý có thể sửa tham số nhân tài liệu	
				Cán bộ quản lý có thể thêm từ khóa cho nhân tài liệu	
				Cán bộ quản lý có thể tìm kiếm tham số nhân tài liệu	Trung bình
IV	Quản trị hệ thống				
1	Quản lý người dùng phía hệ thống	QTHT			
				Quản trị hệ thống có thể thêm mới người sử dụng	
				Quản trị hệ thống có thể xem các thông tin về người sử dụng	
				Quản trị hệ thống có thể thay đổi thông tin về người sử dụng	
				Quản trị hệ thống có thể xóa người sử dụng	Trung bình
2	Quản lý nhóm vai trò (roles)	QTHT			
				Quản trị hệ thống có thể thêm mới nhóm vai trò	
				Quản trị hệ thống có thể xem thông tin nhóm vai trò	
				Quản trị hệ thống có thể thay đổi thông tin nhóm vai trò	
				Quản trị hệ thống có thể xóa nhóm người vai trò	
				Quản trị hệ thống có thể thêm người dùng vào 1 nhóm vai trò	Trung bình
3	Phân vai trò cho người sử dụng	QTHT			
				Quản trị hệ thống có thể thêm vai trò sử dụng chức năng cho người sử dụng	
				Quản trị hệ thống có thể gỡ vai trò sử dụng chức năng cho người sử dụng	

				Quản trị hệ thống có thể xem danh sách vai trò sử dụng chức năng của người sử dụng	
				Quản trị hệ thống có thể tìm kiếm vai trò để phân cho người sử dụng	Trung bình
4	Phân chia quyền hạn cho nhóm vai trò	QTHT			
				Quản trị hệ thống có thể xem danh sách quyền hạn được phân cho nhóm vai trò	
				Quản trị hệ thống có thể thêm quyền hạn cho nhóm vai trò	
				Quản trị hệ thống có thể gỡ quyền hạn cho nhóm vai trò	
				Quản trị hệ thống có thể tìm kiếm quyền hạn để phân cho nhóm vai trò	Trung bình
5	Quản lý điều hướng	QTHT			
				Quản trị hệ thống có thể xem danh mục điều hướng	
				Quản trị hệ thống có thể chỉnh sửa tên danh mục điều hướng	
				Quản trị hệ thống có thể sắp xếp lại danh mục điều hướng	
				Quản trị hệ thống có thể gỡ chức năng ra khỏi danh mục điều hướng	Trung bình
V	Quản lý danh mục dùng chung				
1	Quản lý danh mục đơn vị hành chính	QTHT			
				Quản trị hệ thống thêm mới đơn vị hành chính	
				Quản trị hệ thống cập nhật đơn vị hành chính	
				Quản trị hệ thống xóa đơn vị hành chính	
				Quản trị hệ thống xem danh sách đơn vị hành chính	
				Quản trị hệ thống tìm kiếm đơn vị hành chính	Trung bình
2	Quản lý danh mục bộ sản phẩm	QTHT			
				Quản trị hệ thống thêm mới danh mục Bộ sản phẩm	

				Quản trị hệ thống cập nhật danh mục Bộ sản phẩm	
				Quản trị hệ thống xóa danh mục Bộ sản phẩm	
				Quản trị hệ thống xem danh sách danh mục Bộ sản phẩm	
				Quản trị hệ thống tìm kiếm danh mục Bộ sản phẩm	Trung bình
3	Quản lý danh mục thị trường tiêu thụ	QTHT			
				Quản trị hệ thống có thể thêm mới thị trường tiêu thụ	
				Quản trị hệ thống có thể xem thông tin thị trường tiêu thụ	
				Quản trị hệ thống có thể thay đổi thị trường tiêu thụ	
				Quản trị hệ thống có thể xóa thị trường tiêu thụ	Trung bình
4	Quản lý danh mục tiêu chuẩn sản phẩm	QTHT			
				Quản trị hệ thống chọn chức năng quản lý danh mục tiêu chuẩn sản phẩm	
				Quản trị hệ thống có thể tìm kiếm trong danh sách danh mục tiêu chuẩn sản phẩm	
				Quản trị hệ thống có thể thêm mới danh mục tiêu chuẩn sản phẩm, hệ thống hiển thị giao diện nhập liệu thông tin danh mục tiêu chuẩn sản phẩm	
				Quản trị hệ thống có thể xem chi tiết thông tin danh mục tiêu chuẩn sản phẩm	
				Quản trị hệ thống có thể chỉnh sửa, xóa và khôi phục thông tin danh mục tiêu chuẩn sản phẩm	
				Quản trị hệ thống có thể xuất dữ liệu báo cáo về danh sách danh mục tiêu chuẩn sản phẩm ra tập tin excel để tải về	Trung bình
5	Quản lý danh mục chuyên gia đánh giá sản phẩm OCOP	QTHT			
				Quản lý danh sách chuyên gia đánh giá sản phẩm OCOP	
				Quản trị hệ thống thêm mới chuyên gia đánh giá sản phẩm OCOP	

				Quản trị hệ thống cập nhật thông tin chuyên gia đánh giá sản phẩm OCOP	
				Quản trị hệ thống xóa thông tin chuyên gia đánh giá sản phẩm OCOP	
				Quản trị hệ thống tìm kiếm chuyên gia đánh giá sản phẩm OCOP	
				Quản trị hệ thống xem chi tiết thông tin chuyên gia đánh giá sản phẩm OCOP	Trung bình
6	Quản lý danh mục kỳ đánh giá	QTHT			
				Quản trị hệ thống xem danh sách kỳ đánh giá	
				Quản trị hệ thống thêm mới kỳ đánh giá	
				Quản trị hệ thống xem chi tiết thông tin kỳ đánh giá	
				Quản trị hệ thống sửa thông tin kỳ đánh giá	
				Quản trị hệ thống xóa kỳ đánh giá	
				Quản trị hệ thống tìm kiếm toàn văn kỳ đánh giá	Trung bình
7	Quản lý danh mục bộ tiêu chí đánh giá sản phẩm OCOP của thành viên hội đồng đánh giá	QTHT			
				Quản trị hệ thống có thể thêm mới bộ tiêu chí đánh giá sản phẩm OCOP	
				Quản trị hệ thống có thể xem thông tin bộ tiêu chí đánh giá sản phẩm OCOP	
				Quản trị hệ thống có thể thay đổi bộ tiêu chí đánh giá sản phẩm OCOP	
				Quản trị hệ thống có thể xóa bộ tiêu chí đánh giá sản phẩm OCOP	Trung bình
8	Quản lý danh mục chỉ tiêu đánh giá sản phẩm OCOP	QTHT			
				Quản trị hệ thống có thể thêm mới chỉ tiêu đánh giá sản phẩm OCOP	

				Quản trị hệ thống có thể xem thông tin chi tiêu đánh giá sản phẩm OCOP	
				Quản trị hệ thống có thể thay đổi chi tiêu đánh giá sản phẩm OCOP	
				Quản trị hệ thống có thể xóa chi tiêu đánh giá sản phẩm OCOP	Trung bình
9	Quản lý nhật ký hệ thống	QTHT			
				Quản trị hệ thống có thể xem nhật ký đăng nhập thành công	
				Quản trị hệ thống có thể xem nhật ký đăng nhập thất bại	
				Quản trị hệ thống có thể xem nhật ký đăng xuất	
				Quản trị hệ thống có thể xem nhật ký theo người dùng	
				Quản trị hệ thống có thể xem nhật ký theo từng thao tác người dùng	Trung bình
VI	Công cụ phần mềm hỗ trợ phân loại và xử lý xây dựng, khởi tạo dữ liệu hồ sơ OCOP				
1	Hỗ trợ xử lý xây dựng, khởi tạo dữ liệu hồ sơ OCOP	QTHT			
				Cho phép nhận diện nhân/ký hiệu sử dụng công nghệ AI (Computer vision) phân loại dữ liệu hồ sơ OCOP	
				Nhận diện các tài liệu được đặt tên theo quy tắc dữ liệu hồ sơ OCOP	
				Nhận diện các tài liệu có nội dung theo quy tắc dữ liệu hồ sơ OCOP	
				Tính toán điểm số nhận diện chính xác khi xử lý tài liệu (tỷ lệ phần trăm)	
				Công cụ trả ra kết quả nội dung nhận diện nhân/ký hiệu dạng json (trong file text)	Trung bình
2	Phân loại văn bản/tài liệu scan dữ liệu hồ sơ OCOP	QTHT			

				Tự động quét và xử lý các tài liệu được đặt đúng tên theo quy tắc trong thư mục (folder) đầu vào	
				Tài liệu không đúng tên theo quy tắc được giữ nguyên tại thư mục (folder) đầu vào	
				Tài liệu đã xử lý có điểm số nhận diện cao được di chuyển từ thư mục (folder) đầu vào sang thư mục (folder) đầu ra có điểm số nhận diện cao (Outputs/Success)	
				Tài liệu đã xử lý có điểm số nhận diện thấp được di chuyển từ thư mục (folder) đầu vào sang thư mục (folder) đầu ra có điểm số nhận diện thấp (Outputs/Pending)	
				Tài liệu không nhận diện được nội dung sẽ được di chuyển từ thư mục (folder) đầu vào sang thư mục (folder) đầu ra không nhận diện được (Outputs/Failed)	
				Cho phép giữ nguyên cấp cha của thư mục (folder) cấp cha khi chuyển từ thư mục (folder) đầu vào sang thư mục (folder) đầu ra	
				Tài liệu xử lý được. công cụ tự động đổi tên thư mục (folder) chứa tài liệu thành tên nhãn/ký hiệu	Trung bình
3	Quản lý cấu hình công cụ hỗ trợ xử lý dữ liệu hồ sơ OCOP	QTHT			
				Thiết lập tham số mốc điểm nhận diện là cao (Success)	
				Thiết lập tham số mốc điểm số nhận diện là thấp (Pending)	
				Cấu hình tự động/thủ công nhận diện khi có tài liệu mới được thêm	
				Cấu hình đường dẫn thư mục (folder) đầu vào	
				Cấu hình đường dẫn thư mục (folder) đầu ra	Trung bình
4	Quản lý báo cáo kết quả nhận diện hỗ trợ xây dựng khởi tạo dữ liệu hồ sơ OCOP	QTHT			
				Kết xuất excel báo cáo kết quả nhận diện tài liệu theo thời gian	

				Kết xuất excel báo cáo kết quả nhận diện tài liệu theo điểm số nhận diện chính xác	
				Kết xuất excel báo cáo kết quả nhận diện tài liệu theo phân loại (Success, Pending, Failed)	
				Kết xuất excel báo cáo kết quả nhận diện tài liệu theo số định danh (serial, mã vạch. ...)	Trung bình
VII	Phân hệ Tích hợp trao đổi dữ liệu với trực tích hợp chia sẻ dữ liệu LGSP của Tỉnh				
1	Quản lý tích hợp chia sẻ dữ liệu với trực tích hợp chia sẻ dữ liệu LGSP của Tỉnh	HT			
				Cho phép khai thác thông tin chủ thể tham gia OCOP qua trực tích hợp chia sẻ dữ liệu LGSP của tỉnh	
				Cho phép khai thác thông tin sản phẩm OCOP qua trực tích hợp chia sẻ dữ liệu LGSP của tỉnh	
				Cho phép khai thác thông tin hồ sơ đăng ký tham gia đánh giá sản phẩm OCOP qua trực tích hợp chia sẻ dữ liệu LGSP của tỉnh	
				Cho phép khai thác thông tin kết quả đánh giá phân hạng, sản phẩm OCOP qua trực tích hợp chia sẻ dữ liệu LGSP của tỉnh	Trung bình
2	Quản lý tích hợp với hệ thống xác thực tập trung (SSO)	QTHT			
				Sử dụng giao thức Oauth trên LGSP để xác thực	
				Tích hợp, lưu trữ thông tin người dùng thông qua AD, LDAP của Tỉnh	Đơn giản
VIII	Phân hệ Quản lý Quy trình (Workflow) gửi và phê duyệt hồ sơ đăng ký tham gia OCOP (Doanh nghiệp, sản phẩm, mã tem...)				
1	Quản lý danh mục quy trình phê duyệt hồ sơ đăng ký tham gia OCOP (Doanh nghiệp, sản phẩm, mã tem...)	QTHT			

				Thêm mới quy trình phê duyệt hồ sơ đăng ký tham gia OCOP (Doanh nghiệp, sản phẩm, mã tem...)	
				Cập nhật quy trình phê duyệt hồ sơ đăng ký tham gia OCOP (Doanh nghiệp, sản phẩm, mã tem...)	
				Xoá quy trình phê duyệt hồ sơ đăng ký tham gia OCOP (Doanh nghiệp, sản phẩm, mã tem...)	
				Tìm kiếm quy trình phê duyệt hồ sơ đăng ký tham gia OCOP (Doanh nghiệp, sản phẩm, mã tem...)	Trung bình
2	Quản lý danh mục trạng thái trong quy trình phê duyệt hồ sơ đăng ký tham gia OCOP (Doanh nghiệp, sản phẩm, mã tem...)	QTHT			
				Thêm mới Trạng thái (Status) trong quy trình phê duyệt hồ sơ đăng ký tham gia OCOP (Doanh nghiệp, sản phẩm, mã tem...)	
				Cập nhật Trạng thái (Status) trong quy trình phê duyệt hồ sơ đăng ký tham gia OCOP (Doanh nghiệp, sản phẩm, mã tem...)	
				Xoá Trạng thái (Status) trong quy trình phê duyệt hồ sơ đăng ký tham gia OCOP (Doanh nghiệp, sản phẩm, mã tem...)	
				Tìm kiếm Trạng thái (Status) trong quy trình phê duyệt hồ sơ đăng ký tham gia OCOP (Doanh nghiệp, sản phẩm, mã tem...)	Trung bình
3	Quản lý danh mục tác động (command) trong quy trình phê duyệt hồ sơ đăng ký tham gia OCOP (Doanh nghiệp, sản phẩm, mã tem...)	QTHT			
				Thêm mới Tác động (Command) trong quy trình phê duyệt hồ sơ đăng ký tham gia OCOP (Doanh nghiệp, sản phẩm, mã tem...)	
				Cập nhật Tác động (Command) trong quy trình phê duyệt hồ sơ đăng ký tham gia OCOP (Doanh nghiệp, sản phẩm, mã tem...)	
				Xoá Tác động (Command) trong quy trình phê duyệt hồ sơ đăng ký tham gia OCOP (Doanh nghiệp, sản phẩm, mã tem...)	

				Tìm kiếm Tác động (Command) trong quy trình phê duyệt hồ sơ đăng ký tham gia OCOP (Doanh nghiệp, sản phẩm, mã tem...)	Trung bình
4	Quản lý thiết lập quy trình (workflow)	QTHT			
				Quản trị hệ thống có thể kéo, thả để tạo/chỉnh sửa các actors tham gia vào quy trình	
				Quản trị hệ thống có thể kéo, thả để tạo/chỉnh sửa các activities tham gia vào quy trình	
				Quản trị hệ thống có thể kéo, thả để tạo/chỉnh sửa các transition tham gia vào quy trình	
				Quản trị hệ thống có thể tạo/chỉnh sửa các parameters tham gia vào quy trình	Trung bình
5	Quản lý các phiên bản quy trình (workflow)	QTHT			
				Thêm mới phiên bản quy trình	
				Xóa phiên bản quy trình	
				Quản trị hệ thống có thể lưu trữ các phiên bản quy trình	
				Quản trị hệ thống có thể khôi phục phiên bản quy trình	Trung bình
6	Nhập bản và thiết kế WF thông qua Import/Export file có cấu trúc	QTHT			
				Cho phép kết xuất (export) quy trình Workflow ra file XML	
				Cho phép kết nhập (import) quy trình Workflow từ file XML	Đơn giản
B	Phân hệ Trang thông tin OCOP và nông đặc sản				
I	Quản lý cấu hình trang thông tin OCOP và nông đặc sản				
1	Quản lý hệ thống Trang tin (Page)	QTHT			
				Quản trị hệ thống có thể thêm mới trang tin (page)	

				Quản trị hệ thống có thể sửa nội dung trang tin (page)	
				Quản trị hệ thống có thể xóa trang tin (page)	
				Quản trị hệ thống có thể tìm kiếm trang tin (page)	
				Quản trị hệ thống có thể chọn xem trên trang công thông tin từ danh sách trang tin	Trung bình
2	Quản lý danh mục khung giao diện (Layout)	QTHT			
				Quản trị hệ thống có thể thêm mới danh mục khung giao diện (Layout)	
				Quản trị hệ thống có thể sửa danh mục khung giao diện (Layout)	
				Quản trị hệ thống có thể xóa danh mục khung giao diện (Layout)	
				Quản trị hệ thống có thể nhân bản danh mục khung giao diện (Layout)	Trung bình
3	Quản lý thành phần Module	QTHT			
				Quản trị hệ thống có thể thêm mới module tự định nghĩa	
				Quản trị hệ thống có thể sửa nội dung module	
				Quản trị hệ thống có thể tìm kiếm thành phần module	
				Quản trị hệ thống có thể xóa thành phần module	Trung bình
4	Quản lý cấu hình khung giao diện (layout) trên trang page	QTHT			
				Quản trị hệ thống có thể xem khung giao diện (layout) đã cấu hình trên trang page	
				Quản trị hệ thống có thể thêm khung giao diện (layout) vào trang page	
				Quản trị hệ thống có thể gỡ khung giao diện (layout) khỏi trang page	

				Quản trị hệ thống có thể chọn cấu hình khung giao diện cho trang page trên giao diện màn hình máy tính (desktop) và trên mobile	Trung bình
5	Quản lý cấu hình module cho layout	QTHT			
				Quản trị hệ thống có thể xem danh sách các module đã thêm vào layout trên giao diện trang page	
				Quản trị hệ thống có thể thêm module vào layout	
				Quản trị hệ thống có thể gỡ bỏ module khỏi layout	
				Quản trị hệ thống có thể chọn bật/tắt hiển thị module trong layout khi hiển thị trên trang cổng thông tin	Trung bình
6	Quản lý cấu hình metadata cho module	QTHT			
				Quản trị hệ thống có thể xem danh sách metadata đã cấu hình cho module	
				Quản trị hệ thống có thể thêm mới metadata vào module	
				Quản trị hệ thống có thể chỉnh sửa metadata đã được thêm vào module	
				Quản trị hệ thống có thể xoá metadata khỏi module	Trung bình
7	Quản lý Menu	QTHT			
				Quản trị hệ thống có thể thêm mới Menu	
				Quản trị hệ thống có thể cập nhật nội dung Menu	
				Quản trị hệ thống có thể xóa menu	
				Quản trị hệ thống có thể quản lý gắn menu lên page	
				Quản trị hệ thống có thể quản lý các module hiển thị menu	Trung bình
8	Quản lý danh mục chuyên mục tin	QTHT			

				Quản trị hệ thống có thể thêm mới chuyên mục tin	
				Quản trị hệ thống có thể cập nhật chuyên mục tin	
				Quản trị hệ thống có thể xoá chuyên mục tin	
				Quản trị hệ thống có thể tìm kiếm chuyên mục tin	Trung bình
9	Quản lý tin bài	QTHT			
				Quản trị hệ thống có thể thêm mới tin bài	
				Quản trị hệ thống có thể sửa tin bài	
				Quản trị hệ thống có thể xoá tin bài	
				Quản trị hệ thống tìm kiếm, lọc tin bài	
				Quản trị hệ thống có thể xem danh sách tin bài theo các trạng thái (tin đang biên tập/tin chờ xuất bản/tin đã xuất bản/tin đã bị gỡ)	Trung bình
10	Quản lý cấu hình tin bài liên quan	QTHT			
				Quản trị hệ thống có thể xem danh sách các tin bài liên quan đã gán vào tin bài	
				Quản trị hệ thống có thể gán thêm tin bài liên quan vào tin bài	
				Quản trị hệ thống có thể gỡ tin bài liên quan khỏi tin bài	
				Quản trị hệ thống có thể sửa tin bài liên quan đã gán vào tin bài	Trung bình
11	Quản lý cắt (crop) ảnh đại diện tin bài	QTHT			
				Quản trị hệ thống có thể tải file ảnh từ máy tính cá nhân	
				Quản trị hệ thống có thể gỡ file ảnh đã tải lên	

				Quản trị hệ thống có thể xem preview ảnh và xem cấu hình cắt ảnh, size ảnh	
				Quản trị hệ thống có thể cắt ảnh theo khung (khu vực) chọn	Trung bình
12	Quản lý nội dung tin bài đa phương tiện audio/video	QTHT			
				Quản trị hệ thống có thể tải file audio từ máy tính cá nhân	
				Quản trị hệ thống có thể xoá file audio đã tải lên	
				Quản trị hệ thống có thể tải file video từ máy tính cá nhân	
				Quản trị hệ thống có thể xoá file video đã tải lên	Trung bình
13	Quản lý Xuất bản tin bài	QTHT			
				Quản trị hệ thống có thể đặt thời gian xuất bản tin bài	
				Quản trị hệ thống có thể gán quy trình xử lý tin bài	
				Quản trị hệ thống có thể gửi duyệt/phê duyệt tin bài	
				Quản trị hệ thống có thể xem lịch sử phê duyệt tin bài	
				Quản trị hệ thống có thể xuất bản/hủy xuất bản/tái xuất bản tin bài	Trung bình
14	Báo cáo thống kê tin bài	QTHT			
				Quản trị hệ thống có thể xem thống kê tin bài theo thời gian	
				Quản trị hệ thống có thể xem báo cáo tin bài theo loại tin	
				Quản trị hệ thống có thể xem báo cáo tin bài theo chuyên mục	
				Quản trị hệ thống có thể xem báo cáo tin bài theo trạng thái xuất bản	Trung bình
II	Quản lý hiển thị Trang thông tin OCOP và nông đặc sản				
1	Quản lý trang chủ khai thác thông tin OCOP và nông đặc sản	NDPT			

				Người dùng phổ thông có thể xem danh sách sản phẩm theo quận, huyện	
				Người dùng phổ thông có thể xem danh sách các doanh nghiệp đã đăng ký tiêu biểu theo các nhóm ngành	
				Người dùng phổ thông có thể xem danh sách các sản phẩm tiêu biểu	
				Người dùng phổ thông có thể xem các tin bài nổi bật	Trung bình
2	Khai thác thông tin chủ thể tham gia OCOP dành cho người dùng phổ thông	NDPT			
				Người dùng phổ thông có thể xem danh sách danh mục chủ thể tham gia OCOP. Hệ thống hiển thị danh sách các danh mục chủ thể tham gia OCOP nổi bật ở phần đầu trang	
				Người dùng phổ thông có thể tìm kiếm chủ thể tham gia OCOP	
				Người dùng phổ thông có thể lựa chọn xem thông tin chủ thể tham gia OCOP	
				Người dùng phổ thông có thể chuyển trang để xem tiếp các chủ thể tham gia OCOP khác	Trung bình
3	Khai thác thông tin hồ sơ chủ thể tham gia OCOP đã được phê duyệt				
				Người dùng phổ thông có thể xem giấy phép đăng ký kinh doanh của chủ thể tham gia OCOP	
				Người dùng phổ thông có thể xem các chứng nhận/kiểm định các sản phẩm của chủ thể tham gia OCOP	
				Người dùng phổ thông có thể xem các vùng sản xuất của chủ thể tham gia OCOP	
				Người dùng phổ thông có thể xem các sản phẩm của chủ thể tham gia OCOP	Trung bình
4	Khai thác thông tin sản phẩm dành cho người dùng phổ thông	NDPT			
				Người dùng phổ thông có thể xem danh sách danh mục sản phẩm. Hệ thống hiển thị danh sách các danh mục sản phẩm nổi bật ở phần đầu trang	
				Người dùng phổ thông có thể tìm kiếm sản phẩm	

				Người dùng phổ thông có thể lựa chọn xem thông tin sản phẩm	
				Người dùng phổ thông có thể chuyển trang để xem tiếp các sản phẩm khác	
				Người dùng phổ thông có thể xem chi tiết thông tin sản phẩm	Trung bình
5	Quản lý tìm kiếm theo từ khóa	NDPT			
				Người dùng phổ thông lựa chọn tìm kiếm theo từ khóa	
				Người dùng phổ thông có thể xem danh sách các sản phẩm tiêu biểu có liên quan tới từ khóa tìm kiếm	
				Người dùng phổ thông có thể xem danh sách các doanh nghiệp tiêu biểu có liên quan tới từ khóa tìm kiếm	
				Người dùng phổ thông có thể lựa chọn xem tiếp các kết quả tìm kiếm đầy đủ ở các danh sách kết quả theo từng chủ đề	Trung bình
6	Chức năng truy xuất thông tin sản phẩm	NDPT			
				Người dùng phổ thông lựa chọn chức năng truy xuất thông tin sản phẩm bằng cách soi quét mã truy xuất nguồn gốc	
				Hệ thống hiển thị thông tin chi tiết chủ thể tham gia OCOP, chi tiết sản phẩm, nhật ký truy xuất của đơn vị sản phẩm	Đơn giản
7	Khai thác văn bản, quy định pháp luật về chương trình OCOP	NDPT			
				Người dùng phổ thông có thể xem danh sách, trạng thái còn hiệu lực, ngày ban hành các quy định, văn bản pháp luật về chương trình OCOP	
				Người dùng phổ thông có thể xem chi tiết các quy định, văn bản pháp luật về chương trình OCOP	
				Người dùng phổ thông có thể tải về quy định, văn bản pháp luật liên quan về chương trình OCOP	
				Người dùng phổ thông có thể tìm kiếm quy định, văn bản pháp luật về chương trình OCOP	Trung bình
8	Khai thác thông tin các sản phẩm OCOP sắp hết hiệu lực chứng nhận				
				Người dùng phổ thông có thể xem danh sách các sản phẩm OCOP sắp hết hiệu lực chứng nhận	Đơn giản
9	Chức năng hỗ trợ - hỏi đáp	NDPT			

				Người dùng phổ thông lựa chọn xem trang hỗ trợ - hỏi đáp	
				Người dùng phổ thông chọn chủ đề và chọn câu hỏi mình cần quan tâm	
				Người dùng phổ thông có thể tìm kiếm hỗ trợ - hỏi đáp	
				Hệ thống hiển thị câu trả lời cho câu hỏi được chọn	Trung bình
C	Phân hệ Ứng dụng trên thiết bị di động Hệ thống thông tin OCOP và nông đặc sản				
1	Đăng ký, đăng nhập, đăng xuất, sửa thông tin trên thiết bị di động	NDPT			
				Người dùng phổ thông có thể đăng ký tài khoản bằng số điện thoại	
				Người dùng phổ thông có thể đăng nhập với số điện thoại và mật khẩu	
				Người dùng phổ thông có thể xem chi tiết thông tin cá nhân	
				Người dùng phổ thông có thể thay đổi thông tin cá nhân	
				Người dùng phổ thông có thể đăng xuất khỏi ứng dụng	
				Hệ thống thực hiện kiểm tra dữ liệu, lưu dữ liệu và thông báo	Trung bình
2	Quản lý trang chủ trên thiết bị di động	NDPT			
				Người dùng phổ thông có thể xem danh sách sản phẩm theo quận, huyện trên thiết bị di động	
				Người dùng phổ thông có thể xem danh sách các doanh nghiệp đã đăng ký tiêu biểu theo các nhóm ngành trên thiết bị di động	
				Người dùng phổ thông có thể xem danh sách các sản phẩm tiêu biểu trên thiết bị di động	
				Người dùng phổ thông có thể xem các tin bài nổi bật trên thiết bị di động	Trung bình
3	Khai thác thông tin chủ thể tham gia OCOP dành cho người dùng phổ thông trên thiết bị di động	NDPT			

				Người dùng phổ thông có thể xem danh sách danh mục chủ thể tham gia OCOP trên thiết bị di động	
				Người dùng phổ thông có thể tìm kiếm chủ thể tham gia OCOP trên thiết bị di động	
				Người dùng phổ thông có thể lựa chọn xem thông tin chủ thể tham gia OCOP trên thiết bị di động	
				Người dùng phổ thông có thể chuyên trang để xem tiếp các chủ thể tham gia OCOP khác trên thiết bị di động	Trung bình
4	Khai thác thông tin hồ sơ chủ thể tham gia OCOP đã được phê duyệt trên thiết bị di động	NDPT			
				Người dùng phổ thông có thể xem giấy phép đăng ký kinh doanh của chủ thể tham gia OCOP trên thiết bị di động	
				Người dùng phổ thông có thể xem các chứng nhận/kiểm định các sản phẩm của chủ thể tham gia OCOP trên thiết bị di động	
				Người dùng phổ thông có thể xem các vùng sản xuất của chủ thể tham gia OCOP trên thiết bị di động	
				Người dùng phổ thông có thể xem các sản phẩm của chủ thể tham gia OCOP trên thiết bị di động	Trung bình
5	Khai thác thông tin sản phẩm dành cho người dùng phổ thông trên thiết bị di động	NDPT			
				Người dùng phổ thông có thể xem danh sách danh mục sản phẩm trên thiết bị di động	
				Người dùng phổ thông có thể tìm kiếm sản phẩm trên thiết bị di động	
				Người dùng phổ thông có thể lựa chọn xem thông tin sản phẩm trên thiết bị di động	
				Người dùng phổ thông có thể chuyên trang để xem tiếp các sản phẩm khác trên thiết bị di động	
				Người dùng phổ thông có thể xem chi tiết thông tin sản phẩm trên thiết bị di động	Trung bình
6	Quản lý tìm kiếm theo từ khóa trên thiết bị di động	NDPT			

				Người dùng phổ thông lựa chọn tìm kiếm theo từ khóa trên thiết bị di động	
				Người dùng phổ thông có thể xem danh sách các sản phẩm tiêu biểu có liên quan tới từ khóa tìm kiếm trên thiết bị di động	
				Người dùng phổ thông có thể xem danh sách các doanh nghiệp tiêu biểu có liên quan tới từ khóa tìm kiếm trên thiết bị di động	
				Người dùng phổ thông có thể lựa chọn xem tiếp các kết quả tìm kiếm đầy đủ ở các danh sách kết quả theo từng chủ đề trên thiết bị di động	Trung bình
7	Quản lý đánh giá sản phẩm trên thiết bị di động	NDPT			
				Người dùng phổ thông có thể lựa chọn một sản phẩm để đánh giá trên thiết bị di động	
				Hệ thống hiển thị giao diện đánh giá sản phẩm, người dùng phổ thông nhập liệu nội dung đánh giá trên thiết bị di động	
				Người dùng có thể chọn hình thức đánh giá theo cấp độ (1 sao, 2 sao, 3 sao, 4 sao, 5 sao)	
				Người dùng xác thực bằng mã bảo vệ Captchar trên thiết bị di động	Trung bình
8	Chức năng truy xuất thông tin sản phẩm trên thiết bị di động	NDPT			
				Người dùng phổ thông lựa chọn chức năng truy xuất thông tin sản phẩm bằng cách soi quét mã BarCode/QRCode trên thiết bị di động	
				Hệ thống hiển thị thông tin chi tiết chủ thể tham gia OCOP, chi tiết sản phẩm, nhật ký truy xuất của đơn vị sản phẩm trên thiết bị di động	Đơn giản
9	Khai thác văn bản, quy định pháp luật về chương trình OCOP trên thiết bị di động	NDPT			
				Người dùng phổ thông có thể xem danh sách, trạng thái còn hiệu lực, ngày ban hành các quy định, văn bản pháp luật về chương trình OCOP trên thiết bị di động	

				Người dùng phổ thông có thể xem chi tiết các quy định, văn bản pháp luật về chương trình OCOP trên thiết bị di động	
				Người dùng phổ thông có thể tìm kiếm quy định, văn bản pháp luật về chương trình OCOP trên thiết bị di động	Đơn giản
10	Chức năng hỗ trợ - hỏi đáp trên thiết bị di động	NDPT			
				Người dùng phổ thông có thể xem hỗ trợ - hỏi đáp trên thiết bị di động	
				Người dùng phổ thông chọn chủ đề và chọn câu hỏi mình cần quan tâm trên thiết bị di động	
				Người dùng phổ thông có thể tìm kiếm hỗ trợ - hỏi đáp trên thiết bị di động	
				Hệ thống hiển thị câu trả lời cho câu hỏi được chọn trên thiết bị di động	Trung bình

STT	Yêu cầu chức năng	Phân loại
1	Quản trị hệ thống có thể thêm mới người sử dụng	Dữ liệu đầu vào
2	Quản trị hệ thống có thể xem các thông tin về người sử dụng	Dữ liệu đầu ra
3	Quản trị hệ thống có thể thay đổi thông tin về người sử dụng	Dữ liệu đầu vào
4	Quản trị hệ thống có thể xóa người sử dụng	Dữ liệu đầu vào
5	Quản trị hệ thống có thể thêm mới nhóm vai trò	Dữ liệu đầu vào
6	Quản trị hệ thống có thể xem thông tin nhóm vai trò	Dữ liệu đầu ra
7	Quản trị hệ thống có thể thay đổi thông tin nhóm vai trò	Dữ liệu đầu vào
8	Quản trị hệ thống có thể xóa nhóm người vai trò	Dữ liệu đầu vào
9	Quản trị hệ thống có thể thêm người dùng vào 1 nhóm vai trò	Dữ liệu đầu vào
10	Quản trị hệ thống có thể thêm vai trò sử dụng chức năng cho người sử dụng	Dữ liệu đầu vào
11	Quản trị hệ thống có thể gỡ vai trò sử dụng chức năng cho người sử dụng	Dữ liệu đầu vào
12	Quản trị hệ thống có thể xem danh sách vai trò sử dụng chức năng của người sử dụng	Dữ liệu đầu ra
13	Quản trị hệ thống có thể tìm kiếm vai trò để phân cho người sử dụng	Dữ liệu đầu vào
14	Quản trị hệ thống có thể xem danh sách quyền hạn được phân cho nhóm vai trò	Dữ liệu đầu ra
15	Quản trị hệ thống có thể thêm quyền hạn cho nhóm nhóm vai trò	Dữ liệu đầu vào
16	Quản trị hệ thống có thể gỡ quyền hạn cho nhóm vai trò	Dữ liệu đầu vào
17	Quản trị hệ thống có thể tìm kiếm quyền hạn để phân cho nhóm vai trò	Dữ liệu đầu vào
18	Quản trị hệ thống có thể xem danh mục điều hướng	Dữ liệu đầu ra
19	Quản trị hệ thống có thể chỉnh sửa tên danh mục điều hướng	Dữ liệu đầu vào
20	Quản trị hệ thống có thể sắp xếp lại danh mục điều hướng	Dữ liệu đầu vào
21	Quản trị hệ thống có thể gỡ chức năng ra khỏi danh mục điều hướng	Dữ liệu đầu vào
22	Quản trị hệ thống thêm mới đơn vị hành chính	Dữ liệu đầu vào
23	Quản trị hệ thống cập nhật đơn vị hành chính	Dữ liệu đầu vào
24	Quản trị hệ thống xóa đơn vị hành chính	Dữ liệu đầu vào
25	Quản trị hệ thống xem danh sách đơn vị hành chính	Dữ liệu đầu ra
26	Quản trị hệ thống tìm kiếm đơn vị hành chính	Dữ liệu đầu ra
27	Quản trị hệ thống thêm mới danh mục Bộ sản phẩm	Dữ liệu đầu vào
28	Quản trị hệ thống cập nhật danh mục Bộ sản phẩm	Dữ liệu đầu vào
29	Quản trị hệ thống xóa danh mục Bộ sản phẩm	Dữ liệu đầu vào
30	Quản trị hệ thống xem danh sách danh mục Bộ sản phẩm	Dữ liệu đầu ra
31	Quản trị hệ thống tìm kiếm danh mục Bộ sản phẩm	Dữ liệu đầu ra
32	Quản trị hệ thống có thể thêm mới thị trường tiêu thụ	Dữ liệu đầu vào
33	Quản trị hệ thống có thể xem thông tin thị trường tiêu thụ	Dữ liệu đầu ra
34	Quản trị hệ thống có thể thay đổi thị trường tiêu thụ	Dữ liệu đầu vào
35	Quản trị hệ thống có thể xóa thị trường tiêu thụ	Dữ liệu đầu vào
36	Quản trị hệ thống chọn chức năng quản lý danh mục tiêu chuẩn sản phẩm	Dữ liệu đầu vào
37	Quản trị hệ thống có thể tìm kiếm trong danh sách danh mục tiêu chuẩn sản phẩm	Dữ liệu đầu vào
38	Quản trị hệ thống có thể thêm mới danh mục tiêu chuẩn sản phẩm, hệ thống hiển thị giao diện nhập liệu thông tin danh mục tiêu chuẩn sản phẩm	Dữ liệu đầu vào
39	Quản trị hệ thống có thể xem chi tiết thông tin danh mục tiêu chuẩn sản phẩm	Dữ liệu đầu vào
40	Quản trị hệ thống có thể chỉnh sửa, xóa và khôi phục thông tin danh mục tiêu chuẩn sản phẩm	Dữ liệu đầu vào
41	Quản trị hệ thống có thể xuất dữ liệu báo cáo về danh sách danh mục tiêu chuẩn sản phẩm ra tập tin excel để tải về	Dữ liệu đầu ra
42	Quản lý danh sách chuyên gia đánh giá sản phẩm OCOP	Dữ liệu đầu ra
43	Quản trị hệ thống thêm mới chuyên gia đánh giá sản phẩm OCOP	Dữ liệu đầu vào
44	Quản trị hệ thống cập nhật thông tin chuyên gia đánh giá sản phẩm OCOP	Dữ liệu đầu vào
45	Quản trị hệ thống xóa thông tin chuyên gia đánh giá sản phẩm OCOP	Dữ liệu đầu vào
46	Quản trị hệ thống tìm kiếm chuyên gia đánh giá sản phẩm OCOP	Dữ liệu tra cứu
47	Quản trị hệ thống xem chi tiết thông tin chuyên gia đánh giá sản phẩm OCOP	Dữ liệu đầu ra
48	Quản trị hệ thống xem danh sách kỳ đánh giá	Dữ liệu đầu ra
49	Quản trị hệ thống thêm mới kỳ đánh giá	Dữ liệu đầu vào
50	Quản trị hệ thống xem chi tiết thông tin kỳ đánh giá	Dữ liệu đầu ra
51	Quản trị hệ thống sửa thông tin kỳ đánh giá	Dữ liệu đầu vào
52	Quản trị hệ thống xóa kỳ đánh giá	Dữ liệu đầu vào
53	Quản trị hệ thống tìm kiếm toàn văn kỳ đánh giá	Dữ liệu đầu vào
54	Quản trị hệ thống có thể thêm mới bộ tiêu chí đánh giá sản phẩm OCOP	Dữ liệu đầu vào
55	Quản trị hệ thống có thể xem thông tin bộ tiêu chí đánh giá sản phẩm OCOP	Dữ liệu đầu ra
56	Quản trị hệ thống có thể thay đổi bộ tiêu chí đánh giá sản phẩm OCOP	Dữ liệu đầu vào
57	Quản trị hệ thống có thể xóa bộ tiêu chí đánh giá sản phẩm OCOP	Dữ liệu đầu vào

58	Quản trị hệ thống có thể thêm mới chi tiêu đánh giá sản phẩm OCOP	Dữ liệu đầu vào
59	Quản trị hệ thống có thể xem thông tin chi tiêu đánh giá sản phẩm OCOP	Dữ liệu đầu ra
60	Quản trị hệ thống có thể thay đổi chi tiêu đánh giá sản phẩm OCOP	Dữ liệu đầu vào
61	Quản trị hệ thống có thể xóa chi tiêu đánh giá sản phẩm OCOP	Dữ liệu đầu vào
62	Quản trị hệ thống có thể xem nhật ký đăng nhập thành công	Dữ liệu đầu vào
63	Quản trị hệ thống có thể xem nhật ký đăng nhập thất bại	Dữ liệu đầu vào
64	Quản trị hệ thống có thể xem nhật ký đăng xuất	Dữ liệu đầu vào
65	Quản trị hệ thống có thể xem nhật ký theo người dùng	Dữ liệu đầu vào
66	Quản trị hệ thống có thể xem nhật ký theo từng thao tác người dùng	Dữ liệu đầu vào
67	Cho phép nhận diện nhân/ký hiệu sử dụng công nghệ AI (Computer vision) phân loại dữ liệu hồ sơ OCOP	Dữ liệu đầu vào
68	Nhận diện các tài liệu được đặt tên theo quy tắc dữ liệu hồ sơ OCOP	Dữ liệu đầu vào
69	Nhận diện các tài liệu có nội dung theo quy tắc dữ liệu hồ sơ OCOP	Dữ liệu đầu vào
70	Tính toán điểm số nhận diện chính xác khi xử lý tài liệu (tỷ lệ phần trăm)	Dữ liệu đầu vào
71	Công cụ trả ra kết quả nội dung nhận diện nhân/ký hiệu dạng json (trong file text)	Dữ liệu đầu ra
72	Tự động quét và xử lý các tài liệu được đặt đúng tên theo quy tắc trong thư mục (folder) đầu vào	Dữ liệu đầu ra
73	Tài liệu không đúng tên theo quy tắc được giữ nguyên tại thư mục (folder) đầu vào	Dữ liệu đầu ra
74	Tài liệu đã xử lý có điểm số nhận diện cao được di chuyển từ thư mục (folder) đầu vào sang thư mục (folder) đầu ra có điểm số nhận diện cao (Outputs/Success)	Dữ liệu đầu ra
75	Tài liệu đã xử lý có điểm số nhận diện thấp được di chuyển từ thư mục (folder) đầu vào sang thư mục (folder) đầu ra có điểm số nhận diện thấp (Outputs/Pending)	Dữ liệu đầu ra
76	Tài liệu không nhận diện được nội dung sẽ được di chuyển từ thư mục (folder) đầu vào sang thư mục (folder) đầu ra không nhận diện được (Outputs/Failed)	Dữ liệu đầu ra
77	Cho phép giữ nguyên cấp cha của thư mục (folder) cấp cha khi chuyển từ thư mục (folder) đầu vào sang thư mục (folder) đầu ra	Dữ liệu đầu ra
78	Tài liệu xử lý được. công cụ tự động đổi tên thư mục (folder) chứa tài liệu thành tên nhân/ký hiệu	Dữ liệu đầu ra
79	Thiết lập tham số mốc điểm nhận diện là cao (Success)	Dữ liệu đầu vào
80	Thiết lập tham số mốc điểm số nhận diện là thấp (Pending)	Dữ liệu đầu vào
81	Cấu hình tự động/thủ công nhận diện khi có tài liệu mới được thêm	Dữ liệu đầu vào
82	Cấu hình đường dẫn thư mục (folder) đầu vào	Dữ liệu đầu vào
83	Cấu hình đường dẫn thư mục (folder) đầu ra	Dữ liệu đầu vào
84	Kết xuất excel báo cáo kết quả nhận diện tài liệu theo thời gian	Dữ liệu đầu ra
85	Kết xuất excel báo cáo kết quả nhận diện tài liệu theo điểm số nhận diện chính xác	Dữ liệu đầu ra
86	Kết xuất excel báo cáo kết quả nhận diện tài liệu theo phân loại (Success, Pending, Failed)	Dữ liệu đầu ra
87	Kết xuất excel báo cáo kết quả nhận diện tài liệu theo số định danh (serial, mã vạch...)	Dữ liệu đầu ra
88	Cho phép khai thác thông tin chủ thể tham gia OCOP qua trực tích hợp chia sẻ dữ liệu LGSP của tỉnh	Dữ liệu đầu ra
89	Cho phép khai thác thông tin sản phẩm OCOP qua trực tích hợp chia sẻ dữ liệu LGSP của tỉnh	Dữ liệu đầu ra
90	Cho phép khai thác thông tin hồ sơ đăng ký tham gia đánh giá sản phẩm OCOP qua trực tích hợp chia sẻ dữ liệu LGSP của tỉnh	Dữ liệu đầu ra
91	Cho phép khai thác thông tin kết quả đánh giá phân hạng. sản phẩm OCOP qua trực tích hợp chia sẻ dữ liệu LGSP của tỉnh	Dữ liệu đầu ra
92	Sử dụng giao thức OAuth trên LGSP để xác thực	Dữ liệu đầu vào
93	Tích hợp, lưu trữ thông tin người dùng thông qua AD, LDAP của Tỉnh	Dữ liệu đầu vào
94	Thêm mới quy trình phê duyệt hồ sơ đăng ký tham gia OCOP (Doanh nghiệp, sản phẩm, mã tem...)	Dữ liệu đầu vào
95	Cập nhật quy trình phê duyệt hồ sơ đăng ký tham gia OCOP (Doanh nghiệp, sản phẩm, mã tem...)	Dữ liệu đầu vào
96	Xoá quy trình phê duyệt hồ sơ đăng ký tham gia OCOP (Doanh nghiệp, sản phẩm, mã tem...)	Dữ liệu đầu vào
97	Tim kiếm quy trình phê duyệt hồ sơ đăng ký tham gia OCOP (Doanh nghiệp, sản phẩm, mã tem...)	Dữ liệu đầu ra
98	Thêm mới Trạng thái (Status) trong quy trình phê duyệt hồ sơ đăng ký tham gia OCOP (Doanh nghiệp, sản phẩm, mã tem...)	Dữ liệu đầu vào

99	Cập nhật Trạng thái (Status) trong quy trình phê duyệt hồ sơ đăng ký tham gia OCOP (Doanh nghiệp, sản phẩm, mã tem...)	Dữ liệu đầu vào
100	Xóa Trạng thái (Status) trong quy trình phê duyệt hồ sơ đăng ký tham gia OCOP (Doanh nghiệp, sản phẩm, mã tem...)	Dữ liệu đầu vào
101	Tìm kiếm Trạng thái (Status) trong quy trình phê duyệt hồ sơ đăng ký tham gia OCOP (Doanh nghiệp, sản phẩm, mã tem...)	Dữ liệu đầu ra
102	Thêm mới Tác động (Command) trong quy trình phê duyệt hồ sơ đăng ký tham gia OCOP (Doanh nghiệp, sản phẩm, mã tem...)	Dữ liệu đầu vào
103	Cập nhật Tác động (Command) trong quy trình phê duyệt hồ sơ đăng ký tham gia OCOP (Doanh nghiệp, sản phẩm, mã tem...)	Dữ liệu đầu vào
104	Xóa Tác động (Command) trong quy trình phê duyệt hồ sơ đăng ký tham gia OCOP (Doanh nghiệp, sản phẩm, mã tem...)	Dữ liệu đầu vào
105	Tìm kiếm Tác động (Command) trong quy trình phê duyệt hồ sơ đăng ký tham gia OCOP (Doanh nghiệp, sản phẩm, mã tem...)	Dữ liệu đầu ra
106	Quản trị hệ thống có thể kéo, thả để tạo/chỉnh sửa các actors tham gia vào quy trình	Dữ liệu đầu vào
107	Quản trị hệ thống có thể kéo, thả để tạo/chỉnh sửa các activities tham gia vào quy trình	Dữ liệu đầu vào
108	Quản trị hệ thống có thể kéo, thả để tạo/chỉnh sửa các transition tham gia vào quy trình	Dữ liệu đầu vào
109	Quản trị hệ thống có thể tạo/chỉnh sửa các parameters tham gia vào quy trình	Dữ liệu đầu vào
110	Thêm mới phiên bản quy trình	Dữ liệu đầu vào
111	Xóa phiên bản quy trình	Dữ liệu đầu vào
112	Quản trị hệ thống có thể lưu trữ các phiên bản quy trình	Dữ liệu đầu vào
113	Quản trị hệ thống có thể khôi phục phiên bản quy trình	Dữ liệu đầu vào
114	Cho phép kết xuất (export) quy trình Workflow ra file XML	Dữ liệu đầu ra
115	Cho phép kết nhập (import) quy trình Workflow từ file XML	Dữ liệu đầu vào
116	Quản trị hệ thống có thể thêm mới trang tin (page)	Dữ liệu đầu vào
117	Quản trị hệ thống có thể sửa nội dung trang tin (page)	Dữ liệu đầu vào
118	Quản trị hệ thống có thể xóa trang tin (page)	Dữ liệu đầu vào
119	Quản trị hệ thống có thể tìm kiếm trang tin (page)	Dữ liệu đầu ra
120	Quản trị hệ thống có thể chọn xem trên trang công thông tin từ danh sách trang tin	Dữ liệu đầu ra
121	Quản trị hệ thống có thể thêm mới danh mục khung giao diện (Layout)	Dữ liệu đầu vào
122	Quản trị hệ thống có thể sửa danh mục khung giao diện (Layout)	Dữ liệu đầu vào
123	Quản trị hệ thống có thể xóa danh mục khung giao diện (Layout)	Dữ liệu đầu vào
124	Quản trị hệ thống có thể nhân bản danh mục khung giao diện (Layout)	Dữ liệu đầu vào
125	Quản trị hệ thống có thể thêm mới module tự định nghĩa	Dữ liệu đầu vào
126	Quản trị hệ thống có thể sửa nội dung module	Dữ liệu đầu vào
127	Quản trị hệ thống có thể tìm kiếm thành phần module	Dữ liệu đầu vào
128	Quản trị hệ thống có thể xóa thành phần module	Dữ liệu đầu vào
129	Quản trị hệ thống có thể xem khung giao diện (layout) đã cấu hình trên trang page	Dữ liệu đầu ra
130	Quản trị hệ thống có thể thêm khung giao diện (layout) vào trang page	Dữ liệu đầu vào
131	Quản trị hệ thống có thể gỡ khung giao diện (layout) khỏi trang page	Dữ liệu đầu vào
132	Quản trị hệ thống có thể chọn cấu hình khung giao diện cho trang page trên giao diện màn hình máy tính (desktop) và trên mobile	Dữ liệu đầu vào
133	Quản trị hệ thống có thể xem danh sách các module đã thêm vào layout trên giao diện trang page	Dữ liệu đầu ra
134	Quản trị hệ thống có thể thêm module vào layout	Dữ liệu đầu vào
135	Quản trị hệ thống có thể gỡ bỏ module khỏi layout	Dữ liệu đầu vào
136	Quản trị hệ thống có thể chọn bật/tắt hiển thị module trong layout khi hiển thị trên trang công thông tin	Dữ liệu đầu vào
137	Quản trị hệ thống có thể xem danh sách metadata đã cấu hình cho module	Dữ liệu đầu ra
138	Quản trị hệ thống có thể thêm mới metadata vào module	Dữ liệu đầu vào
139	Quản trị hệ thống có thể chỉnh sửa metadata đã được thêm vào module	Dữ liệu đầu vào
140	Quản trị hệ thống có thể xóa metadata khỏi module	Dữ liệu đầu vào
141	Quản trị hệ thống có thể thêm mới Menu	Dữ liệu đầu vào
142	Quản trị hệ thống có thể cập nhật nội dung Menu	Dữ liệu đầu vào
143	Quản trị hệ thống có thể xóa menu	Dữ liệu đầu vào
144	Quản trị hệ thống có thể quản lý gắn menu lên page	Dữ liệu đầu vào
145	Quản trị hệ thống có thể quản lý các module hiển thị menu	Dữ liệu đầu vào
146	Quản trị hệ thống có thể thêm mới chuyên mục tin	Dữ liệu đầu vào
147	Quản trị hệ thống có thể cập nhật chuyên mục tin	Dữ liệu đầu vào

148	Quản trị hệ thống có thể xoá chuyên mục tin	Dữ liệu đầu vào
149	Quản trị hệ thống có thể tìm kiếm chuyên mục tin	Dữ liệu tra cứu
150	Quản trị hệ thống có thể thêm mới tin bài	Dữ liệu đầu vào
151	Quản trị hệ thống có thể sửa tin bài	Dữ liệu đầu vào
152	Quản trị hệ thống có thể xoá tin bài	Dữ liệu đầu vào
153	Quản trị hệ thống tìm kiếm, lọc tin bài	Dữ liệu đầu vào
154	Quản trị hệ thống có thể xem danh sách tin bài theo các trạng thái (tin đang biên tập/tin chờ xuất bản/tin đã xuất bản/tin đã bị gỡ)	Dữ liệu đầu ra
155	Quản trị hệ thống có thể xem danh sách các tin bài liên quan đã gắn vào tin bài	Dữ liệu đầu ra
156	Quản trị hệ thống có thể gắn thêm tin bài liên quan vào tin bài	Dữ liệu đầu vào
157	Quản trị hệ thống có thể gỡ tin bài liên quan khỏi tin bài	Dữ liệu đầu vào
158	Quản trị hệ thống có thể sửa tin bài liên quan đã gắn vào tin bài	Dữ liệu đầu vào
159	Quản trị hệ thống có thể tải file ảnh từ máy tính cá nhân	Dữ liệu đầu vào
160	Quản trị hệ thống có thể gỡ file ảnh đã tải lên	Dữ liệu đầu vào
161	Quản trị hệ thống có thể xem preview ảnh và xem cấu hình cắt ảnh, size ảnh	Dữ liệu đầu ra
162	Quản trị hệ thống có thể cắt ảnh theo khung (khu vực) chọn	Dữ liệu đầu vào
163	Quản trị hệ thống có thể tải file audio từ máy tính cá nhân	Dữ liệu đầu vào
164	Quản trị hệ thống có thể xoá file audio đã tải lên	Dữ liệu đầu vào
165	Quản trị hệ thống có thể tải file video từ máy tính cá nhân	Dữ liệu đầu vào
166	Quản trị hệ thống có thể xoá file video đã tải lên	Dữ liệu đầu vào
167	Quản trị hệ thống có thể đặt thời gian xuất bản tin bài	Dữ liệu đầu vào
168	Quản trị hệ thống có thể gắn quy trình xử lý tin bài	Dữ liệu đầu vào
169	Quản trị hệ thống có thể gửi duyệt/phê duyệt tin bài	Dữ liệu đầu vào
170	Quản trị hệ thống có thể xem lịch sử phê duyệt tin bài	Dữ liệu đầu ra
171	Quản trị hệ thống có thể xuất bản/hủy xuất bản/tái xuất bản tin bài	Dữ liệu đầu vào
172	Quản trị hệ thống có thể xem thống kê tin bài theo thời gian	Dữ liệu đầu ra
173	Quản trị hệ thống có thể xem báo cáo tin bài theo loại tin	Dữ liệu đầu ra
174	Quản trị hệ thống có thể xem báo cáo tin bài theo chuyên mục	Dữ liệu đầu ra
175	Quản trị hệ thống có thể xem báo cáo tin bài theo trạng thái xuất bản	Dữ liệu đầu ra
176	Người dùng phổ thông có thể xem danh sách sản phẩm theo quận, huyện	Dữ liệu đầu ra
177	Người dùng phổ thông có thể xem danh sách các doanh nghiệp đã đăng ký tiêu biểu theo các nhóm ngành	Dữ liệu đầu ra
178	Người dùng phổ thông có thể xem danh sách các sản phẩm tiêu biểu	Dữ liệu đầu ra
179	Người dùng phổ thông có thể xem các tin bài nổi bật	Dữ liệu đầu ra
180	Người dùng phổ thông có thể xem danh sách danh mục chủ thể tham gia OCOP. Hệ thống hiển thị danh sách các danh mục chủ thể tham gia OCOP nổi bật ở phần đầu trang	Dữ liệu đầu ra
181	Người dùng phổ thông có thể tìm kiếm chủ thể tham gia OCOP	Dữ liệu đầu ra
182	Người dùng phổ thông có thể lựa chọn xem thông tin chủ thể tham gia OCOP	Dữ liệu đầu ra
183	Người dùng phổ thông có thể chuyển trang để xem tiếp các chủ thể tham gia OCOP khác	Dữ liệu đầu ra
184	Người dùng phổ thông có thể xem giấy phép đăng ký kinh doanh của chủ thể tham gia OCOP	Dữ liệu đầu ra
185	Người dùng phổ thông có thể xem các chứng nhận/kiểm định các sản phẩm của chủ thể tham gia OCOP	Dữ liệu đầu ra
186	Người dùng phổ thông có thể xem các vùng sản xuất của chủ thể tham gia OCOP	Dữ liệu đầu ra
187	Người dùng phổ thông có thể xem các sản phẩm của chủ thể tham gia OCOP	Dữ liệu đầu ra
188	Người dùng phổ thông có thể xem danh sách danh mục sản phẩm. Hệ thống hiển thị danh sách các danh mục sản phẩm nổi bật ở phần đầu trang	Dữ liệu đầu ra
189	Người dùng phổ thông có thể tìm kiếm sản phẩm	Dữ liệu đầu ra
190	Người dùng phổ thông có thể lựa chọn xem thông tin sản phẩm	Dữ liệu đầu ra
191	Người dùng phổ thông có thể chuyển trang để xem tiếp các sản phẩm khác	Dữ liệu đầu ra
192	Người dùng phổ thông có thể xem chi tiết thông tin sản phẩm	Dữ liệu đầu ra
193	Người dùng phổ thông lựa chọn tìm kiếm theo từ khóa	Dữ liệu đầu ra
194	Người dùng phổ thông có thể xem danh sách các sản phẩm tiêu biểu có liên quan tới từ khóa tìm kiếm	Dữ liệu đầu ra
195	Người dùng phổ thông có thể xem danh sách các doanh nghiệp tiêu biểu có liên quan tới từ khóa tìm kiếm	Dữ liệu đầu ra
196	Người dùng phổ thông có thể lựa chọn xem tiếp các kết quả tìm kiếm đầy đủ ở các danh sách kết quả theo từng chủ đề	Dữ liệu đầu ra
197	Người dùng phổ thông lựa chọn chức năng truy xuất thông tin sản phẩm bằng cách soi quét mã truy xuất nguồn gốc	Dữ liệu đầu ra

198	Hệ thống hiển thị thông tin chi tiết chủ thể tham gia OCOP, chi tiết sản phẩm, nhật ký truy xuất của đơn vị sản phẩm	Dữ liệu đầu ra
199	Người dùng phổ thông có thể xem danh sách, trạng thái còn hiệu lực, ngày ban hành các quy định, văn bản pháp luật về chương trình OCOP	Dữ liệu đầu vào
200	Người dùng phổ thông có thể xem chi tiết các quy định, văn bản pháp luật về chương trình OCOP	Dữ liệu đầu vào
201	Người dùng phổ thông có thể tải về quy định, văn bản pháp luật liên quan về chương trình OCOP	Dữ liệu đầu ra
202	Người dùng phổ thông có thể tìm kiếm quy định, văn bản pháp luật về chương trình OCOP	Dữ liệu đầu ra
203	Người dùng phổ thông có thể xem danh sách các sản phẩm OCOP sắp hết hiệu lực chứng nhận	Dữ liệu đầu ra
204	Người dùng phổ thông lựa chọn xem trang hỗ trợ - hỏi đáp	Dữ liệu đầu ra
205	Người dùng phổ thông chọn chủ đề và chọn câu hỏi mình cần quan tâm	Dữ liệu đầu ra
206	Người dùng phổ thông có thể tìm kiếm hỗ trợ - hỏi đáp	Dữ liệu đầu ra
207	Hệ thống hiển thị câu trả lời cho câu hỏi được chọn	Dữ liệu đầu ra
208	Người dùng phổ thông có thể đăng ký tài khoản bằng số điện thoại	Dữ liệu đầu vào
209	Người dùng phổ thông có thể đăng nhập với số điện thoại và mật khẩu	Dữ liệu đầu vào
210	Người dùng phổ thông có thể xem chi tiết thông tin cá nhân	Dữ liệu đầu ra
211	Người dùng phổ thông có thể thay đổi thông tin cá nhân	Dữ liệu đầu vào
212	Người dùng phổ thông có thể đăng xuất khỏi ứng dụng	Dữ liệu đầu vào
213	Hệ thống thực hiện kiểm tra dữ liệu, lưu dữ liệu và thông báo	Dữ liệu đầu vào
214	Người dùng phổ thông có thể xem danh sách sản phẩm theo quận, huyện trên thiết bị di động	Dữ liệu đầu ra
215	Người dùng phổ thông có thể xem danh sách các doanh nghiệp đã đăng ký tiêu biểu theo các nhóm ngành trên thiết bị di động	Dữ liệu đầu ra
216	Người dùng phổ thông có thể xem danh sách các sản phẩm tiêu biểu trên thiết bị di động	Dữ liệu đầu ra
217	Người dùng phổ thông có thể xem các tin bài nổi bật trên thiết bị di động	Dữ liệu đầu ra
218	Người dùng phổ thông có thể xem danh sách danh mục chủ thể tham gia OCOP trên thiết bị di động	Dữ liệu đầu ra
219	Người dùng phổ thông có thể tìm kiếm chủ thể tham gia OCOP trên thiết bị di động	Dữ liệu đầu ra
220	Người dùng phổ thông có thể lựa chọn xem thông tin chủ thể tham gia OCOP trên thiết bị di động	Dữ liệu đầu ra
221	Người dùng phổ thông có thể chuyển trang để xem tiếp các chủ thể tham gia OCOP khác trên thiết bị di động	Dữ liệu đầu ra
222	Người dùng phổ thông có thể xem giấy phép đăng ký kinh doanh của chủ thể tham gia OCOP trên thiết bị di động	Dữ liệu đầu ra
223	Người dùng phổ thông có thể xem các chứng nhận/kiểm định các sản phẩm của chủ thể tham gia OCOP trên thiết bị di động	Dữ liệu đầu ra
224	Người dùng phổ thông có thể xem các vùng sản xuất của chủ thể tham gia OCOP trên thiết bị di động	Dữ liệu đầu ra
225	Người dùng phổ thông có thể xem các sản phẩm của chủ thể tham gia OCOP trên thiết bị di động	Dữ liệu đầu ra
226	Người dùng phổ thông có thể xem danh sách danh mục sản phẩm trên thiết bị di động	Dữ liệu đầu ra
227	Người dùng phổ thông có thể tìm kiếm sản phẩm trên thiết bị di động	Dữ liệu đầu ra
228	Người dùng phổ thông có thể lựa chọn xem thông tin sản phẩm trên thiết bị di động	Dữ liệu đầu ra
229	Người dùng phổ thông có thể chuyển trang để xem tiếp các sản phẩm khác trên thiết bị di động	Dữ liệu đầu ra
230	Người dùng phổ thông có thể xem chi tiết thông tin sản phẩm trên thiết bị di động	Dữ liệu đầu ra
231	Người dùng phổ thông lựa chọn tìm kiếm theo từ khóa trên thiết bị di động	Dữ liệu đầu ra
232	Người dùng phổ thông có thể xem danh sách các sản phẩm tiêu biểu có liên quan tới từ khóa tìm kiếm trên thiết bị di động	Dữ liệu đầu ra
233	Người dùng phổ thông có thể xem danh sách các doanh nghiệp tiêu biểu có liên quan tới từ khóa tìm kiếm trên thiết bị di động	Dữ liệu đầu ra
234	Người dùng phổ thông có thể lựa chọn xem tiếp các kết quả tìm kiếm đầy đủ ở các danh sách kết quả theo từng chủ đề trên thiết bị di động	Dữ liệu đầu ra
235	Người dùng phổ thông có thể lựa chọn một sản phẩm để đánh giá trên thiết bị di động	Dữ liệu đầu vào
236	Hệ thống hiển thị giao diện đánh giá sản phẩm, người dùng phổ thông nhập nội dung đánh giá trên thiết bị di động	Dữ liệu đầu vào

237	Người dùng có thể chọn hình thức đánh giá theo cấp độ (1 sao, 2 sao, 3 sao, 4 sao, 5 sao)	Dữ liệu đầu vào
238	Người dùng xác thực bằng mã bảo vệ Captchar trên thiết bị di động	Dữ liệu đầu vào
239	Người dùng phổ thông lựa chọn chức năng truy xuất thông tin sản phẩm bằng cách soi quét mã BarCode/QRCode trên thiết bị di động	Dữ liệu đầu ra
240	Hệ thống hiển thị thông tin chi tiết chủ thể tham gia OCOP, chi tiết sản phẩm, nhật ký truy xuất của đơn vị sản phẩm trên thiết bị di động	Dữ liệu đầu ra
241	Người dùng phổ thông có thể xem danh sách, trạng thái còn hiệu lực, ngày ban hành các quy định, văn bản pháp luật về chương trình OCOP trên thiết bị di động	Dữ liệu đầu ra
242	Người dùng phổ thông có thể xem chi tiết các quy định, văn bản pháp luật về chương trình OCOP trên thiết bị di động	Dữ liệu đầu ra
243	Người dùng phổ thông có thể tìm kiếm quy định, văn bản pháp luật về chương trình OCOP trên thiết bị di động	Dữ liệu đầu ra
244	Người dùng phổ thông có thể xem hỗ trợ - hỏi đáp trên thiết bị di động	Dữ liệu đầu ra
245	Người dùng phổ thông chọn chủ đề và chọn câu hỏi mình cần quan tâm trên thiết bị di động	Dữ liệu đầu ra
246	Người dùng phổ thông có thể tìm kiếm hỗ trợ - hỏi đáp trên thiết bị di động	Dữ liệu đầu ra
247	Hệ thống hiển thị câu trả lời cho câu hỏi được chọn trên thiết bị di động	Dữ liệu đầu ra
247		

BẢNG TÍNH ĐIỂM CÁC TRƯỜNG HỢP SỬ DỤNG (USE-CASE)

Tên phần mềm: Xây dựng hệ thống thông tin OCOP và nông đặc sản của tỉnh

(Đơn vị tính: Điểm)

STT	Loại use case	Số use-case	Kết quả
1	B		
	Use case đơn giản	7	35
	Use case trung bình	68	680
	Use case phức tạp	2	30
2	M		
	Use case đơn giản	0	0
	Use case trung bình	0	0
	Use case phức tạp	0	0
3	T		
	Use case đơn giản	0	0
	Use case trung bình	0	0
	Use case phức tạp	0	0
	TBF = Cộng (B + M + T)	77	745

Ghi chú:

BMT
B: Có hệ số bằng 1
M: Có hệ số bằng 1.2
T: Có hệ số bằng 1.5

UCP
Đơn giản: Có giá trị bằng 5
Trung bình: Có giá trị bằng 10
Phức tạp: Có giá trị bằng 15

BẢNG TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG TÁC NHÂN (ACTORS)

Tên phần mềm: Xây dựng hệ thống thông tin OCOP và nông đặc sản của tỉnh

TT	Mô tả	Viết tắt	Độ phức tạp	Loại
1	Quản trị hệ thống	QTHT	Giao diện đồ họa (ứng dụng Website)	Phức tạp
2	Hệ thống	HT		Đơn giản
3	Cán bộ quản lý cấp huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc TW	CBH	Giao diện đồ họa (ứng dụng Website)	Phức tạp
4	Cán bộ quản lý cấp Tỉnh	CBT	Giao diện đồ họa (ứng dụng Website)	Phức tạp
5	Doanh nghiệp, tổ chức, HTX, Cá nhân, Chủ thể OCOP	CT	Giao diện đồ họa (ứng dụng Website)	Phức tạp
6	Người dùng phổ thông	NDPT	Giao diện đồ họa (ứng dụng Website)	Phức tạp

Ghi Chú:

- Loại đơn giản: Một máy tính với giao diện lập trình ứng dụng API.
 - Loại trung bình: Hoặc là giao diện người - máy qua “command line” hoặc thông qua một giao thức nào đó nhưng không có lập trình qua API.
 - Loại phức tạp: giao diện người - máy qua GUI (giao diện đồ họa).
- Actor – Tác nhân: là người hay hệ thống bên ngoài tương tác, trao đổi thông tin với hệ thống

BẢNG TÍNH TOÁN ĐIỂM CÁC TÁC NHÂN (ACTORS)

Tên phần mềm: Xây dựng hệ thống thông tin OCOP và nông đặc sản của tỉnh

(Đơn vị tính: Điểm).

STT	Loại actor	Số Actor	Trọng số	Tổng
				(Số Actor x Trọng số)
1	Actor Đơn giản	1	1	1
2	Actor Trung bình	0	2	0
3	Actor Phức tạp	5	3	15
	TAW= Tổng các Actors theo trọng số			16

BẢNG TÍNH TOÁN HỆ SỐ PHỨC TẠP KỸ THUẬT - CÔNG NGHỆ*Tên phần mềm: Xây dựng hệ thống thông tin OCOP và nông đặc sản của tỉnh*

TT	Các hệ số	Trọng số	Giá trị	Kết quả
I	Hệ số KT-CN (TFW)			32,5
1	Hệ thống phân tán	2	0	0
2	Tính chất đáp ứng tức thời hoặc yêu cầu đảm bảo	1	3	3
3	Hiệu quả sử dụng trực tuyến	1	5	5
4	Độ phức tạp của xử lý bên trong	1	3	3
5	Mã nguồn tái sử dụng được	1	3	3
6	Dễ cài đặt	0,5	2	1
7	Dễ sử dụng	0,5	5	2,5
8	Khả năng chuyển đổi	2	3	6
9	Dễ thay đổi	1	3	3
10	Sử dụng đồng thời	1	5	5
11	Có các tính năng bảo mật đặc biệt	1	1	1
12	Cung cấp truy nhập trực tiếp tới các phần mềm hãng	1	0	0
13	Yêu cầu phương tiện đào tạo đặc biệt cho người sử	1	0	0
	TCF = Hệ số điều chỉnh độ phức tạp về kỹ thuật = 0,6 + (0,01 x TFW)			0,925

3.324.578.000

BẢNG TÍNH TOÁN HỆ SỐ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG VÀ NHÓM LÀM VIỆC, HỆ SỐ PHỨC TẠP VỀ MÔI TRƯỜNG, XÁC ĐỊNH ĐỘ ỔN ĐỊNH KINH NGHIỆM VÀ NỘI SUY THỜI GIAN LAO ĐỘNG

Tên phần mềm: Xây dựng hệ thống thông tin OCOP và nông đặc sản của tỉnh

TT	Các hệ số tác động môi trường	Trọng	NV1	NV2	NV3	NV4	Giá trị xếp	Kết quả	Đánh giá độ
I	Hệ số tác động môi trường và nhóm làm							19,5	
	<i>Đánh giá cho từng thành viên</i>								
1	Có áp dụng qui trình phát triển phần mềm	1,5	5	3	3	1	3	4,5	1
2	Có kinh nghiệm về ứng dụng tương tự	0,5	5	5	3	3	4	2	0,1
3	Có kinh nghiệm về hướng đối tượng	1	3	3	3	3	3	3	0,6
4	Có khả năng lãnh đạo Nhóm	0,5	5	5	3	3	4	2	0,1
5	Tính năng động	1	3	1	3	1	2	2	0,1
	<i>Đánh giá chung cho dự án</i>								
6	Độ ổn định của các yêu cầu	2					3	6	1
7	Có sử dụng các nhân viên làm bán thời	-1					0	0	0
8	Dùng ngôn ngữ lập trình loại khó	-1					0	0	0
II	Hệ số phức tạp về môi trường (EF)							0,815	
III	Độ ổn định kinh nghiệm (ES)								2,9
IV	Nội suy thời gian lao động (P)								32

3.324.578.000

BẢNG TÍNH TOÁN GIÁ TRỊ PHẦN MỀM

Tên phần mềm: Xây dựng hệ thống thông tin OCOP và nông đặc sản của tỉnh

TT	Hạng mục	Diễn giải	Giá trị	Ghi chú
I	Tính điểm trường hợp sử dụng (Use-			
1	Điểm Actor (TAW)	Sheet TAW	16	
2	Điểm Use case (TBF)	Sheet TBF	745	
3	Tính điểm UUCP	UUCP=TAW + TBF	761	
4	Hệ số phức tạp về KT-CN (TCF)	TCF=0,6+(0,01 x TFW)	0,925	
5	Hệ số phức tạp về môi trường (EF)	EF=1,4+(-0,03 x EFW)	0,815	
6	Tính điểm AUCP	AUCP=UUCP x TCF x	573,698875	
II	Nội suy thời gian lao động (P)	P=người/giờ/AUCP	32	
III	Giá trị nỗ lực thực tế (E)	E=10/6 x AUCP	956,1647917	
IV	Mức lương lao động bình quân (H) - Sử dụng kỹ sư bậc 2	H=người/giờ	44.375	Đồng
V	Định giá phần mềm nội bộ (G)	G=1,4 x E x P x H	1.900.845.309	Đồng

BẢNG LƯƠNG NHÂN CÔNG

		Hdc	I	II	III	IV				
Hệ số điều chỉnh vùng			1,2	0,9	0,7	0,50				
TT	Tiêu chí xác định	Hệ số xác định								
1	Loại chuyên viên, kinh tế viên, kỹ sư		KS1	KS2	KS3	KS4	KS5	KS6	KS7	KS8
2	Hệ số bậc lương cơ bản (Hcb)		2,34	2,65	2,96	3,27	3,58	3,89	4,20	4,51
3	Hệ số phụ cấp (Hpc)		0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
4	Mức lương cơ sở (MLcs)		1.800.000	1.800.000	1.800.000	1.800.000	1.800.000	1.800.000	1.800.000	1.800.000
5	Điều chỉnh tăng thêm tiền lương (I+Hdc)		1,7	1,7	1,7	1,7	1,7	1,7	1,7	1,7
6	Lương cơ bản (Hcb+Hpc) * MLcs * (I+HDC)		7.160.400	8.109.000	9.057.600	10.006.200	10.954.800	11.903.400	12.852.000	13.800.600
7	Mức lương đóng bảo hiểm		4.212.000	4.770.000	5.328.000	5.886.000	6.444.000	7.002.000	7.560.000	8.118.000
8	Chi phí khác tính trong chi phí tiền lương, chi phí nhân công thuộc trách nhiệm đóng của người sử dụng lao động									
8.1	Bảo hiểm xã hội	17,5%	737.100	834.750	932.400	1.030.050	1.127.700	1.225.350	1.323.000	1.420.650
8.2	Bảo hiểm y tế	3,0%	126.360	143.100	159.840	176.580	193.320	210.060	226.800	243.540
8.3	Bảo hiểm thất nghiệp	1,0%	42.120	47.700	53.280	58.860	64.440	70.020	75.600	81.180
8.4	Kinh phí công đoàn	2,0%	84.240	95.400	106.560	117.720	128.880	140.040	151.200	162.360
9	Mức lương lao động/Tháng (Hcb+Hpc) * MLcs * (I+HDC) + BHLđ		8.150.220	9.229.950	10.309.680	11.389.410	12.469.140	13.548.870	14.628.600	15.708.330
10	Mức lương lao động/Ngày	26	313.470	354.998	396.526	438.054	479.582	521.110	562.638	604.167
11	Mức lương lao động/Giờ	8	39.184	44.375	49.566	54.757	59.948	65.139	70.330	75.521
Mức lương trung bình/tháng			9.229.950							
Mức lương trung bình/ngày			354.998							
Mức lương lao động trung bình/giờ			44.375							

Chú thích 1: Hệ số bậc lương cơ bản (Hcb): Quyết định 129/QĐ-BTTTT ngày 3/2/2021 về Hướng dẫn xác định đơn giá nhân công trong QLCP đầu tư ứng dụng CNTT sử dụng vốn NSNN

Chú thích 2: Mức lương cơ sở (MLcs): Nghị định 38/2019/NĐ-CP ngày 09/5/2019 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang

Chú thích 3: Điều chỉnh tăng thêm tiền lương (I+Hdc): Quyết định 129/QĐ-BTTTT ngày 3/2/2021 về Hướng dẫn xác định đơn giá nhân công trong QLCP đầu tư ứng dụng CNTT sử dụng vốn NSNN

Chú thích 4: Tỷ lệ đóng BHXH, BHYT, BHTN: Quyết định 595/QĐ-BHXH ngày 14/4/2017 Ban hành Quy trình thu bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp; cấp sổ bảo hiểm xã hội, thẻ bảo hiểm y tế

Chú thích 5: Kinh phí công đoàn: Nghị Định 191/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 Quy định chi tiết về tài chính công đoàn

Chú thích 6: 1 năm có 365 ngày trong đó có 104 ngày nghỉ (52 tuần *2) , 11 ngày lễ (1 tết dương, 5 tết âm, 1 giờ tổ hùng vương, 1 ngày 30/4, 1 ngày 1/5, 2 ngày 2/9), 12 ngày nghỉ phép. Tương ứng có 238 ngày công, thời gian lao động để tính mức lương lao động bình quân tháng là 26 ngày, mỗi ngày công có 8h làm việc

DỰ TOÁN KINH PHÍ NHẬP DỮ LIỆU BAN
(Kèm theo Công văn số /STC-TCHCSN ngày tháng 9 năm

TT	NỘI DUNG THỰC HIỆN	Đơn vị tính	Đơn giá thu thập dữ liệu	Số lượng sản phẩm
I	Thu thập thông tin			
1	Xây dựng tài liệu hướng dẫn thu thập dữ liệu	Tài liệu hướng dẫn	1.518.398	1
2	Thu thập bản gốc			560
	Thu thập thông tin hợp tác xã	Đơn vị thô gốc	2.536	466
	Thu thập thông tin sản phẩm OCOP	Đơn vị thô gốc	2.536	94
3	Quét tài liệu	Trang A4	2.596	2.424
4	Tạo lập kho dữ liệu thô lưu trữ dưới dạng số	Đơn vị thô gốc	3.824	560
II	Nhập dữ liệu			
1	Xây dựng tài liệu hướng dẫn nhập liệu	Tài liệu hướng dẫn	3.198.291	1
2	Nhập dữ liệu có cấu trúc	Trường dữ liệu	764	7.186
III	Kiểm tra dữ liệu			
1	Xây dựng tài liệu hướng dẫn kiểm tra dữ liệu	Tài liệu hướng dẫn	4.646.168	1
2	<i>Chi phí kiểm tra dữ liệu</i>			
	TỔNG CỘNG (CHƯA VAT)			
	THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG (Không chịu thuế)			
	TỔNG CỘNG (CHƯA VAT)			

ĐẦU

2022 của Sở Tài chính)

Đơn vị tính: đồng

Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
12.791.616	Theo 1595/QĐ-BTTTT Bộ TTTT
1.518.398	Định mức 1
1.420.070	Định mức 1
1.181.701	
238.369	
6.291.637	
2.141.440	
8.688.395	
3.198.291	Định mức 1
5.490.104	Định mức 1
5.720.169	
4.646.168	Định mức 1
1.074.000,57	Chi phí kiểm tra = 5% tổng chi phí thu thập và nhập dữ liệu
27.200.000	
-	
27.200.000	

STT	MÃ ĐM	NỘI DUNG	ĐV	ĐỊNH MỨC	THỰC TẾ	ĐƠN	HAO PHÍ
1	02,10,01,03,01	XÂY DỰNG TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN THU THẬP DỮ LI		ĐM1			1.518.398
	1	Lao động:					1.503.048
		Nhóm 01 KS3 và 01 KS2	Công				1.503.048
		Nhóm 1 KS3		2	2	396.526	793.052
		Nhóm 1 KS2		2	2	354.998	709.996
	2	Vật liệu:					2.808
		Giấy A4	Gram	0,06	0,06	46.800	2.808
		Vật liệu khác	%	5	0		-
	3	Thiết bị:					12.542
		Máy tính để bàn công suất 0,4kW/h	Ca	2,25	2,25	5.200	11.700
		Máy in laser công suất 0,6kW/h	Ca	0,045	0,045	2.500	113
		Máy photocopy công suất 1,3kW/h	Ca	0,0225	0,0225	32.400	729
		Thiết bị khác	%	3	0		-
2	02,10,01,04,01	THU THẬP BẢN GÓC		ĐM1			2.536
	1	Lao động:					2.508
		Nhóm 01 KS1	Công	0,008	0,008	313.470	2.508
	2	Thiết bị chính:					28
		Máy tính để bàn công suất 0,4kW/h	Ca	0,0054	0,0054	5.200	28
		Thiết bị khác	%	3	0		-
3	02,10,01,04,03	QUÉT TÀI LIỆU		ĐM1			2.596
	1	Lao động:					2.508
		Nhóm 1 KS1	Công	0,008	0,008	313.470	2.508
	2	Thiết bị chính:					88
		Máy tính để bàn công suất 0,4kW/h	Ca	0,008	0,008	5.200	42
		Máy scan 0,025kW/h	Ca	0,006	0,006	7.700	46
Thiết bị khác		%	3	0		-	
4	02.10.01.05.01	TẠO LẬP KHO DỮ LIỆU THÔ LƯU TRỮ DƯỚI DẠNG SỐ					3.824
	1	Lao động:					
		Nhóm 01 KS1	Công	0,012	0,012	313.470	3.762
		Thiết bị					

	2	Máy tính để bàn công suất 0,4kW/h	Ca	0,012	0,012	5.200	62
		Thiết bị khác	%	3	0		-
	02,10,04,01,01	XÂY DỰNG TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN NHẬP LIỆU		ĐM1			3.198.291
	1	Lao động:					3.172.209
		Nhóm 2 KS3	Công	4	4	793.052	3.172.209
5	2	Vật liệu:					5.616
		Giấy A4	Gram	0,12	0,12	46.800	5.616
		Vật liệu khác	%	5	0		-
		Thiết bị:					20.466
	3	Máy tính để bàn công suất 0,4kW/h	Ca	3,375	3,375	5.200	17.550
	Máy in laser công suất 0,6kW/h	Ca	0,126	0,126	2.500	315	
	Máy photocopy công suất 1,3kW/h	Ca	0,09	0,09	32.400	2.916	
	Thiết bị khác	%	3	0		-	
	02.10.04.02.01	NHẬP DỮ LIỆU CÓ CẤU TRÚC					764
6	1	Lao động:					
		Nhóm 01 KS1	Công	0,0024	0,0024	313.470	752
	2	Thiết bị					
		Máy tính để bàn công suất 0,4kW/h	Ca	0,00225	0,00225	5.200	12
	Thiết bị khác	%	3	0		-	
	02,10,06,01,01	LẬP TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN KIỂM TRA DỮ LIỆU TẠO		ĐM1			4.646.168
7	1	Lao động:					4.599.569
		Nhóm 3 KS4	Công	3,5	3,5	1.314.163	4.599.569
	2	Vật liệu:					5.897
		Giấy A4	Gram	0,12	0,12	46.800	5.616
		Vật liệu khác	%	5	5		281
		Thiết bị:					40.702
	3	Máy tính để bàn công suất 0,4kW/h	Ca	6,75	6,75	5.200	35.100
		Máy in laser công suất 0,6kW/h	Ca	0,1575	0,1575	2.500	394
		Máy photocopy công suất 1,3kW/h	Ca	0,1125	0,1125	32.400	3.645
		Thiết bị khác	%	5	5		1.957

STT	Thiết bị	Đơn vị	Giá trị	Thời gian Khấu hao	Chi phí Khấu hao		
					1 năm	1 tháng	Công
1	Máy tính để bàn công suất 0,4kW/h (bao gồm bộ lưu điện) Hãng sản xuất: Dell Chủng loại: Vostro 3910 Bộ vi xử lý: Core i5-12400 Chipset: Intel® B660 Bộ nhớ trong: 8GB DDR4 3200Mhz Ổ cứng: 512GB SSD Kích thước (HxWxD): (32.43 x 15.4 x 29.2) cm Trọng lượng: 6.75 kg Nguồn: 400W	Bộ	12.999.091	8	1.624.886	135.407	5.208
2	Máy in laser công suất 0,6kW/h Hãng sản xuất: Canon Model: Laser MF913W đa năng Chức năng: Đa năng, In laser đen trắng Độ phân giải: 600 x 400 dpi, 600 x 600 dpi Công nghệ in mịn ảnh: 2400 x 600 dpi. Khổ giấy: A4, A5, B5, Letter Kết nối: Có dây/Không dây: Tốc độ in trang đầu tiên: 6.3 giây Tốc độ sao chép: 9.0 giây Tốc độ quét: 2.4 giây Tốc độ in đen trắng: 22 trang/phút Bộ nhớ tiêu chuẩn 256 MB Màn hình Màn hình LCD 5 dòng + Đèn sau Kích thước 372 x 320 x 255 mm Trọng lượng 8.4 kg	Chiếc	6.354.545	8	794.318	66.193	2.546

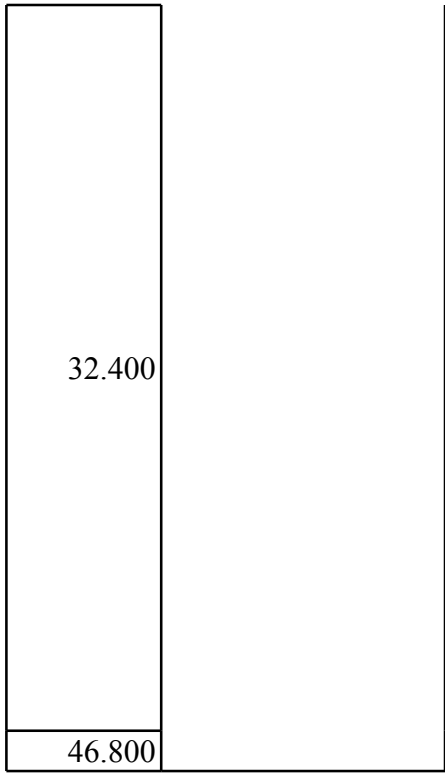
3	<p>Máy scan 0,025kW/h Model: Kodak S2050 Màn hình hiển thị LCD: 1.5 Inch. Cảm biến hình ảnh: CIS x 02. Tốc độ quét : 50 tờ/phút. Khô giấy: A4. Độ phân giải: 600 dpi. Kiểu quét: Quét 2 mặt tự động. Định dạng ảnh đầu ra Single and multi-page TIFF, JPEG, RTF, BMP, PDF, searchable PDF, TXT, PNG, CSV, Word and Excel. Phần mềm tách bộ và hỗ trợ tiếng Việt. Kiểu kết nối: USB 3.1 (tương thích USB 2.0, USB 3.0). Kích thước (WxDxH) : 312 x 204 x 182,5(mm). Trọng lượng: 3.3kg. Công suất: 5.000 trang /ngày</p>	Chiếc	19.450.000	8	2.431.250	202.604	7.792
---	---	-------	------------	---	-----------	---------	-------

4	Máy photocopy công suất 1,3kW/h Model: Ricoh IM 2500 Bộ nạp và đảo 2 mặt bản gốc: Có sẵn. Chức năng đảo 2 mặt bản sao: Có sẵn Khổ giấy sao chụp tối đa: A3 Tốc độ sao chụp/ in: 25 bản/phút. Khay giấy vào: 2 khay x 550 tờ Khay giấy tay: 100 tờ. Thu nhỏ / phóng to: 25% – 400% Sao chụp liên tục: 999 tờ Độ phân giải copy: 600 dpi. Độ phân giải in: 1.200×1.200 dpi Định lượng giấy: 52 -300g/m2 Dung lượng bộ nhớ: 2 GB + ổ cứng: 320GB Kích thước (Rộng x Dài x Cao): 587 x 673 x 913 mm Trọng lượng: 62.5 Kg. Nguồn điện: 220-240V, 50/60Hz Công suất tiêu thụ tối đa : 1600W.	Chiếc	81.000.000	8	10.125.000	843.750	32.452
5	Giấy A4 Pagi 65	Gram	46.818				46.818

Chi phí tính định	Ghi chú
5.200	
2.500	

*Thông tư 45/2013/TT-
BTC ngày 25/4/2013*

7.700



ĐÀO TẠO SỬ DỤNG PHẦN MỀM

STT	Nội dung công việc	ĐVT	Khối lượng
1	Đào tạo hướng dẫn sử dụng cho người dùng (Thời gian đào tạo 02 ngày (04 buổi), số lượng 10 học viên)		
+	Chi thù lao giảng viên chính (1 người/1buổi)	Buổi	4
+	Chi thù lao trợ giảng (1 người/1buổi)	Buổi	4
+	Photo tài liệu cho học viên	Bộ	10
+	Văn phòng phẩm phục vụ lớp học	Người	10
+	Nước uống cho học viên và giảng viên (20.000 đồng/người/buổi)	Người	40
2	Đào tạo quản trị hệ thống (Thời gian đào tạo 02 ngày (04 buổi), số lượng 05 học viên)		
+	Chi thù lao giảng viên chính (1 người/1buổi)	Buổi	4
+	Chi thù lao trợ giảng (1 người/1buổi)	Buổi	4
+	Photo tài liệu cho học viên	Bộ	5
+	Văn phòng phẩm phục vụ lớp học	Người	5
+	Nước uống cho học viên và giảng viên (20.000 đồng/người/buổi)	Buổi	20
3	Chi phí khác		
+	<i>Phụ cấp lưu trú 2 người x 4 ngày (04 ngày đào tạo)</i>	<i>Người/ngày</i>	8
+	<i>Phòng nghỉ (3 đêm)</i>	<i>Phòng/đêm</i>	3
	TỔNG CỘNG		

Phụ lục 4

M

Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
	5.600.000	
800.000	3.200.000	<i>Thông tư 36/2018/TT-BTC</i>
400.000	1.600.000	<i>Thông tư 36/2018/TT-BTC</i>
30.000	300.000	<i>Thông tư 36/2018/TT-BTC</i> <i>Theo giá thị trường</i>
10.000	100.000	<i>TTLT 142/2010/TTLT-BTC-BTTTT</i>
10.000	400.000	<i>Thông tư 40/2017/TT-BTC</i>
	5.200.000	
800.000	3.200.000	<i>Thông tư 36/2018/TT-BTC</i>
400.000	1.600.000	<i>Thông tư 36/2018/TT-BTC</i>
30.000	150.000	<i>Thông tư 36/2018/TT-BTC</i> <i>Theo giá thị trường</i>
10.000	50.000	<i>TTLT 142/2010/TTLT-BTC-BTTTT</i>
10.000	200.000	<i>Thông tư 40/2017/TT-BTC</i>
	1.950.000	
150.000	1.200.000	<i>Thông tư 40/2017/TT-BTC</i>
250.000	750.000	<i>Thông tư 40/2017/TT-BTC</i>
	12.750.000	

BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ KIỂM THỬ PHẦN MỀM

Tên phần mềm: Xây dựng hệ thống thông tin OCOP và nông đặc sản của tỉnh

TT	Khoản mục chi phí	Cách tính	Giá trị	Ký hiệu
1	Giá trị phần mềm	$1,4 \times E \times P \times H$	150.694.021	G
2	Chi phí chung (Chi phí quản lý tại doanh nghiệp: chi phí liên lạc thông tin và đi lại cho nhân viên, chi phí khấu hao máy móc phục vụ việc vận hành doanh nghiệp, chi phí quản lý nhân viên, trả lương cho các bộ phận hỗ trợ quản lý, chi phí đầu tư nghiên cứu phát triển phần mềm, đào tạo chuyên gia)	$G \times 65\%$	97.951.114	C
3	Thu nhập chịu thuế tính trước	$(G+C) \times 6\%$	14.918.708	TL
4	Chi phí phần mềm	$G + C + TL$	263.563.843	GPM
	TỔNG (Làm tròn)	GPM	263.563.000	

GIÁ TRỊ KIỂM THỬ

TT	Hạng mục	Diễn giải
I	Tính điểm trường hợp sử dụng (Use-case)	
1	Điểm Actor (UAW)	
2	Điểm Use case (UUCW)	
3	Tính điểm UUCP	$UUCP = AW + UCW$
4	Hệ số phức tạp về KT-CN (TCF)	$TCF = 0,6 + 0,014 * TTF$
5	Hệ số phức tạp về môi trường (ECF)	$ECF = 1,14 + (-0,0362) * TEF$
6	Tính điểm AUCP	$AUCP = UUCP * TCF * ECF$
II	Nội suy thời gian lao động (P)	$P \text{ (người/giờ/AUCP)}$
III	Giá trị nỗ lực thực tế (E)	$E = AUCP * P$
IV	Mức lương lao động bình quân (H)	$H = \text{người/giờ}$
V	Giá trị kiểm thử phần mềm (G)	$G = E * H$

Giá trị	Ghi chú
16	
745	
761	
0,922	
0,242	
169,7970	
20	
3.395,9400	
44.375	đồng
150.694.021	đồng

BẢNG TÍNH TOÁN ĐIỂM CÁC TÁC NHÂN (ACTORS)

Tên phần mềm: Xây dựng hệ thống thông tin OCOP và nông đặc sản của tỉnh

(Đơn vị tính: Điểm).

STT	Loại actor	Số Actor	Trọng số	Tổng
				(Số Actor x Trọng số)
1	Actor Đơn giản	1	1	1
2	Actor Trung bình	0	2	0
3	Actor Phức tạp	5	3	15
	TAW= Tổng các Actors theo trọng số			16

BẢNG TÍNH ĐIỂM CÁC TRƯỜNG HỢP SỬ DỤNG

Tên phần mềm: Xây dựng hệ thống thông tin OCOP và nó

STT	Loại use case	Số use-case
1	B	
	Use case đơn giản	7
	Use case trung bình	68
	Use case phức tạp	2
2	M	
	Use case đơn giản	0
	Use case trung bình	0
	Use case phức tạp	0
3	T	
	Use case đơn giản	0
	Use case trung bình	0
	Use case phức tạp	0
	TBF = Cộng (B + M + T)	77

Ghi chú:

BMT
B: Có hệ số bằng 1
M: Có hệ số bằng 1.2
T: Có hệ số bằng 1.5

ỤNG (USE-CASE)

ông đặc sản của tỉnh

(Đơn vị tính: Điểm)

Kết quả
35
680
30
0
0
0
0
0
0
745

UCP
Đơn giản: Có giá trị bằng 5
Trung bình: Có giá trị bằng 10
Phức tạp: Có giá trị bằng 15

BẢNG TÍNH TOÁN HỆ SỐ PHỨC TẠP KỸ THUẬT

TT	Các hệ số KT	Trọng số chuẩn	Giá trị xếp hạng	Kết quả
I	Hệ số KT-CN (TTF)			
T1	Các công cụ kiểm thử	2	5	10
T2	Tài liệu đầu vào	2	3	6
T3	Tái sử dụng kho dữ liệu kiểm thử	1	0	0
T4	Hệ thống phân tán	2	0	0
T5	Các mục tiêu hiệu suất	1	3	3
T6	Các tính năng bảo mật	1	3	3
T7	Giao diện phức tạp	1	1	1
	Cộng I (TTF)	Total TF		23
	TCF	$TCF=0,6+(0,014)*TTF$		0,922

Diễn giải lý do

Có sử dụng công cụ kiểm thử mất phí không? Có sử dụng công cụ kiểm thử trực tiếp không? Có cần công cụ hỗ trợ trong quá trình kiểm thử không? Có đòi hỏi các công cụ quản lý quy trình kiểm thử không?

Tài liệu yêu cầu người dùng có đủ theo yêu cầu hay không? Tài liệu mô tả kiến trúc hệ thống có đủ theo yêu cầu hay không? Tài liệu xác định yêu cầu kiểm thử có đúng theo yêu cầu hay không?

Dự án có sử dụng lại kho dữ liệu hay không?

Kiến trúc của hệ thống là tập trung hay phân tán? Hệ thống được thiết kế theo mô hình nhiều lớp hay không? Trọng số càng cao tương ứng với hệ thống càng phức tạp.

Hệ thống đáp ứng được bao nhiêu người sử dụng đồng thời? Số giao dịch hay số yêu cầu tối đa mà hệ thống có thể phục vụ? Tài nguyên hệ thống, tài nguyên mạng hệ thống đòi hỏi để đáp ứng các tham số trên? Thời gian tối thiểu để hoàn thành một giao dịch?

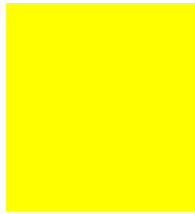
Hệ thống có đảm bảo an toàn thông tin, hạn chế và khắc phục các lỗ hổng bảo mật? Khả năng nâng cao các chức năng an toàn bảo mật cho hệ thống và cập nhật nhanh chóng các bản vá lỗi ngay khi lỗi được phát hiện.

Giao diện sử dụng phương pháp thiết kế và bố cục đòi hỏi kỹ năng thiết kế ở mức cao, khả năng sáng tạo, tính logic trong thiết kế và tính thuận tiện, đơn giản với người sử dụng.

BẢNG 6.6. TÍNH HỆ SỐ PHỨC TẠP MÔI TRƯỜNG

Các hệ số tác động môi trường	Mức xếp hạng (Từ 0 đến 5)	Trọng số chuẩn
Hệ số tác động môi trường (TEF)		
Có hiểu biết về ứng dụng	0 = Không có hiểu biết 3 = Trung bình 5 = Trình độ chuyên gia	1,5
Môi trường kiểm thử	0 = Không cần 3 = Không phức tạp 5 = Rất phức tạp	0,5
Dữ liệu kiểm thử	0 = Không cần 3 = Cần ít 5 = Cần rất nhiều	1
Có khả năng lãnh đạo Nhóm kiểm thử	0 = Không có kinh nghiệm 3 = Trung bình 5 = Trình độ chuyên gia	0,5
Tính chất năng động	0 = Không năng động 3 = Trung bình 5 = Cao	1
Độ ổn định của các yêu cầu	0 = Rất bất định 5 = Không hay thay đổi	2
Có sử dụng các nhân viên làm Part-time	0 = Không có NV Part-time 3 = Có nhân viên làm Part-time 5 = Tất cả đều làm Part-time	-1
Cộng I (TEF)		
Total EF		
Hệ số độ phức tạp về môi trường ECF (Environmental Complex Factor)		
ECF = 1,4+(-0,0362)* TEF		

TB cộng giá trị xếp hạng	Kết quả (KQ)	Đánh giá độ ổn định KN (ES_{NV})
5	7,5	1,00
5	2,5	0,60
5	5	1,00
4	2	0,10
5	5	1,00
5	10	1,00
0	0	0,00
	32	
	0,242	



BẢNG TỔNG HỢP SÔ LƯỢNG TÁC NHÂN (ACTORS)

Tên phần mềm: Xây dựng hệ thống thông tin OCOP và nông đặc sản của

TT	Mô tả	Viết tắt	Độ phức tạp
1	Quản trị hệ thống	QTHT	Giao diện đồ họa (ứng dụng Website)
2	Hệ thống	HT	
3	Cán bộ quản lý cấp huyện, quận,	CBH	Giao diện đồ họa (ứng dụng Website)
4	Cán bộ quản lý cấp Tỉnh	CBT	Giao diện đồ họa (ứng dụng Website)
5	Doanh nghiệp, tổ chức, HTX, Cá nhân, Chủ thể OCOP	CT	Giao diện đồ họa (ứng dụng Website)
6	Người dùng phổ thông	NDPT	Giao diện đồ họa (ứng dụng Website)

Ghi Chú:

- Loại đơn giản: Một máy tính với giao diện lập trình ứng dụng API.
 - Loại trung bình: Hoặc là giao diện người - máy qua “command line” hoặc thông qua thức nào đó nhưng không có lập trình qua API.
 - Loại phức tạp: giao diện người - máy qua GUI (giao diện đồ họa).
- Actor – Tác nhân: là người hay hệ thống bên ngoài tương tác, trao đổi thông tin với h

i)
tính

Loại
Phức tạp
Đơn giản
Phức tạp
Phức tạp
Phức tạp
Phức tạp

à một giao

ệ thống